



FDVN LAW FIRM

FDVN

LAW FIRM

**TỔNG HỢP
BẢN ÁN HÀNH CHÍNH
LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC
ĐĂNG KÝ KINH
DOANH, CẤP PHÉP
ĐẦU TƯ**

Email: fdvnlawfirm@gmail.com / Phone: 0935.643.666

Web: www.fdv.vn / www.fdvnlawfirm.vn / www.diendanngheluat.vn

ADDRESS: 99 NGUYEN HUU THO, HAI CHAU DISTRICT, DA NANG CITY

TỔNG HỢP CÁC BẢN ÁN HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ KINH DOANH, CẤP PHÉP ĐẦU TƯ

Tài liệu nghiệp vụ

STT	TÊN BẢN ÁN VÀ NỘI DUNG	TRANG
1.	<p>Bản án số 02/2015/HC-ST ngày 27/7/2015 Khiếu kiện hành vi hành chính về việc không thực hiện thủ tục thay đổi họ tên người đứng tên trong giấy CNĐKKD hộ kinh doanh cá thể của Tòa án nhân dân quận X, thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Nội dung: ông ND_ Long và bà ND_ Thu trình bày: Bà Thu là người có quyền sử dụng hợp pháp lâu dài đối với Sạp 30 Chợ XC, Quận X và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 41D8002060/HKD ngày 28/6/2006, đăng ký lại ngày 31/3/2006. Vì lý do sức khỏe, bà Thu muốn chuyển tên trên giấy phép kinh doanh nêu trên cho ông Long. Ông Long đã đến Ban Quản lý Chợ XC để nộp hồ sơ xin thay đổi tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng không được chấp nhận. Do đó, ông Long và bà Thu yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính về việc không thực hiện thủ tục thay đổi tên hộ kinh doanh cá thể từ bà Thu sang ông Long trong GCNĐKKD hộ kinh doanh cá thể của BD_UBND Quận X là trái pháp luật. Yêu cầu UBND Quận X thực hiện việc sang tên từ bà Thu sang ông Long trong GPĐKKD nêu trên theo quy định.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định: Căn cứ vào sự thừa nhận của các bên đương sự thì bà Thu là người hiện đang có quyền sử dụng hợp pháp lâu dài (không thời hạn) đối với Sạp 30 (DT: 9m²), Chợ XC nên bà Thu yêu cầu làm thủ tục thay đổi họ tên người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể đối với sạp chợ nêu trên là phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 02/2003/NĐ-CP. Theo Điều 49 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thì hộ kinh doanh bao gồm: hộ kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình là chủ. Căn cứ vào “GCNĐKKD hộ kinh doanh cá thể” số 41D8002060/HKD thì bà Thu là người đứng tên đăng ký kinh doanh đối với Sạp 30 (DT: 9m²) tại Chợ XC, Quận X thì đây là hộ kinh doanh cá nhân, không phải hộ gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 55 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP, Điều 39, 41 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT và Phụ lục III-1 ban hành kèm theo Thông tư này thì nội dung đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể gồm có: Tên hộ kinh doanh; Địa điểm kinh doanh; Ngành, nghề kinh doanh và vốn kinh doanh. Như vậy, theo quy định nêu trên thì việc chuyển đổi từ họ tên bà Thu sang họ tên ông Long trong GCNĐKKD không phải là thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như ông Long, bà Thu cũng như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Long đã trình bày vì tên hộ kinh doanh khác họ tên cá nhân hoặc tên đại diện hộ gia đình trong “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể”. Do vậy UBND Quận X từ chối không nhận “Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh”</p>	17 - 25

	<p>ngày 21/4/2015 của bà Thu là đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Điều 39, 41 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 cùng phục lục số III-1 thì ông Long phải làm “Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh”. Tại phụ lục số III-1 nêu trên quy định rõ: Người đăng ký phải cam kết: Địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của người đề nghị đăng ký và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật. Về phía bà Thu phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng Sạp 30 cho ông Long để ông Long có đủ điều kiện xin đăng ký kinh doanh mới nên theo quy định, bà Thu sẽ không còn quyền kinh doanh tại Sạp 30 do địa điểm kinh doanh không còn. Bà Thu phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh và phải cam kết hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản. Vì vậy, UBND Quận X hướng dẫn bà Thu làm thủ tục chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh cá thể và ông Long làm thủ tục đăng ký kinh doanh mới là đúng quy định pháp luật.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Long và bà Thu.</p>	
<p>2.</p>	<p>Bản án số 144/2017/HC-PT ngày 20/7/2017 về Khiếu kiện Quyết định hành chính về thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giải thể doanh nghiệp của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Nội dung: Công ty Th được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2007 với 2 thành viên góp vốn là ông L và bà U theo GCNĐKKD số 2200272406 do Phòng ĐKKD Sở KHĐT tỉnh Sóc Trăng (Phòng ĐKKD) cấp ngày 24/12/2013. Ngày 24/12/2013, Phòng ĐKKD ra thông báo số 562 về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải thu hồi GCNĐKDN. Ngày 25/02/2014, Phòng ĐKKD ban hành Quyết định số 378 về việc thu hồi GCNĐKDN đối với công ty Th. Ngày 03/6/2015, Phòng ĐKKD ra Thông báo số 261 về việc doanh nghiệp giải thể đối với Công ty Chế biến thủy sản Th với lý do giải thể: Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do vi phạm Luật Doanh nghiệp. Đồng thời xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh. Công ty Th đã khiếu nại đề nghị Phòng ĐKKD thu hồi Thông báo số 261 để đợi kết quả giải quyết của Tòa án và để doanh nghiệp có thời gian thu xếp kế hoạch đảm bảo thanh toán các khoản nợ nhưng Phòng ĐKKD cũng không trả lời và không thu hồi thông báo trên. Vì vậy Công ty Th đã tiến hành khởi kiện.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Th.</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định: Công ty Th không định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của Công ty với Phòng ĐKKD theo mẫu quy định, cũng không thực hiện việc rà soát, cập nhật thông tin về đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế theo yêu cầu của Phòng ĐKKD, cũng như không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 163 của Luật Doanh nghiệp năm</p>	<p>26 - 35</p>

	<p>2005 đến Phòng ĐKKD trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản và cũng không đến Phòng ĐKKD để giải trình. Ngoài ra, Công ty Chế biến thủy sản Th đã ngưng hoạt động kinh doanh từ tháng 01/2013, nhưng không thông báo với Phòng ĐKKD. Do đó, Phòng ĐKKD đã ban hành Quyết định số 378 về việc thu hồi GCNDN của Công ty Th là đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 163; các điểm đ, e và g khoản 2 Điều 165 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010. Ngày 03/6/2015 Phòng ĐKKD đã ra Thông báo số 261 về việc doanh nghiệp giải thể đối với Công ty Th và xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh là đúng với quy định tại khoản 6 Điều 158 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và khoản 7 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.</p> <p>Tòa án phúc thẩm tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Th.</p>	
<p>3.</p>	<p>Bản án số 298/2017/HC-PT ngày 12/10/2017 về việc khởi kiện quyết định hành chính của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội</p> <p>Nội dung: Lợi dụng việc ông C1 – Tổng giám đốc Công ty P bị tạm giữ hình sự, một số thành viên HĐQT đã tự tiến hành 02 cuộc họp HĐQT để bầu ông U là Chủ tịch HĐQT và ông H3 là Tổng giám đốc Công ty. Ngày 01/12/2015, Phòng ĐKKD – Sở KHĐT tỉnh Phú Thọ đã cấp Giấy CNĐKDN với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty. Bà B không đồng ý với việc cấp giấy GNĐKKD nên đã khiếu nại Sở KHĐT. Sở KHĐT cũng đã ban hành văn bản giải quyết khiếu nại nhưng bà B không đồng ý nên bà đã tiến hành khởi kiện.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của bà B.</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định: Tư cách thành viên của ông U được xác định bởi kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 20/5/2014. Người khởi kiện cho rằng ông U không phải là thành viên HĐQT là không có căn cứ. Ngày 27/8/2014 HĐQT công ty có nghị quyết về việc nhất trí để ông Q thôi tham gia HĐQT và thôi giữ chức chủ tịch HĐQT. Theo quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014 HĐQT có quyền miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT. Sau ngày này, Công ty chưa có Chủ tịch HĐQT nên việc tiến hành họp HĐQT để bầu Chủ tịch là cần thiết. Tại cuộc họp HĐQT ngày 16/10/2015 ông C1 không tham gia mà chỉ có 03 thành viên HĐQT là ông U, ông Cảnh, ông Minh tham gia họp nhưng theo quy định tại khoản 8 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2014 cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp, tại cuộc họp này thống nhất bầu ông U là chủ tịch HĐQT. Cuộc họp HĐQT ngày 03/11/2015 có nội dung miễn nhiệm chức danh tổng giám đốc của ông C1 và đề cử ông H3 làm tổng giám đốc công ty là thực hiện đúng quyền của HĐQT quy định tại điểm i khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014 và cuộc họp được 3/3 thành viên dự họp nhất trí thông qua. Như vậy các cuộc họp HĐQT là đúng</p>	<p>36 - 45</p>

	<p>quy định pháp luật. Theo khoản 2 Điều 4 Nghị định 43/2010/NĐ - CP và khoản 7 Điều 8 Luật Doanh nghiệp 2014 thì Phòng ĐKKD cấp giấy CNĐKKD là đúng pháp luật.</p> <p>Tòa án phúc thẩm tuyên: Bác kháng cáo của bà B.</p>	
4.	<p>Bản án số 117/2018/HC-PT ngày 08/5/2018 về việc Khiếu kiện Quyết định hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Nội dung: Theo Giấy CNĐKDN đăng ký thay đổi lần 22 của Công ty TNHH T1 có 2 thành viên góp vốn là bà T và ông K do bà T làm giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật. Ngày 16/9/2014, Phòng ĐKKD đã cấp GCNĐKKD thay đổi lần 24 với nội dung đăng ký 2 thành viên góp vốn là ông H1 và bà P do ông H1 làm Chủ tịch HĐQT đồng thời là người đại diện theo pháp luật. Ngày 10/11/2014 bà T và ông K đã khiếu nại đề nghị Phòng ĐKKD hủy bỏ GCNĐKKD vì cho rằng bà T không hề làm các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký, hồ sơ đăng ký thay đổi lần 23 và 24 là giả mạo. Do không thấy khiếu nại của mình được giải quyết, ngày 13/9/2016 bà T đã khởi kiện.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; hủy Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 23</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định: Ngày 25/4/2017, Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có kết luận giám định cho rằng “Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” và “Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp” đã bị thay trang. Do tài liệu trong hồ sơ đăng ký là giả mạo nên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật.</p> <p>Tòa án phúc thẩm tuyên: Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.</p>	47 - 54
5.	<p>Bản án số 27/2018/HC-ST ngày 27/11/2018 về việc khởi kiện quyết định về thu hồi giấy chứng nhận đầu tư và quyết định giải quyết khiếu nại của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p> <p>Nội dung: Ngày 20/4/2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn P nhận được Quyết định số 963 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi GCNĐT cấp cho Công ty P với lý do dự án đã được cấp GCNĐT từ năm 2011 đến nay chủ đầu tư không triển khai dự án. Ngày 11/6/2015 Công ty gửi đơn khiếu nại . Sau đó qua một số lần đối thoại nhưng vẫn không tìm ra phương án giải quyết. Ngày 23/11/2015, Chủ tịch UBND ra quyết định 3706 bác đơn khiếu nại của Công ty P, giữ nguyên quyết định 963. Do vậy Công ty P đã khởi kiện yêu cầu tuyên hủy các quyết định trên và yêu cầu phía điện lực khôi phục việc cấp điện cho công ty. Ngày 23/11/2015, Chủ tịch UBND ban hành quyết định 3220 về việc thu hồi quyết định</p>	56 - 61

	<p>3706 và ngày 08/10/2018 UBND đã ban hành quyết định 3531 về việc bãi bỏ quyết định 963.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định: Do đối tượng khởi kiện là các quyết định 963 và 3706 không còn nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Xét yêu cầu Công ty điện lực khôi phục việc cung cấp điện, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu trên không phải là đối tượng áp dụng của Luật tố tụng hành chính bởi Công ty điện lực là đơn vị kinh doanh chứ không phải cơ quan nhà nước. Nên HĐXX đình chỉ với yêu cầu này.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty P về yêu cầu hủy 2 quyết định hành chính, đình chỉ yêu cầu Công ty điện lực khôi phục lại việc cấp điện.</p>	
<p>6.</p>	<p>Bản án số 01/2019/HC-PT ngày 08/01/2019 về việc Khiếu kiện quyết định quản lý về đầu tư của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội</p> <p>Nội dung: Ngày 03/8/2015, Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B ban hành Quyết định số 43 về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty V và Quyết định số 44 về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V. Ngày 22/4/2016, Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 9835384345 cho Công ty F tại địa chỉ mà trước đó đã cấp cho Công ty V. Ngày 01/7/2016 Công ty V khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 43, 44, trả lại địa vị pháp lý cho Công ty V, bồi thường thiệt hại cho Công ty V, hủy GCNĐKĐT số 9835384345.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty V.</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định:</p> <p><i>Về thẩm quyền ban hành Quyết định 43 và 44:</i> Căn cứ Điều 38, Điều 41, Điều 48 Luật đầu tư, Điều 37 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP, Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B xác định Ban quản lý các KCN có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cũng như thu hồi giấy chứng nhận đầu tư; việc Trưởng Ban quản lý KCN tỉnh B ban hành 02 quyết định nêu trên là có vi phạm thẩm quyền nhưng không làm thay đổi bản chất của 02 quyết định; Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định Ban quản lý các KCN tỉnh B cần rút kinh nghiệm là đúng.</p> <p><i>Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định 43 và 44:</i> Biên bản làm việc ngày 08/4/2015 giữa Ban quản lý và Công ty V đã thống nhất nội dung: Công ty V chậm tiến độ đầu tư khoảng 85 tháng, sử dụng đất không hiệu quả, vi phạm các quy định của pháp Luật đầu tư. Công ty V không báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh về Ban quản lý từ tháng 5/2014 và hiện nay Công ty V đã ngừng hoạt động sản xuất; Công ty V chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước về tiền thuê lại đất có hạ tầng, tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước</p>	<p>62 - 75</p>

	<p>thải với số tiền khoảng 1,57 tỷ đồng; Công ty V chưa có phương án cụ thể về đầu tư, sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Ngày 22/4/2015, Ban quản lý có Công văn số 271/KCN-DN về việc nhắc nhở thực hiện dự án đầu tư của Công ty V. Do đó quyết định số 43 là có căn cứ theo quy định tại Điều 48 Luật đầu tư năm 2014, quyết định số 44 là đúng theo quy định tại Điều 41 Luật đầu tư năm 2014.</p> <p><i>Đối với yêu cầu hủy giấy CNĐKĐT số 9835384345:</i> Ban quản lý KCN cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 cho Công ty F là có căn cứ theo quy định tại Điều 34, Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Luật đầu tư, Điều 28 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B.</p> <p>Công ty V kháng cáo cho rằng đất chưa thu hồi nhưng cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F thì thấy: Tại điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật đầu tư quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh thì hồ sơ dự án cần có: “Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư”; không quy định bắt buộc nhà đầu tư phải có hợp đồng thuê đất. Việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F trên lô đất đã cho Công ty V thuê không có nghĩa khẳng định quyền sử dụng lô đất cho Công ty F, mà trách nhiệm của Công ty F và Ban quản lý KCN là xử lý tài sản trên đất rồi mới ký hợp đồng thuê đất.</p> <p>Theo quy định tại Điều 190 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Công ty V kháng cáo cho rằng đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B vi phạm nghiêm trọng điều 160 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 là không có cơ sở.</p> <p>Tòa án phúc thẩm tuyên: Bác kháng cáo của người khởi kiện.</p>	
7.	<p>Bản án số 17/2019/HC-PT ngày 27/02/2019 về việc khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực đăng ký kinh doanh của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng</p> <p>Nội dung: Công ty Đ nộp hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật tại Phòng ĐKKD – Sở KHĐT tỉnh Quảng Nam ngày 01/10/2015 và được cấp Phiếu giao nhận số 2034 hẹn trả hồ sơ vào ngày 02/10/2015. Ngày 02/10/2015, Phòng ĐKKD ban hành Thông báo 1255/TB-ĐKKD về việc bổ sung hồ sơ đăng ký kinh doanh. Căn cứ theo thông báo trên Công ty Đ đã đến bổ sung hồ sơ nhưng không được nhận hồ sơ mà phòng ĐKKD yêu cầu Công ty đưa hai cổ đông gồm bà N2 và ông T2 vào sổ đăng ký cổ đông và đưa vào danh sách có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông và tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của hai người này. Không đồng ý với cách làm việc của Phòng ĐKKD nên Công ty đã làm đơn khiếu nại nhưng vẫn</p>	76 - 82

	<p>không được giải quyết. Tháng 7/2017 Công ty tiếp tục nộp hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật đến Phòng ĐKKD. Ngày 13/4/2018, Phòng ĐKKD ban hành Công văn số 43 với nội dung hoãn việc giải quyết hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty. Do đó, Công ty Đ đã tiến hành khởi kiện.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc Phòng ĐKKD – Sở KHĐT tỉnh Quảng Nam cấp Giấy CNĐKDN về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật cho Công ty Đ.</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định: Theo quy định tại Điều 43 Nghị định 78/2015/NĐ-CP thì Công ty cổ phần Đ nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định đối với thủ tục đăng ký người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần. Công ty cổ phần Đ nộp hồ sơ yêu cầu thay đổi người đại diện theo pháp luật hai lần vào năm 2015 và năm 2017. Kể từ thời điểm nộp hồ sơ cho đến nay đã 04 năm nhưng hồ sơ vẫn chưa được giải quyết trong khi hiện nay Công ty không có người đại diện theo pháp luật. Theo quy định tại Điều 28 Nghị định 78/2015/NĐ-CP thì thời hạn giải quyết đối với thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Mặc dù hồ sơ yêu cầu thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ không thuộc trường hợp quy định tại Điều 56 và không bị xử lý theo quy định tại Điều 58 Nghị định 78/2015/NĐ-CP nhưng Phòng ĐKKD không giải quyết thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty mà thông báo tạm hoãn giải quyết hồ sơ của Công ty là không đúng theo quy định tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP.</p> <p>Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Công ty Đ không trung thực trong việc làm thủ tục, đó là không đưa ông T2 và bà N2 vào danh sách cổ đông của Công ty nên đây cũng chính là lý do Phòng không chấp nhận làm thủ tục theo yêu cầu của Công ty. Theo quy định tại khoản 7 Điều 126 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 quy định: <i>“Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của Công ty từ thời điểm các thông tin của họ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông”</i>. Như vậy giữa bà N2, ông T2 với Công ty Đ có tranh chấp và hiện nay đang được giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (theo ý kiến của Công ty cổ phần Đ), nếu bà N2 ông T2 có được nhận lại cổ phần sau khi họ được thi hành án thì họ chỉ trở thành cổ đông của Công ty cổ phần Đ khi họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</p> <p>Tòa án phúc thẩm tuyên: Không chấp nhận đơn kháng cáo của Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Quảng Nam.</p>	
8.	Bản án số 24/2019/HC-PT ngày 01/03/2019 về việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng	83 - 96

Nội dung: Ngày 20-6-2017, Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Quảng nam cấp giấy CNĐKKD thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C đối với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông T sang ông Đ. ngày 21-6-2017, Phòng ĐKKD đã đăng tải Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty C lên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia do ông Nguyễn Thành Đ ký, với nội dung thay đổi mẫu con dấu, do con dấu cũ bị mất. Tuy nhiên, trên thực tế những nội dung thay đổi nêu trên chưa được Đại hội đồng cổ đông cũng như Hội đồng quản trị Công ty C thông qua, con dấu của Công ty C vẫn do ông T quản lý, sử dụng và lưu giữ tại trụ sở Công ty C theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty C. Do đó Công ty X với tư cách là cổ đông của Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy CNĐKKD thay đổi lần thứ 10 của công ty C và khôi phục lại giấy CNĐKKD thay đổi lần thứ 9.

Tòa án sơ thẩm tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X

Tòa án phúc thẩm nhận định:

Về tư cách cổ đông của Công ty X: Công ty X đăng ký doanh nghiệp tại Hồng Kông do ông T làm giám đốc. Theo Sổ đăng ký cổ đông số 062/07-2013/CV ngày 01-7-2013 của Công ty C do ông Nguyễn Thành Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký, đóng dấu, có chữ ký của các cổ đông, thì Công ty C đã ghi nhận cổ đông là Công ty W chiếm 49% cổ phần của Công ty C. Tại khoản 4 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: “Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ”. Như vậy, sau ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy CNĐKDN thì cổ đông Công ty C chuyển nhượng cổ phần cho Công ty X là đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 3 Điều 87, khoản 5 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 Công ty X nhận chuyển nhượng cổ phần là tuân thủ các quy định về việc mua bán cổ phần. Tuy nhiên, sau khi Công ty X nhận chuyển nhượng cổ phần, Công ty C chưa thực hiện thông báo về thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty cổ phần chưa niêm yết là vi phạm Điều 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, nhưng hành vi này không làm mất tư cách cổ đông của Công ty X.

Về biên bản họp HĐQT lần 3 ngày 9/5/2017 của Công ty C: việc ông Đoàn tham dự cuộc họp HĐQT (lần 3) ngày 09-5-2017 của Công ty C với tư cách thành viên HĐQT là không phù hợp, nên việc ông Đoàn thực hiện việc biểu quyết tại cuộc họp HĐQT không có giá trị và Biên bản cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 của Công ty C là không đúng quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Về trình tự, thời hạn triệu tập các cuộc họp HĐQT của Công ty C: Cuộc họp lần thứ nhất được triệu tập vào ngày 15-3-2017, cuộc họp lần thứ hai triệu tập vào ngày 27-3-2017, cuộc họp lần thứ ba triệu

	<p>tập vào ngày 09-5-2017. Như vậy, các lần triệu tập họp lần thứ hai, lần thứ ba của Chủ tịch HĐQT Công ty C đều đã quá thời hạn 07 ngày theo khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Do đó, việc triệu tập cuộc họp vào ngày 09-5-2017 của Chủ tịch HĐQT Công ty C được xem là triệu tập cuộc họp lần đầu. Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 12.6 Điều lệ của Công ty quy định cuộc họp lần đầu chỉ tiến hành khi có $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Tại cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 (lần đầu) là cuộc họp lần đầu của Công ty C, do đó phải có $\frac{3}{4}$ thành viên HĐQT tham dự. Ngày 09-5-2017, chỉ có ông Đ và bà M Mowrey dự họp là không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp và thông qua quyết định của HĐQT. Do đó, cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 của Công ty C không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên.</p> <p>Như vậy, Phòng ĐKKD thuộc Sở KHĐT tỉnh Quảng Nam đã không xem xét hồ sơ một cách đầy đủ, kỹ lưỡng nên khi nhận hồ sơ đăng ký thay đổi của Công ty C đã cấp GCNĐKDN.</p> <p>Tòa án phúc thẩm tuyên: Giữ nguyên bản án sơ thẩm</p>	
<p>9.</p>	<p>Bản án số 264/2019/HC-PT ngày 16/5/2019 về việc khiếu kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Nội dung: Ông H là cổ đông sáng lập và người đại diện theo pháp luật Công ty B, chức danh Chủ tịch HĐQT. Ngày 18/11/2015, ông nhận được thông tin cho biết Công ty B Việt Nam đã thay đổi Chủ tịch HĐQT với người đại diện theo pháp luật mới là ông L. Việc thay đổi này đã được Phòng ĐKKD Sở K Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN (đăng ký thay đổi lần thứ 11) ngày 11/11/2015. Ngày 19/11/2015, ông gửi Văn bản số 035 yêu cầu Phòng ĐKKD hủy Giấy CNĐKDN ngày 11/11/2015. Ông H cho rằng đã có việc sử dụng con dấu giả trong các cuộc họp HĐQT. Nay ông khởi kiện yêu cầu thu hồi Giấy CNĐKDN thay đổi lần 11, 12, khôi phục lại Giấy CNĐKDN thay đổi lần 10; khôi phục lại mẫu dấu đăng ký trước ngày 18/11/2015; thu hồi, hủy bỏ con dấu thay đổi sau ngày 18/11/2015; buộc Phòng ĐKKD bồi thường thiệt hại.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Chấp nhận một phần khởi kiện của ông H về việc yêu cầu hủy các GCNĐKKD, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khôi phục mẫu dấu và bồi thường thiệt hại.</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định:</p> <p>Hồ sơ Công ty B nộp để đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đúng quy định và việc Phòng đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 ngày 11/11/2015 là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên về nội dung kê khai trong các văn bản mà Công ty B đã nộp cho Phòng ĐKKD có sự giả mạo, cụ thể: Tại thời điểm họp HĐQT Công ty ông H vẫn còn là Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhưng ông H</p>	<p>97 - 104</p>

	<p>không được tham gia cuộc họp là vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Doanh nghiệp. Công ty đã sử dụng con dấu đã thay đổi chưa có hiệu lực đóng vào hồ sơ xin thay đổi người đại diện theo pháp luật ngày 31/10/2015. Vi phạm này thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp; Điều 62 Nghị định 78/2015/NĐ-CP. Ngoài ra, sau lần thay đổi thứ 11, Công ty B tiếp tục đăng ký thay đổi lần thứ 12 về thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty nhưng vẫn giữ nguyên người đại diện theo pháp luật là ông L.</p> <p>Tòa án phúc thẩm tuyên: Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Phòng ĐKKD – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty B và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm</p>	
10.	<p>Bản án số 688/2019/HC-PT ngày 5/8/2019 về việc khiếu kiện quyết định cấp giấy phép thành lập cơ sở kinh doanh của thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Nội dung: Mặc dù chưa làm thủ tục chấm dứt hoạt động, nhưng Phòng Kinh tế quận 6 đã xóa tên hộ kinh doanh và thu hồi Giấy CNĐKKD của ông Tr. theo Giấy xác nhận số 47 ngày 24/01/2014 vì chữ viết và chữ ký trong Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh không phải là của ông Tr. Ngày 24/01/2014, Phòng Kinh tế quận 6 cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho bà Th với cùng ngành nghề và cùng tên hộ kinh doanh với ông Tr. Do đó ông Th khởi kiện yêu cầu hủy GCNĐK HKD cho bà Th nêu trên.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Không chấp nhận yêu cầu của ông Tr.</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định: Xét lời trình bày của người kháng cáo cho rằng người bị kiện cấp Giấy CNĐK hộ KD số 41F8021555 không đúng cho bà Th là đại diện Hộ kinh doanh Thuận Th với cùng ngành nghề kinh doanh, cùng tên hộ kinh doanh là không phù hợp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP như đại diện Viện kiểm sát đã kết luận là có cơ sở, bởi vì ngày 22/01/2014 Chi cục Thuế quận 6 đã xác nhận là ông Tr kinh doanh tại địa chỉ 437B Phạm Văn Ch đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp thuế, khóa mã số thuế đến ngày 21/01/2014. Do đó, Phòng Kinh tế quận 6 ban hành Giấy XN số 47 thông báo chấm dứt hoạt động và xóa tên hộ kinh doanh của ông Tr là có căn cứ. Người kháng cáo khẳng định là được biết sự việc UBND quận 6 đã xóa tên hộ kinh doanh, thu hồi Giấy CNĐKKD số 41F8007087 đã cấp cho mình vào tháng 9, 10/2014 nhưng chỉ có đơn khiếu nại gửi UBND quận 6, mà không có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy việc thu hồi giấy chứng nhận này nên đề nghị cấp phúc thẩm tuyên khôi phục lại Giấy CNĐKKD số 41F8007087 là không có cơ sở như đã phân tích trên đây. Cấp sơ thẩm nhận định việc phục hồi giấy chứng nhận theo yêu cầu của ông</p>	105 - 108

	<p>Tr là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là không phù hợp, cần rút kinh nghiệm.</p> <p>Tòa án phúc thẩm tuyên: Không chấp nhận kháng cáo của ông Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm</p>	
<p>11.</p>	<p>Bản án số 159/2019/HC-PT ngày 24/9/2019 về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh của Tòa án nhân cấp cao tại Đà Nẵng</p> <p>Nội dung: Công ty K là Công ty có 100% vốn đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư là Công ty T được thành lập năm 1998 tại tỉnh Quảng Bình theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Ông M là Chủ tịch HĐQT và ông H là tổng giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty. Tháng 7/2015 Công ty T bị Tòa án thành phố Prague Cộng hòa Séc tuyên bố phá sản cử ông JC làm quản tài viên của Công ty T và giao cho ông JC toàn quyền xử lý 100% số vốn góp của Công ty T tại Công ty K. Tháng 2/2016, ông JC làm đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam công nhận và cho thi hành bản án nói trên. Ngày 11/10/2016 tại Quyết định số 31/2016/QĐPT-KDTM Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Quyết định thụ lý số MSPH 93INS 4348/2015-A- 66 ngày 26/6/2015 của Tòa án thành phố Prague Cộng hòa Séc tuyên bố về tình trạng phá sản của Công ty T và đã xác nhận bên được thi hành án là ông JC, bên phải thi hành án là Công ty K. Ngày 13/3/2017, Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình cấp giấy CNĐKDN thay đổi lần thứ 5 của Công ty TNHH K với chủ sở hữu mới là ông JC và người đại diện theo pháp luật mới của Công ty là ông H1. Cùng ngày Sở KH&ĐT cấp GCNĐKĐT thay đổi lần thứ 5 với nhà đầu tư là ông JC.</p> <p>Công ty T cho rằng Phòng ĐKKD đã tự ý thay đổi GCNĐKKD cũng như GCNĐKĐT như trên mà không thông qua ý kiến của Công ty T – chủ sở hữu là hoàn toàn trái pháp luật. Nên Công ty T yêu cầu Tòa án tuyên hủy GCNĐKKD và GCNĐKĐT thay đổi lần 5; Buộc Phòng ĐKKD bồi thường thiệt hại.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của công ty T.</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định: Việc Tòa án Việt Nam cho công nhận và thi hành Quyết định Tuyên bố phá sản của Tòa án thành phố Prague, Cộng Hòa Séc là phù hợp với Điều 46, 47 Hiệp định tương trợ tư pháp năm 1982 giữa hai nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Séc (kế thừa của Tiệp Khắc). Công ty T đã bị tuyên bố phá sản, Quyết định tuyên bố phá sản đó đã có hiệu lực pháp luật và được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng công nhận và cho thi hành tại Việt Nam. Theo nội dung phán quyết của Tòa án đã giao cho Quản tài viên là ông JC thực thi mọi quyền và nghĩa vụ đối với Công ty T, ông I là Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty T trước khi Công ty này bị tuyên bố phá sản, theo nội dung phán quyết của Tòa án ông JC, quản tài viên là</p>	<p>109 - 120</p>

	<p>người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty, do vậy ông I không thể thay mặt cho doanh nghiệp đã bị Tòa án tuyên bố phá sản để tiến hành khởi kiện vụ án hành chính theo luật Tố tụng hành chính của nước CHXHCN Việt Nam, chính vì vậy trong trường hợp này, Công ty T do ông I là Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty T đã bị tuyên bố phá sản không có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án Việt Nam. Các quyền và lợi ích hợp pháp khác của ông I người đại diện theo pháp luật của Công ty T hoặc của những người liên quan khác nếu có ảnh hưởng chỉ có thể bảo vệ thông qua các quan hệ pháp luật dân sự, kể cả việc yêu cầu xem xét lại các quyết định hành chính. Lẽ ra, sau khi thụ lý, kiểm tra các tài liệu chứng cứ để đối chiếu với quy định của Luật Tố tụng hành chính, xem xét người khởi kiện có quyền khởi kiện hay không, trường hợp người khởi kiện không có quyền khởi kiện thì phải đình chỉ giải quyết vụ án theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đưa ra xét xử và ban hành bản án là không đúng với các quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hành chính.</p> <p>Tòa án phúc thẩm tuyên: Hủy bản án sơ thẩm.</p>	
<p>12.</p>	<p>Bản án số 33/2020/HC-PT ngày 20/02/2020 về việc Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy CNĐKKD của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Tiền Giang của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Nội dung: Ngày 21/12/2016, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở KHĐT Tiền Giang đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV đăng ký thay đổi lần thứ ba (chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang Công ty TNHH MTV) cho Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga. Không đồng ý nên S (Công ty Liên doanh thủy sản V-N) đã khởi kiện yêu cầu hủy bỏ GCNĐKDN nêu trên.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Không chấp nhận khiếu kiện của Công ty Liên doanh thủy sản V-N.</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định: Ngày 09/10/2007, Phòng ĐKKD - Sở KHĐT tỉnh Tiền Giang cấp Giấy CNĐKKD công ty TNHH hai thành viên trở lên, cấp lần đầu cho Công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang. Công ty có hai thành viên là S và Công ty CPTM Satra Tiền Giang. Vốn điều lệ là 06 tỷ đồng, mỗi thành viên góp 03 tỷ đồng = 50%. Theo đại diện người bị kiện thì Giấy CNĐKKD trên được cấp trên cơ sở Hợp đồng về việc thành lập công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang giữa công ty CPTM Satra Tiền Giang với S ký ngày 20/8/2007. Theo S thì: Xí nghiệp Nước đá Liên doanh Tiền Giang đã thực hiện: Toàn bộ vốn, công nợ, tài sản, diện tích đất, hồ sơ tài liệu đã được kiểm kê, thẩm định giá và bàn giao nguyên trạng sang Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang (trong đó có phần vốn góp của S tại Xí nghiệp Nước đá Liên doanh Tiền Giang) khi thành lập Thủy sản Việt Nga- Tiền Giang. Riêng phần bổ sung vốn theo hợp đồng thành lập công ty TNHH thủy sản</p>	<p>121 - 134</p>

Việt- Nga Tiền Giang không do người có thẩm quyền và đại diện theo pháp luật ký nên đã không được thực hiện.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành GCNĐKDN công ty TNHH MTV đăng ký thay đổi lần 3 ngày 21/12/2016 (chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty TNHH MTV): Ngày 22/11/2016, ông Trần Văn T là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang đến Phòng ĐKKD đăng ký chuyển đổi công ty TNHH 2TV trở lên thành công ty TNHH MTV. Việc đăng ký là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 31 Luật doanh nghiệp năm 2014, đúng thẩm quyền của Phòng ĐKKD.

Về nội dung GCNĐKDN công ty TNHH MTV đăng ký thay đổi lần 3 ngày 21/12/2016 (chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty TNHH MTV): Quá trình giải quyết vụ kiện tranh chấp giữa các thành viên công ty về việc góp vốn, TAND tỉnh Tiền Giang đã xét xử bằng bản án số 109/2011/KDTM-ST ngày 21/6/2011. Theo nội dung bản án thì S có văn bản số 10/SPFC-2010 ngày 25/8/2010 phủ nhận việc ký hợp đồng về việc thành lập công ty TNHH tủy sản Việt Nga- Tiền Giang này 20/8/2007, cho rằng người đại diện cho bên S là ông Sotnikov không có thẩm quyền ký hợp đồng này. Bản án đã nhận định: “*Hợp đồng thành lập công ty thủy sản Việt Nga- Tiền Giang và bản điều lệ của công ty này là không phù hợp quy định của pháp luật tại điểm a, b khoản 1 Điều 38 Luật doanh nghiệp năm 2005... Từ ngày 09/10/2007 đến nay công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang với giấy đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp vẫn hoạt động bình thường với số vốn chỉ riêng công ty Satra đóng góp... Công ty Việt Nga không góp vốn thì không còn là thành viên công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang, lẽ ra thì công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang phải làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh...”. Bản án này hiện nay đang có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 39 Luật doanh nghiệp năm 2005, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 48 Luật doanh nghiệp năm 2014 thì hết thời hạn góp vốn, thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty và công ty phải thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Thời hạn góp vốn với theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 01/10/2010 là 36 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Như vậy, việc thành lập Việt Nga Tiền Giang trên cơ sở hợp đồng ngày 20/8/2007 giữa S với Satra nhưng S đã có văn bản phủ nhận tư cách thành viên, cho rằng hợp đồng thành lập công ty vô hiệu, không góp cổ phần, không cử người tham gia điều hành công ty. Theo bản án số 109/2011/KDTM-ST và các quy định pháp luật được viện dẫn trên thì S không còn là thành viên của Việt Nga- Tiền Giang. Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên đăng ký thay*

	<p>đôi lần thứ 3 cho Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga -Tiền Giang là đúng pháp luật.</p> <p>Tòa án phúc thẩm nhận định: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga S; giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.</p>	
13.	<p>Bản án số 11/2020/HC-ST ngày 23/9/2020 về việc khiếu kiện Quyết định chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận của dự án đầu tư của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn</p> <p>Nội dung: Ngày 28-6-2012, UBND tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy CNĐT chứng nhận lần đầu số: 14121000279 cho Công ty cổ phần Đ là nhà đầu tư thực hiện với mục tiêu: Trồng rừng nguyên liệu gỗ từ cây bạch đàn. Quy mô dự án: Trồng mới 4.000 ha cây bạch đàn theo tiến độ thiết kế và giao đất cho thuê của Nhà nước, bảo đảm từ năm thứ 7 cung cấp khoảng 100.000 m³/năm. Ngày 09-5-2018, Sở K ban hành Quyết định số: 61 về việc chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của dự án đầu tư Trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn Lý do chấm dứt hoạt động: Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư do: Nhà đầu tư không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư. Công ty không nhất trí với Quyết định số 61. Công ty đã có đơn khiếu nại Quyết định số 61 gửi đến Sở K. Mặc dù việc khiếu nại đã được thụ lý từ năm 2018, nhưng đến nay Công ty không nhận được quyết định giải quyết khiếu nại. Xét thấy, quyền và lợi ích chính đáng bị ảnh hưởng nên Công ty khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 61; yêu cầu khởi kiện của Công ty đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý vụ án vào ngày 19-3-2020.</p> <p>Tòa án sơ thẩm nhận định:</p> <p><i>Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 61:</i> Tại Điều 32 của Luật Đầu tư năm 2014 xác định rõ: UBND tỉnh có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, không thực hiện việc cấp Giấy CNĐKĐT. Thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy CNĐKĐT được quy định rất rõ tại khoản 1 Điều 3, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 40, Điều 41 của</p>	135 - 148

Luật Đầu tư năm 2014 và tại Điều 28 của Nghị định 118. Theo các quy định này: Cơ quan đăng ký đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy CNĐKĐT. Theo quy định trên Sở K và Ban quản lý KCN, KCX, KCNC và KKT có thẩm quyền tiếp nhận, cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy CNĐKĐT.

Về căn cứ, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 61: Qua kết quả kiểm tra, đánh giá dự án thấy rằng: Kể từ khi được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư, đến thời điểm kiểm tra dự án đã được hơn 05 năm nhưng Công ty chưa hoàn thành tiến độ trồng cây theo quy định tại Giấy CNĐT. Đối với diện tích rừng đã trồng thì kém hiệu quả, không được Công ty (cử người) chăm sóc, bảo vệ để cho cây trồng phát triển tự nhiên nên mật độ trồng cây thưa thớt, cây trồng không có sự tăng trưởng, sinh trưởng kém, không đủ tiêu chí xác định rừng theo quy định tại Thông tư số 34/2009/TTBNNPTNT. Đối với diện tích đất được thuê tại thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Công ty vẫn chưa triển khai trồng rừng vì chưa thỏa thuận được với nhân dân về vấn đề đền bù. Dự án chậm tiến độ, Công ty dừng thực hiện dự án từ năm 2014 đến thời điểm kiểm tra được 39 tháng nhưng Công ty không có văn bản báo cáo đề nghị cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho dừng thực hiện dự án. Công ty đã vi phạm các quy định của Luật Đầu tư, vi phạm Điều 26 Nghị định số 118 và vi phạm quy định về tiến độ thực hiện dự án, trách nhiệm của nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư đã được UBND tỉnh cấp. Công ty chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định. Điều này thể hiện Công ty đã vi phạm quy định về chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư tại Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP. Thực hiện thủ tục liên lạc với nhà đầu tư và người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Nghị định số 118, Sở K đã ban hành Thông báo số 74 về kết quả kiểm tra dự án gửi đến nhà đầu tư và đề nghị người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Sở K làm việc vào ngày 19-4-2018 để báo cáo giải trình làm rõ các nội dung liên quan đến dự án. Ngày 19-4-2018, Công ty đã đến làm việc trực tiếp với Sở K về kết quả kiểm tra tiến độ thực hiện, đánh giá dự án. Công ty cho rằng do khó khăn, biến động về nhân sự nên dự án triển khai chậm tiến độ đã được quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, đến nay chưa hoàn thành trồng rừng toàn bộ theo quy mô đã được phê duyệt. Công ty kiến nghị cơ quan chức năng xem xét cho Công ty được tiếp tục thực hiện dự án. Nhưng Công ty không cung cấp tài liệu chứng minh năng lực tài chính, biện pháp tổ chức thực hiện dự án, như về con người, kế hoạch triển khai thực hiện tiếp theo. Công ty có quyền đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi xin giãn tiến độ. Tuy nhiên, chính Công ty cũng khẳng định đến thời điểm Sở K thực hiện quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và đến khi xét xử thì Công ty không có văn bản đề xuất giãn tiến độ dự án theo khoản 1 Điều 46 Luật Đầu tư năm 2014. Dự án đầu tư của Công ty thuộc trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư năm 2014. Do vậy, Sở K đã tiến hành thủ tục chấm

	<p>dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy CNĐT của Công ty theo hướng dẫn cụ thể tại Điều 41 của Nghị định số 118 là hoàn toàn đúng thủ tục.</p> <p>Tòa án sơ thẩm tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ.</p>	
--	---	--

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HCM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2015/HC-ST

Ngày: 27/7/2015

Vụ án: “*Khiếu kiện hành vi hành chính về việc không thực hiện thủ*”

tục thay đổi họ tên người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X – THÀNH PHỐ HCM
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Hồ Thị C

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn T

2. Ông Nguyễn Hữu L

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trương Thị K**, cán bộ Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố HCM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang T** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2015/TLST-HC ngày 30 tháng 3 năm 2015 về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính về việc không thực hiện thủ tục thay đổi họ tên người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 538/2015/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2015 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông **ND_Tăng Văn Long**, sinh năm 1976 (có mặt)

2. Bà **ND_Tăng Thị Kim Thư**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 019 Chung cư ĐVB, Phường 12, Quận X, TP. HCM.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **ND_Tăng Văn Long**: Luật sư **NĐP** - Luật sư Văn phòng Luật sư **TNNP** thuộc Đoàn Luật sư Thành phố HCM (có mặt).

Người bị kiện:

BD_Ủy ban nhân dân Quận X

Địa chỉ: 5 ĐNH, Phường 12, Quận X, Thành phố HCM.

Ủy quyền cho: Ông Đinh Thiên Địa, Chuyên viên phòng kinh tế Quận X đại diện (có mặt).

Người làm chứng:

Ban Quản lý chợ XC, Quận X

Địa chỉ: 01 ĐL, Phường 12, Quận X, Thành phố HCM.

Có ông Trần Ngọc Năng, Trưởng Ban Quản lý đại diện (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/03/2015 và các lời khai tiếp theo, ông ND_Tăng Văn Long và bà ND_Tăng Thị Kim Thư trình bày: Bà ND_Thư là người có quyền sử dụng hợp pháp lâu dài đối với Sạp 30 Chợ XC, Quận X và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 41D8002060/HKD ngày 28/6/2006, đăng ký lại ngày 31/3/2006. Vì lý do sức khỏe, bà ND_Thư muốn chuyển tên trên giấy phép kinh doanh nêu trên cho ông ND_Long. Ông ND_Long đã đến Ban Quản lý Chợ XC để nộp hồ sơ xin thay đổi tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng không được chấp nhận. Do đó, ông ND_Long và bà ND_Thư yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính về việc không thực hiện thủ tục thay đổi tên hộ kinh doanh cá thể từ bà ND_Thư sang ông ND_Long trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể của BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X là trái pháp luật. Yêu cầu BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X thực hiện việc sang tên từ bà ND_Thư sang ông ND_Long trong Giấy phép kinh doanh nêu trên theo quy định.

Sau buổi đối thoại giữa ông ND_Long, bà ND_Thư và BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X ngày 17/4/2015, ông ND_Long và bà ND_Thư đã đến BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X để xin làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, cụ thể: Đăng ký tên hộ kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ bà ND_Thư sang ông ND_Long. Tại đây, ông ND_Long và bà ND_Thư được cán bộ BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X hướng dẫn phải làm thủ tục ngưng đăng ký kinh doanh đối với bà ND_Thư rồi mới làm thủ tục cho ông ND_Long đứng tên đăng ký kinh doanh. Hướng dẫn của cán bộ BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X cũng giống như ý kiến trình bày của ông Đinh Thiên Địa, đại diện theo ủy quyền của BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X tại buổi đối thoại ngày 17/4/2015. Ông ND_Long và bà ND_Thư cho rằng hướng dẫn của BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X như nêu trên là không đúng. Vì vậy, cho đến nay các đương sự vẫn chưa nộp hồ sơ xin thay đổi đăng ký kinh doanh. Nay ông ND_Long và bà ND_Thư vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Theo văn bản số 1052/UBND-NC ngày 17/4/2015 của BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X và lời khai của ông Đinh Thiên Địa, đại diện theo ủy quyền của BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X tại bản tự khai ngày 13/7/2015 thì: Chợ XC được xây dựng lại vào năm 1985, toàn bộ vốn xây dựng do Nhà nước (cụ thể là BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X) đầu tư, sau đó Ban Quản lý Chợ XC sắp xếp, bố trí các tiểu thương vào kinh doanh. Từ trước đến nay, BĐ_Ủy ban nhân dân Quận X và Ban Quản lý Chợ XC chưa tiến hành bất kỳ thủ tục nào để ký kết hợp đồng sử dụng sạp chợ lâu dài cho tiểu thương kinh doanh trong

chợ. Cho đến nay, bà NĐ_Thư vẫn là người có quyền sử dụng hợp pháp Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC và chưa làm thủ tục sang nhượng cho bất kỳ ai.

Thời điểm trước ngày 30/3/2015 bà NĐ_Thư và ông NĐ_Long chưa liên hệ Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả hồ sơ - Văn phòng BD_Ủy ban nhân dân Quận X để được hướng dẫn, thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh. Qua các lần đối thoại tại Tòa án nhân dân Quận X, BD_Ủy ban nhân dân Quận X đã hướng dẫn bà NĐ_Thư và ông NĐ_Long thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể như sau:

- Bà NĐ_Thư làm thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh tại Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC theo Điều 42, Chương 6, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp gồm:

+ Thông báo chấm dứt hoạt động theo mẫu Phụ lục III-5 (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT);

+ Bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Xác nhận các khoản nợ bao gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện.

- Ông NĐ_Long phải thực hiện đăng ký mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh tại Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC theo Điều 39, Chương 6, Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp gồm:

+ Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-1 (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT);

+ Xác nhận của Ban Quản lý Chợ XC (Theo thông tư số 06/2003/TT-BTM ngày 15/8/2003 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Quản lý chợ);

+ Bản sao y có thị thực giấy chứng minh nhân dân của ông NĐ_Long.

Tuy nhiên cho đến nay, bà NĐ_Thư và ông NĐ_Long vẫn chưa đến Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả hồ sơ - Văn phòng BD_Ủy ban nhân dân Quận X để làm thủ tục.

BD_Ủy ban nhân dân Quận X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông NĐ_Long và bà NĐ_Thư về việc yêu cầu BD_Ủy ban nhân dân Quận X cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể cho ông NĐ_Long tại địa điểm kinh doanh Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC vì không có cơ sở.

Người làm chứng là Ban Quản lý Chợ XC do ông Trần Ngọc Năng, Trưởng Ban Quản lý đại diện trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ tại Ban Quản lý thể hiện vào năm 2012, bà Lê Trang Đài đã gửi đơn ngăn chặn việc chuyển tên đối với Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC do bà NĐ_Tăng Thị Kim Thư đứng tên. Tại thời điểm này, bà Đài vẫn chưa khởi kiện bà NĐ_Thư. Đến năm 2013, sau khi Tòa án nhân dân Quận X xét xử xong vụ kiện giữa bà Đài và bà NĐ_Thư, bà Đài đã gửi cho Ban Quản lý bản án dân sự sơ thẩm số 174/2013/DS-ST ngày 30/9/2013. Đến tháng 10/2014, ông NĐ_Tăng Văn Long và bà NĐ_Thư có đến Ban Quản lý đề nghị làm thủ tục chuyển tên người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC từ bà NĐ_Thư sang ông NĐ_Long. Bà Huỳnh Nguyễn Chi Lan - nhân viên của Ban Quản lý chưa nhận hồ sơ

của ông Nguyễn Đình Long và bà Nguyễn Đình Thư vì:

- Tại thời điểm ông Nguyễn Đình Long và bà Nguyễn Đình Thư nộp hồ sơ thì bà Đài đã nộp cho Ban Quản lý chợ XC bản án dân sự sơ thẩm số 174/2013/DS-ST ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận X. Theo bản án, bà Nguyễn Đình Thư phải trả cho bà Đài số tiền 286.000.000 đồng nhưng bà Nguyễn Đình Thư chưa thi hành số tiền nêu trên cho bà Đài.

- Căn cứ vào Khoản 3 mục 2 Phần thứ 1 của Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 24/8/2010 của Ban Ủy ban nhân dân Quận X về triển khai thực hiện việc đăng ký hộ kinh doanh theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ đã nêu rõ được từ chối việc đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể khi phát hiện địa điểm đăng ký kinh doanh nêu trong đơn đăng ký kinh doanh có khiếu nại, tranh chấp chưa được giải quyết ...

Căn cứ vào các quy định nêu trên, Ban Quản lý tạm thời chưa nhận hồ sơ của ông Nguyễn Đình Long và đã nhiều lần giải thích cho ông Nguyễn Đình Long, bà Nguyễn Đình Thư biết lý do. Sau đó, ông Nguyễn Đình Long và bà Nguyễn Đình Thư gửi đơn khiếu nại đến Ban Quản lý Chợ XC khiếu nại về việc bà Lan chưa nhận hồ sơ. Ngày 18/11/2014, Ban Quản lý đã mời bà Nguyễn Đình Thư đến để giải quyết khiếu nại và đã nói rõ lý do Ban Quản lý Chợ XC chưa nhận hồ sơ. Đồng thời, Ban Quản lý cũng thông báo sẽ xin ý kiến của Ban Ủy ban nhân dân Quận X để có hướng giải quyết đối với trường hợp của bà Nguyễn Đình Thư. Tại cuộc họp giải quyết khiếu nại, bà Nguyễn Đình Thư đã rút lại đơn khiếu nại đối với bà Lan và tiếp tục khiếu nại nội dung chuyển đổi người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Sau đó, Ban Quản lý Chợ XC đã có văn bản gửi Ban Ủy ban nhân dân Quận X. Phòng Tư pháp Quận X cũng đã có văn bản kiến nghị đối với Ban Ủy ban nhân dân Quận X về việc giải quyết chuyển quyền kinh doanh tại Sạp 30 (DT: 9m²), Chợ XC đối với bà Nguyễn Đình Thư. Ban Ủy ban nhân dân Quận X giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận X nghiên cứu nội dung báo cáo của Phòng Tư pháp Quận X đề xuất hướng giải quyết. Tuy nhiên cho đến nay, Ban Quản lý vẫn chưa nhận được văn bản hay ý kiến chỉ đạo của Ban Ủy ban nhân dân Quận X đối với trường hợp khiếu nại của bà Nguyễn Đình Thư. Còn bà Nguyễn Đình Thư và ông Nguyễn Đình Long có tiếp tục nộp đơn khiếu nại đến Ban Ủy ban nhân dân Quận X hay không thì Ban Quản lý không biết.

Mặt khác, ngày 10/4/2014 Chi cục Thi hành án dân sự Quận X có công văn gửi Ban Quản lý ngăn chặn việc chuyển đổi quyền kinh doanh đối với Sạp 30 (DT: 9m²), Chợ XC của bà Nguyễn Đình Thư để đảm bảo thi hành dứt điểm bản án số 174/2013/DS-ST ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân Quận X. Đến ngày 10/7/2014, Chi cục Thi hành án dân sự Quận X có công văn giải tỏa việc ngăn chặn nêu trên. Việc Chi cục Thi hành án dân sự Quận X giải tỏa ngăn chặn nêu trên không ảnh hưởng đến việc Ban Quản lý chưa nhận hồ sơ của ông Nguyễn Đình Long và bà Nguyễn Đình Thư.

Ban Quản lý Chợ XC xác định: Ban Quản lý không có chức năng, thẩm quyền giải quyết việc chuyển đổi quyền kinh doanh giữa các tiểu thương trong Chợ XC mà cơ quan có thẩm quyền giải quyết là Ban Ủy ban nhân dân Quận X. Từ trước đến nay không có bất kỳ trường hợp nào Ban Quản lý chứng nhận hay cấp giấy chuyển quyền kinh doanh cho các tiểu thương. Thực tế để thuận tiện cho các tiểu thương trong chợ khi thực hiện các thủ tục chuyển đổi quyền kinh doanh theo quy định thì Ban Ủy ban nhân

dân Quận X chỉ đạo cho Ban quản lý chợ XC tiếp nhận hồ sơ ban đầu, hướng dẫn các tiểu thương điền vào các biểu mẫu theo quy định. Sau đó, Ban Quản lý chuyển toàn bộ hồ sơ đến BD_Ủy ban nhân dân Quận X (Tổ 01 cửa 01 dẫu) để giải quyết theo thẩm quyền. Thông thường, sau khi BD_Ủy ban nhân dân Quận X cấp giấy thì Ban Quản lý đến nhận và mang về giúp cho các tiểu thương.

Trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho các tiểu thương thì trong hồ sơ xin cấp giấy, Ban Quản lý sẽ xác nhận các nội dung sau:

- Tiêu thương đã nộp đủ các khoản phí theo quy định.
- Người xin chuyển quyền đăng ký đã ngưng kinh doanh tại thời điểm nộp đơn yêu cầu.
- Người được chuyển quyền đăng ký kinh doanh đã tiến hành làm thủ tục đăng ký kinh doanh mới.

Các sạp trong Chợ XC thuộc sở hữu của BD_Ủy ban nhân dân Quận X. Các tiểu thương trong chợ thuê lại các sạp này. Ban quản lý không ký bất kỳ hợp đồng cho thuê sạp chợ nào, cũng không được BD_Ủy ban nhân dân Quận X ủy quyền ký hợp đồng cho thuê sạp. Ban Quản lý hàng tháng chỉ thu 01 loại phí đó là phí thuê sạp (tính trên m2) từ 60.000 đồng đến hơn 100.000 đồng/m2 tùy theo ngành hàng. Số tiền này Ban Quản lý nộp về Kho bạc Nhà nước.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà ND_Thư và ông ND_Long, Ban Quản lý Chợ XC không có ý kiến gì vì đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày như trên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông ND_Long phát biểu: Ban Quản lý Chợ XC có trách nhiệm thực hiện một phần trong quy trình làm thủ tục đăng ký kinh doanh nên việc Ban Quản lý Chợ XC từ chối không nhận hồ sơ của bà ND_Thư và ông ND_Long, đó chính là hành vi từ chối của BD_Ủy ban nhân dân Quận X. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ND_Thư và ông ND_Long: Tuyên bố hành vi hành chính về việc không thực hiện thủ tục thay đổi tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể từ bà ND_Thư sang ông ND_Long của BD_Ủy ban nhân dân Quận X là trái pháp luật. Yêu cầu BD_Ủy ban nhân dân Quận X thực hiện việc sang tên từ bà ND_Thư sang ông ND_Long trong giấy phép kinh doanh số 41D8002060/HKD do BD_Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 28/6/2006 theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý vụ án và giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Ngày 03/11/2014, ông NĐ_Long và bà NĐ_Thư đến Ban Quản lý Chợ XC yêu cầu được làm thủ tục thay đổi họ tên người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể đối với Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC, Quận X từ tên bà NĐ_Thư sang tên ông NĐ_Long, Ban Quản lý Chợ XC là cơ quan giúp việc cho BD_Ủy ban nhân dân Quận X từ chối yêu cầu của ông NĐ_Long và bà NĐ_Thư. Ngày 06/11/2014 bà NĐ_Thư, ông NĐ_Long đã gửi đơn khiếu nại Ban Quản lý Chợ XC về việc từ chối nêu trên. Ngày 18/11/2014, Ban Quản lý Chợ XC đã mời bà NĐ_Thư đến để giải quyết khiếu nại, bà NĐ_Thư không đồng ý kết quả giải quyết của Ban Quản lý mà tiếp tục khiếu nại về việc từ chối không nhận hồ sơ nêu trên. Ngày 04/3/2015, ông NĐ_Long và bà NĐ_Thư khởi kiện đến Tòa án yêu cầu tuyên bố hành vi không thực hiện thủ tục thay đổi họ tên từ bà NĐ_Thư sang ông NĐ_Long trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể của BD_Ủy ban nhân dân Quận X là trái pháp luật. Đây là vụ án hành chính “Khiếu kiện hành vi hành chính về việc không thực hiện thủ tục thay đổi họ tên người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể” và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể là BD_Ủy ban nhân dân Quận X nên việc Tòa án nhân dân Quận X thụ lý vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 29 và Điều 104 Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện là bà NĐ_Thư vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đương sự, đơn đề ngày 14/7/2015). Người làm chứng là Ban Quản lý Chợ XC do ông Trần Ngọc Năng, Trưởng Ban Quản lý đại diện vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có đơn xin vắng mặt vì lý do công tác (đơn đề ngày 23/6/2015). Căn cứ Khoản 1 Điều 131 và Điều 133 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự thì Chợ XC do BD_Ủy ban nhân dân Quận X đầu tư xây dựng thuộc quyền sở hữu của BD_Ủy ban nhân dân Quận X. Theo quy định tại Điều 5, Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ thì Ủy ban nhân dân quận, huyện giao cho Ban Quản lý chợ điều hành, quản lý chợ và được quyền ký hợp đồng với thương nhân về thuê sử dụng điểm kinh doanh. Tuy nhiên cho đến nay, theo lời khai của ông Địa, đại diện theo ủy quyền của BD_Ủy ban nhân dân Quận X và đại diện Ban Quản lý Chợ XC thì BD_Ủy ban nhân dân Quận X cũng như Ban Quản lý Chợ XC vẫn chưa triển khai việc ký hợp đồng thuê điểm kinh doanh với các thương nhân trong chợ. Căn cứ vào sự thừa nhận của các bên đương sự thì bà NĐ_Thư là người hiện đang có quyền sử dụng hợp pháp lâu dài (không thời hạn) đối với Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC nên bà NĐ_Thư yêu

cầu làm thủ tục thay đổi họ tên người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể đối với sạp chợ nêu trên là phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ.

Theo Điều 49 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì hộ kinh doanh bao gồm: hộ kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình là chủ. Căn cứ vào “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể” số 41D8002060/HKD do BD_Ủy ban nhân dân Quận X cấp lần đầu ngày 28/6/2005 thì bà NĐ_Thư là người đứng tên đăng ký kinh doanh đối với Sạp 30 (DT: 9m2) tại Chợ XC, Quận X. Phía bà NĐ_Thư và ông NĐ_Long cho rằng bà NĐ_Thư chỉ đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, còn vốn kinh doanh tại sạp là của các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên căn cứ vào hồ sơ đăng ký kinh doanh của bà NĐ_Thư đối với sạp chợ nêu trên do BD_Ủy ban nhân dân Quận X cung cấp không thể hiện phần vốn góp của các thành viên trong hộ gia đình, phía bà NĐ_Thư, ông NĐ_Long cũng không cung cấp được các chứng cứ chứng minh nên có cơ sở xác định đây là hình thức kinh doanh của hộ kinh doanh do một cá nhân, không phải hộ gia đình.

Về địa điểm kinh doanh: Căn cứ vào “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể” số 41D8 002412/HKD (103) do BD_Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 28/6/2005 cho bà NĐ_Thư thì địa điểm kinh doanh là Sạp 38 - Chợ XC (DT: 9m2). Ngày 16/02/2006, bà NĐ_Thư đã làm đơn đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể (lần 2) cũng ghi địa điểm kinh doanh như trên. Tuy nhiên, căn cứ vào xác nhận của Ban Quản lý Chợ XC ngày 20/3/2006 thì số sạp mới theo sự sắp xếp của Ban Quản lý là sạp số 30 lầu I (DT: 9m2). Vì vậy, địa điểm kinh doanh ghi trong “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể” số 41D8002060/HKD (đăng ký lại ngày 31/3/2006) là Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC, Quận X. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và sự xác nhận của ông Địa, đại diện theo ủy quyền của BD_Ủy ban nhân dân Quận X thì “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể” số 41D8002060/HKD do BD_Ủy ban nhân dân Quận X cấp cho bà NĐ_Thư có sự nhầm lẫn về thời gian. Đúng ra đăng ký lần đầu là ngày 28/6/2005 nhưng đã ghi nhầm thành ngày 28/6/2006.

Căn cứ vào quy định tại Điều 55 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Điều 39, 41 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp và Phụ lục III-1 ban hành kèm theo Thông tư này thì nội dung đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh cá thể gồm có: Tên hộ kinh doanh; Địa điểm kinh doanh; Ngành, nghề kinh doanh và vốn kinh doanh.

Như vậy, theo quy định nêu trên thì việc chuyển đổi từ họ tên bà NĐ_Thư sang họ tên ông NĐ_Long trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC, Quận X không phải là thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như ông NĐ_Long, bà NĐ_Thư cũng như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NĐ_Long đã trình bày vì tên hộ kinh doanh khác họ tên cá nhân hoặc tên đại diện hộ gia đình trong “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể”. Do đó,

BĐ Ủy ban nhân dân Quận X từ chối không nhận “Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh” ngày 21/4/2015 của bà NĐ Tăng Thị Kim Thư là đúng quy định pháp luật. Đồng thời theo xác nhận của các bên đương sự thì BĐ Ủy ban nhân dân Quận X đã hướng dẫn ông NĐ Long phải làm thủ tục đăng ký hộ kinh doanh để được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể tại Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC, Quận

X. Theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Điều 39, 41 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 cùng phức lục số III-1 thì ông NĐ Long phải làm “Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh”. Tại phụ lục số III-1 nêu trên quy định rõ: Người đăng ký phải cam kết: Địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của người đề nghị đăng ký và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật. Về phía bà NĐ Thư phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC cho ông NĐ Long để ông NĐ Long có đủ điều kiện xin đăng ký kinh doanh mới nên theo quy định, bà NĐ Thư sẽ không còn quyền kinh doanh tại Sạp 30 (DT: 9 m2), Chợ XC do địa điểm kinh doanh không còn. Bà NĐ Thư phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh và phải cam kết hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản. Vì vậy, BĐ Ủy ban nhân dân Quận X hướng dẫn bà NĐ Thư làm thủ tục chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh cá thể và ông NĐ Long làm thủ tục đăng ký kinh doanh mới là đúng quy định pháp luật. Mặt khác, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì cho đến thời điểm hiện nay, bà NĐ Thư đã nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế cũng như tiền thuê sạp theo quy định, nhưng còn nợ bà Lê Trang Đài số tiền 186.000.000 đồng chưa thanh toán.

Theo xác nhận của ông NĐ Long và bà NĐ Thư thì cho đến nay, bà NĐ Thư vẫn chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng Sạp 30 (DT: 9m2), Chợ XC cho ông NĐ Long. Mặt khác, BĐ Ủy ban nhân dân Quận X cũng đã hướng dẫn ông NĐ Long đến Ban Quản lý chợ XC để yêu cầu xác nhận ngành hàng mà ông đăng ký kinh doanh vải sợi phù hợp với quy hoạch sử dụng chợ theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ nhưng ông NĐ Long vẫn không thực hiện. Vì vậy, ông NĐ Long không có đủ điều kiện để yêu cầu BĐ Ủy ban nhân dân Quận X cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Điều 39, 40 và 41 Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận X đã hai lần triệu tập người khởi kiện và người bị kiện đến Tòa tạo điều kiện để các đương sự đối thoại về việc giải quyết vụ án. Tại các buổi đối thoại, đại diện theo ủy quyền của BĐ Ủy ban nhân dân Quận X đã giải thích cũng như hướng dẫn bà NĐ Thư và ông NĐ Long thủ tục để chuyển đổi tên người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể như đã nêu trên. Theo xác nhận của các bên đương sự, sau buổi đối thoại, bà NĐ Thư và ông NĐ Long có đến BĐ Ủy ban nhân dân Quận X lấy mẫu hồ sơ về làm theo hướng dẫn của cán bộ BĐ Ủy ban nhân dân Quận X. Tuy nhiên cho đến nay, bà NĐ Thư và ông NĐ Long không đến Ủy ban nhân dân Quận để nộp hồ sơ, do đó BĐ Ủy ban nhân dân

Quận X không có cơ sở để xem xét đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể do ông NĐ_Long đứng tên tại địa điểm kinh doanh Sạp 30 (DT: 9m²), Chợ XC, Quận X thay tên bà NĐ_Thư. Do đó, việc bà NĐ_Thư, ông NĐ_Long cũng như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NĐ_Long yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính về việc không thực hiện thủ tục thay đổi họ tên người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 41D8002060 ngày 28/6/2006 của BD_Ủy ban nhân dân Quận X từ bà NĐ_Thư sang ông NĐ_Long là trái pháp luật là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án, bà NĐ_Thư và ông NĐ_Long phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 27, Điểm a Khoản 2 Điều 104, Điểm a Khoản 2 Điều 163, Khoản 1 Điều 176 Luật Tố tụng hành chính có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2011,

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông NĐ_Tăng Văn Long và bà NĐ_Tăng Thị Kim Thư về việc yêu cầu BD_Ủy ban nhân dân Quận X làm thủ tục thay đổi họ tên người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể từ bà NĐ_Tăng Thị Kim Thư sang ông NĐ_Tăng Văn Long tại địa điểm kinh doanh: Sạp 30 (DT: 9m²) Chợ XC, Quận X.

2. Về án phí: Ông NĐ_Long và bà NĐ_Thư phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số: 09469 ngày 18/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X. Ông NĐ_Long và bà NĐ_Thư đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

EDVN LAW FIRM
Bản án số: 144/2017/HC-PT
Ngày 20 tháng 7 năm 2017
V/v khiếu kiện Quyết định hành chính
về thu hồi giấy chứng nhận đăng ký
kinh doanh và giải thể doanh nghiệp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Minh

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Phạm Công Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ghi biên bản phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2017/TLPT-HC ngày 10 tháng 2 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính về thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giải thể doanh nghiệp*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2016/HC-ST ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th

Địa chỉ: Đầm Công nghiệp thị trấn Ph, Tỉnh lộ C, ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L, chức vụ: Giám đốc Công ty; Địa chỉ: Ấp X1, xã Th1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Tuấn A, nghề nghiệp: Luật sư (có mặt).

+ Ông Huỳnh Văn D, nghề nghiệp: Luật sư (có mặt).

Cùng địa chỉ: đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2016 của Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th).

2. *Người bị kiện*: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ: đường Tr, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Vương Thành N1; Chức vụ: Trưởng phòng, Phòng Đăng ký Kinh doanh (có mặt).

3. *Người có kháng cáo*: Người khởi kiện là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th (sau đây gọi tắt là Công ty Chế biến thủy sản Th) được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2007 với hai thành viên góp vốn là ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị U, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 2200272406 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp (Đăng ký lần đầu, ngày 25/4/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 28/6/2010). Địa chỉ trụ sở chính của Công ty Chế biến thủy sản Th đặt tại Điểm Công nghiệp thị trấn Ph, Tỉnh lộ C, ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 24/12/2013, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Phòng Đăng ký kinh doanh) ra Thông báo số 562 về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty Chế biến thủy sản Th, với nội dung chính như sau: Phòng Đăng ký kinh doanh đã gửi thông báo rà soát, cập nhật thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đến doanh nghiệp và yêu cầu doanh nghiệp trong vòng 30 ngày phải thông báo nhưng hết thời gian 30 ngày Phòng Đăng ký kinh doanh vẫn không nhận được phản hồi thông tin từ doanh nghiệp. Tiếp đó, Phòng Đăng ký kinh doanh cũng đã có văn bản yêu cầu doanh nghiệp lên giải trình lý do và thực hiện báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản nhưng quá thời hạn trên mà doanh nghiệp cũng không lên giải trình và báo cáo theo quy định (vi phạm Điểm g Khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp). Nay Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở Phòng để giải trình trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này. Sau thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong Thông báo này mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không phù hợp thì Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ngày 25/02/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành Quyết định số 378 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty Chế biến thủy sản Th.

Ngày 03/6/2015, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo số 261 về việc doanh nghiệp giải thể đối với Công ty Chế biến thủy sản Th, với lý do giải thể: Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do vi phạm Luật Doanh nghiệp. Đồng thời xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.

Ngày 04/7/2016, Công ty Chế biến thủy sản Th nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (Đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2016) yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 378 ngày 25/02/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Thông báo số 261 ngày 03/6/2015 về việc doanh nghiệp giải thể của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng, vì cho rằng Quyết định số 378 và Thông báo số 261 nêu trên là trái pháp luật, với lý do: Khi ra Thông báo giải thể doanh nghiệp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ nêu lý do là doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà không nêu các điều kiện đủ để giải thể doanh nghiệp là doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài (Khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2014). Trước đây, doanh nghiệp đã làm đơn khiếu nại đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể để đợi kết quả giải quyết của Tòa án và để doanh nghiệp có thời gian thu xếp, xây dựng kế hoạch, phương hướng để bảo đảm thanh toán các khoản nợ và tài sản khác theo quy định của pháp luật, nhưng Phòng Đăng ký kinh doanh không trả lời khiếu nại và cũng không thu hồi Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp nêu trên.

Tại phiên đối thoại ngày 14/11/2016 người đại diện hợp pháp của người bị kiện là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng trình bày: Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành Quyết định số 378 ngày 25/02/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và ra Thông báo số 261 ngày 03/6/2015 về việc doanh nghiệp giải thể đối với Công ty Chế biến thủy sản Th là đúng quy định của pháp luật vì dựa trên các căn cứ sau đây:

- Doanh nghiệp không báo cáo theo yêu cầu của Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Doanh nghiệp không hoạt động tại trụ sở đăng ký trong 06 tháng liên tục.
- Doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục mà không thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Điều 93 Luật Quản lý thuế có quy định về các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế trong đó có trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Khoản 6 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2005 có quy định: Trong trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp phải giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn sáu tháng quy định tại khoản này mà cơ quan đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể doanh nghiệp thì doanh nghiệp đó coi như đã được giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật, các thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác chưa được thanh toán.

Vì vậy, Phòng Đăng ký kinh doanh không đồng ý hủy Quyết định và Thông báo bị khởi kiện nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là Công ty TNHH Chế biến thủy sản Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; người đại diện hợp pháp của người bị kiện là Phòng Đăng ký kinh doanh không thu hồi các quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến nhận xét Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, về việc hủy Quyết định số 378 ngày 25/02/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Thông báo số 261 ngày 03/6/2015 của Phòng Đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp giải thể đối với Công ty Chế biến thủy sản Th.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2016/HC-ST ngày 26/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th về việc hủy Quyết định số 378 ngày 25/02/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Thông báo số 261 ngày 03/6/2015 về việc doanh nghiệp giải thể của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng, đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 30/12/2016, người khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu hủy Quyết định số 378 ngày 25/02/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Thông báo số 261 ngày 03/6/2015 về việc doanh nghiệp giải thể của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng, đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đại diện người khởi kiện trình bày: Doanh nghiệp đang có việc tranh chấp dân sự tại Tòa án về khoản nợ với Ngân hàng, theo quy định của Luật doanh nghiệp thì doanh nghiệp chỉ bị giải thể khi hoàn tất xong các khoản nợ (Điều 157 Luật Doanh nghiệp) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Người bị kiện giữ nguyên các văn bản trình bày như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; xác định Quyết định số 378 ngày 25/02/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Thông báo số 261 ngày 03/6/2015 về việc doanh nghiệp giải thể của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng, đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th là đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Phản tranh luận, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành các thủ tục đúng quy định pháp luật như thông báo cho doanh nghiệp bào cáo tình hình hoạt động trong đó có báo cáo thuế nhưng doanh nghiệp không thực hiện nên Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành các quyết định thu hồi, giải thể doanh nghiệp là đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về hình thức: Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định hợp lệ nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]- Về nội dung:

[2.1] Trên cơ sở rà soát chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngày 28/6/2013, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo số

97/TBHD-ĐKKD về việc rà soát, cập nhật thông tin về đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế (bút lục số 24-25) và đề nghị Công ty Chế biến thủy sản Th rà soát, cập nhật thông tin đã đăng ký trong thời hạn một tháng (30 ngày), kể từ ngày ký Thông báo, nhưng quá thời hạn trên Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được phản hồi thông tin từ Công ty Chế biến thủy sản Th.

[2.2] Ngày 21/8/2013, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo số 234/PĐKKD về việc yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh, trong đó yêu cầu Công ty Chế biến thủy sản Th báo cáo với các nội dung sau: Hiện nay doanh nghiệp còn hoạt động không? Nếu còn đề nghị doanh nghiệp báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ đầu năm 2013 đến thời điểm hiện tại) và phải hiệu đính nội dung đăng ký kinh doanh theo đúng quy định; Nếu Quý doanh nghiệp không còn hoạt động đề nghị Quý doanh nghiệp làm thủ tục giải thể theo đúng quy định của pháp luật. Trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày ký Thông báo này, nếu Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được báo cáo về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp theo yêu cầu tại Thông báo này thì doanh nghiệp sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bút lục số 26). Nhưng Công ty Chế biến thủy sản Th không báo cáo theo yêu cầu của Phòng Đăng ký kinh doanh, nên đã vi phạm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 165 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bị xóa tên trong sổ đăng ký kinh doanh.

[2.3] Ngày 24/12/2013, Phòng Đăng ký kinh doanh tiếp tục ra Thông báo số 562 về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, với nội dung chính như sau: Phòng Đăng ký kinh doanh đã gửi thông báo rà soát, cập nhật thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đến doanh nghiệp, đồng thời yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở Phòng Đăng ký kinh doanh để giải trình trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra Thông báo; quá thời hạn nêu trên nếu doanh nghiệp không đến giải trình thì Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (bút lục số 27). Nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty Chế biến thủy sản Th không đến giải trình theo tinh thần của Thông báo số 562 nêu trên.

[2.4] Ngày 25/02/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành Quyết định số 378 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Chế biến thủy sản Th và yêu cầu doanh nghiệp tự tiến hành thủ tục giải thể theo quy định tại khoản 6 Điều 158 của Luật Doanh nghiệp năm 2005, trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày ra Thông báo. Nhưng quá thời hạn nêu trên, Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể và cũng không nhận được báo cáo của Công ty Chế biến thủy sản Th về lý do Công ty không tự giải thể được.

[2.5] Ngày 26/5/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng tiến hành kiểm tra xác minh tình hình hoạt động của Công ty Chế biến thủy sản Th thì

được chính quyền địa phương xác nhận Công ty đã ngưng hoạt động từ tháng 01/2013 (Biên bản kiểm tra xác minh doanh nghiệp - bút lục số 29).

[2.6] Ngày 03/6/2015, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo số 261 về việc doanh nghiệp giải thể đối với Công ty Chế biến thủy sản Th, với lý do giải thể: Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do vi phạm Luật Doanh nghiệp. Đồng thời xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.

[3] Xét thấy, theo quy định tại khoản 6 Điều 9 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì *doanh nghiệp có nghĩa vụ định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định*. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 163 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì *cơ quan đăng ký kinh doanh có nhiệm vụ và quyền hạn yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp khi xét thấy cần thiết cho việc thực hiện các quy định của Luật này; đơn đốc thực hiện chế độ báo cáo của doanh nghiệp*. Công ty Chế biến thủy sản Th không định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của Công ty với Phòng Đăng ký kinh doanh theo mẫu quy định. Công ty Chế biến thủy sản Th cũng không thực hiện việc rà soát, cập nhật thông tin về đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế theo yêu cầu của Phòng Đăng ký kinh doanh, cũng như không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 163 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 đến Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản và cũng không đến Phòng Đăng ký kinh doanh để giải trình. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Chế biến thủy sản Th thừa nhận từ khoảng cuối năm 2012 trở đi Công ty không định kỳ báo cáo với Phòng Đăng ký kinh doanh các thông tin về Công ty và tình hình tài chính của Công ty theo quy định tại khoản 6 Điều 9 của Luật Doanh nghiệp năm 2005. Ngoài ra, Công ty Chế biến thủy sản Th đã ngưng hoạt động kinh doanh từ tháng 01/2013, nhưng không thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Chế biến thủy sản Th cũng thừa nhận Công ty đã tạm ngưng hoạt động từ khoảng cuối năm 2012 để tái cơ cấu và sắp xếp lại hoạt động nhưng Công ty không thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh biết. Do đó, Phòng Đăng ký kinh doanh đã ban hành Quyết định số 378 ngày 25/02/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp của Công ty Chế biến thủy sản Th là đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 163; các điểm đ, e và g khoản 2 Điều 165 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Chế biến thủy sản Th cho rằng Công ty không nhận được Thông báo số 234/PĐKKD ngày 21/8/2013 của Phòng Đăng ký kinh doanh nên Công ty không báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Phòng. Xét thấy, Công ty Chế biến thủy sản Th phải có nghĩa vụ định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của Công ty với Phòng Đăng ký

kinh doanh theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Luật Doanh nghiệp nêu trên, chứ không nhất thiết phải có yêu cầu của Phòng Đăng ký kinh doanh thì mới báo cáo. Vì vậy, lý do nêu trên của người đại diện của Công ty Chế biến thủy sản Th là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Do quá thời hạn sáu tháng, kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận doanh nghiệp nêu trên, Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể của Công ty Chế biến thủy sản Th, nên Công ty Chế biến thủy sản Th coi như đã được giải thể, vì vậy, ngày 03/6/2015 Phòng Đăng ký kinh doanh đã ra Thông báo số 261 về việc doanh nghiệp giải thể đối với Công ty Chế biến thủy sản Th và xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh là đúng với quy định tại khoản 6 Điều 158 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và khoản 7 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

[6] Việc trong đơn khởi kiện người đại diện theo pháp luật và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty Chế biến thủy sản Th cho rằng Quyết định số 378 và Thông báo số 261 nêu trên là trái pháp luật, với lý do: Khi ra Thông báo giải thể doanh nghiệp Phòng Đăng ký kinh doanh chỉ nêu lý do là doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà không nêu các điều kiện đủ để giải thể doanh nghiệp là doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài (khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2005; khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2014) là không có căn cứ để chấp nhận, bởi vì Công ty Chế biến thủy sản Th bị giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 157 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và phải tự thực hiện trình tự, thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và khoản 7 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp như đã phân tích ở phần trên, nếu quá thời hạn sáu tháng mà cơ quan đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể doanh nghiệp thì doanh nghiệp đó coi như đã được giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh, chứ không thuộc trường hợp giải thể khác theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 157 của Luật Doanh nghiệp năm 2005. Vì vậy, lời trình bày trên của người đại diện theo pháp luật và của người đại diện theo ủy quyền của Công ty Chế biến thủy sản Th là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Riêng đối việc trong đơn khởi kiện của Công ty Chế biến thủy sản Th cho rằng trước đây, doanh nghiệp đã làm đơn khiếu nại đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể để đợi kết quả giải quyết của Tòa án và để doanh nghiệp có thời gian thu xếp, xây dựng kế hoạch, phương hướng để bảo đảm thanh toán các khoản nợ và tài sản khác theo quy định của pháp luật, nhưng Phòng Đăng ký kinh doanh không trả lời khiếu nại và cũng không thu hồi Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp nêu trên. Xét thấy, ngày 21/10/2015 Phòng Đăng ký kinh doanh đã ban hành Công văn số

713/ĐKKD về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Lê Văn L với nội dung chủ yếu là không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Văn L, đại diện theo pháp luật của Công ty Chế biến thủy sản Th, về việc thu hồi Thông báo số 261 ngày 03/6/2015 về việc doanh nghiệp giải thể đối với Công ty Chế biến thủy sản Th (bút lục số 32). Vì vậy, lời trình bày nêu trên của người đại diện theo pháp luật của Công ty Chế biến thủy sản Th là không đúng.

[8] Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 378 ngày 25/02/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Thông báo số 261 ngày 03/6/2015 về việc doanh nghiệp giải thể của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng, đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th là không có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, án sơ thẩm đã nhận định và quyết định như nêu trên là có cơ sở pháp luật.

[9] Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi lẽ đó nên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 5/2016/HC-ST ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th về việc hủy Quyết định số 378 ngày 25/02/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Thông báo số 261 ngày 03/6/2015 về việc doanh nghiệp giải thể của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng, đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thủy sản Th phải chịu 200.000 đồng, được trừ vào án phí tạm nộp theo biên lai thu số 0005092 ngày 18/01/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng (do ông Nguyễn Tuấn A nộp thay).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, 12.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Minh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Bản án số: 298/2017/HC-PT

Ngày: 12/10/2017

V/v: *Khởi kiện quyết định
hành chính*



NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Quang Huy, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 10/2017/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2017, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2016/HCST ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3153/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* **Bà Trần Thục B**, sinh năm 1975

Trú tại: Khu X, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

* *Người bị kiện:* **Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1 - Phó Giám đốc Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án:* Công ty cổ phần P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hữu U – Chủ tịch Hội đồng quản trị, có mặt.

* *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đình C và ông Nguyễn Văn Q, nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần P, vắng mặt, không lý do;

Ông Nguyễn Tấn M, Chánh văn phòng Tập đoàn H2, có mặt;

Ông Lê Văn C1, nguyên Tổng giám đốc Công ty cổ phần P, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trần Thục B trình bày:

Do bất đồng quan điểm về quản lý, điều hành công ty, một số thành viên Hội đồng quản trị (viết tắt là HĐQT) của Công ty cổ phần P (viết tắt là Công ty) lợi dụng việc ông Lê Văn C1 - Tổng giám đốc Công ty bị tạm giữ hình sự, đã vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty khi tự tiến hành hai cuộc họp HĐQT vào ngày 16/10/2015 và 03/11/2015 để bầu chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Công ty; Trên cơ sở kết quả 02 cuộc họp này Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ đã chấp nhận hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi người đại diện theo pháp luật) là trái quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể:

Một số thành viên Hội đồng quản trị đã tổ chức họp HĐQT ngày 16/10/2015 để bầu ông Đào Hữu U là Chủ tịch hội đồng quản trị và và cuộc họp ngày 03/11/2015 để bầu ông Nguyễn Trần H3 là Tổng giám đốc công ty.

Ngày 01/12/2015, Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 7) với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.

Về trình tự tổ chức họp HĐQT:

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, HĐQT sẽ tiến hành họp định kỳ hoặc bất thường theo đề nghị của Chủ tịch hoặc có ít nhất 02 thành viên HĐQT. Tuy nhiên, cuộc họp ngày 16/10/2015 được tổ chức với 03 giấy đề nghị họp độc lập nên không đảm bảo tư cách triệu tập của người chủ trì, triệu tập. Tại cuộc họp này, ông Đào Hữu U được bầu làm chủ tịch HĐQT.

Về cuộc họp HĐQT ngày 03/11/2015: Do ông Đào Hữu U triệu tập với tư cách là chủ tịch HĐQT (trong khi ông Nguyễn Văn Q vẫn đang là chủ tịch HĐQT). Như vậy là vi phạm nghiêm trọng Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty. Do đó các nghị quyết HĐQT ban hành sau đó hoàn toàn bị lạm quyền và không đảm bảo tính khách quan chân thực và có dấu hiệu giả mạo hồ sơ, giấy tờ.

Về thành phần tham dự họp HĐQT:

Tại cuộc họp HĐQT ngày 16/10/2015 không mời ông Nguyễn Văn Q - Chủ tịch HĐQT của công ty là trái quy định. Hiện nay ông Q vẫn là Chủ tịch HĐQT của công ty vì chưa có quyết định bãi miễn tư cách chủ tịch - thành viên hội đồng quản trị đối với ông Q.

Ông Đào Hữu U không đủ tư cách tham gia cuộc họp HĐQT vì ông U chưa phải là thành viên. Đại hội đồng cổ đông công ty ngày 20/5/2014 đã bầu ông Đào Hữu U là thành viên HĐQT tuy nhiên ông U đã không công nhận kết quả này và khiếu kiện đến nhiều cơ quan. Căn cứ vào quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và Bản án số 45/2015/DS-PT ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ khẳng định ông U không phải là thành viên HĐQT của công ty. Căn cứ vào Bản án số 05/2015/KDTM-PT ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cũng khẳng định ông U không phải là thành viên HĐQT công ty.

Về nội dung cuộc họp:

Đối với cuộc họp ngày 16/10/2015: Theo giấy mời của ông Nguyễn Tấn M thể hiện cuộc họp sẽ bầu Chủ tịch HĐQT và các nội dung khác thuộc thẩm quyền. Cho đến thời điểm hiện nay chưa có quyết định xét xử của Tòa án liên quan đến kết quả đại hội ngày 20/5/2014 do đó tư cách chủ tịch HĐQT của ông Nguyễn Văn Q mặc nhiên vẫn được công nhận. Mặt khác khi triệu tập cuộc họp HĐQT, người triệu tập không được phép đưa ra các nội dung chung chung, không rõ ràng vào cuộc họp... Điều này là vi phạm Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ảnh hưởng đến quyền tham gia, bàn bạc và thảo luận nội dung họp của các thành viên khác. Tại biên bản cuộc họp thể hiện có thành phần tham dự là ông Lê Văn C1 không tham gia biểu quyết nhưng tỷ lệ họp vẫn đạt 100%.

Đối với cuộc họp ngày 03/11/2015: Có cùng sai phạm như cuộc họp ngày 16/10/2015 về người chủ trì cuộc họp là ông Đào Hữu U, thành phần tham dự và tỷ lệ đạt số phiếu tương ứng. Việc bãi nhiệm ông Lê Văn C1 là không đủ cơ sở pháp lý, việc đề cử ông Nguyễn Trần H3 là Tổng giám đốc công ty là không phù hợp và không đủ tiêu chuẩn so với quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Bà không đồng ý với việc Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) ngày 01/12/2015 cho Công ty cổ phần P, bà đã làm đơn khiếu nại đến Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ.

Ngày 04/02/2016, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ ban hành văn bản số 102/SKH&ĐT-ĐKKD giải quyết khiếu nại của bà Trần Thục B nhưng bà không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của văn bản này.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ:

Hủy Văn bản số 102/SKH&ĐT-ĐKKD ngày 04/02/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ và hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) của Công ty cổ phần P do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú

Thọ cấp ngày 01/12/2015.

Người bị kiện Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ trình bày:

Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần P thì thấy hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung kinh doanh của Công ty đã đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật. Cụ thể hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật (theo mẫu quy định tại Công văn số 4211/BKHĐT-ĐKKD ngày 26/6/2015);

+ Bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty;

+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị (hồ sơ của công ty thể hiện việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp).

Nội dung đăng ký thay đổi của công ty là thay đổi người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật cũ: Lê Văn C1, người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi: Nguyễn Trần H3.

Sau khi đổi chiếu hồ sơ của doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật. Phòng Đăng ký kinh doanh đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 01/12/2015 cho Công ty cổ phần P. Sở Kế hoạch và Đầu tư khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty cổ phần P là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) cho Công ty cổ phần P thì bà B có đơn khiếu nại đề nghị hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) của Công ty cổ phần P .

Căn cứ khoản 1 Điều 211 Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; căn cứ Điều 62 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính Phủ. Sau khi kiểm tra, xem xét hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 của Công ty cổ phần P. Sở Kế hoạch và Đầu tư không phát hiện thấy các nội dung vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 211 Luật doanh nghiệp năm 2014. Vì vậy, không có cơ sở để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 ngày 01/12/2015 của Công ty cổ phần P.

Quy trình triệu tập và tổ chức họp Hội đồng quản trị công ty là hoạt động nội bộ của công ty, cơ quan đăng ký kinh doanh không chịu trách nhiệm về những vi

phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp. Vì vậy, trường hợp Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định liên quan đến thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đúng nội dung bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án.

Đề nghị Tòa án giữ nguyên Văn bản số 102/SKH&ĐT-ĐKKD ngày 04/02/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ về việc không chấp nhận hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) của Công ty cổ phần P do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01/12/2015.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần P trình bày:

Bà B cho rằng cuộc họp HĐQT ngày 16/10/2015 và ngày 03/11/2015 trái với quy định pháp luật là không có căn cứ vì:

Ngày 04/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định số 01/2014/QĐ-ADBPKCTT “Cấm các ông trong Hội đồng quản trị của Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông từ ngày Tòa án ra quyết định này cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án” nhưng trong nội dung Quyết định của Tòa án số 01/2014/QĐ-ADBPKCTT chỉ cấm Hội đồng quản trị Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông chứ không cấm Hội đồng quản trị Công ty hoạt động.

- Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Hội đồng quản trị đã triệu tập nhiều cuộc họp (có biên bản và nghị quyết HĐQT kèm theo) nhưng từ khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đến ngày 24/3/2015 ông Lê Văn C1 chỉ tham gia duy nhất 1 cuộc họp HĐQT, còn các cuộc họp HĐQT khác không tham gia họp và chỉ đạo Văn phòng Công ty không đóng dấu vào các Biên bản và Nghị quyết HĐQT (có Biên bản kèm theo).

- Ông Lê Văn C1 bị bãi miễn chức Tổng giám đốc do ông C1 không cung cấp báo cáo tài chính năm 2014, 2015 cho HĐQT. Sau khi Cơ quan an ninh điều tra bắt tạm giữ đối với ông Lê Văn C1 ngày 04/11/2015, HĐQT Công ty đã khẩn trương tìm và đề cử ông Nguyễn Trần H3 làm Tổng giám đốc và người đại diện pháp luật để nhanh chóng ổn định Công ty, phục hồi sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Về cuộc họp ngày 16/10/2015:

+ Được tổ chức với 03 giấy đề nghị họp độc lập là hoàn đúng theo quy định. Vì sai phạm của ông Tổng Giám đốc và các phòng ban liên quan nên ngày 16/10/2015 đã có 03 thành viên HĐQT đều gửi giấy mời họp để giải quyết công việc cấp bách của

Công ty và bầu ông Đào Hữu U giữ chức Chủ tịch HĐQT có Ban kiểm soát giám sát. Việc bầu Chủ tịch HĐQT minh bạch và theo đúng quy định, 03 thành viên HĐQT gửi giấy mời họp là hoàn toàn đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tiếp đó ngày 03/11/2015, ông Đào Hữu U - Chủ tịch HĐQT mời họp, HĐQT đã kiện toàn lại bộ máy quản lý của Công ty để quản lý và giám sát tình hình hoạt động của Công ty.

Trong cuộc họp ngày 16/10/2015 và ngày 03/11/2015 ông Lê Văn C1 đều được mời họp nhưng ông C1 không tham gia 02 cuộc họp trên.

Việc miễn nhiệm ông Lê Văn C1 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Sau khi miễn nhiệm ông Lê Văn C1, HĐQT đã đề cử ông Nguyễn Trần H3 giữ chức Tổng Giám đốc và người đại diện pháp luật. Công ty đã tiến hành các thủ tục cần thiết đúng theo quy định gửi Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Phú Thọ. Kết quả ngày 01/12/2015, Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu khởi kiện của bà Trần Thục B, giữ nguyên Văn bản số 102/SKH&ĐT-ĐKKD ngày 04/02/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ về việc không chấp nhận hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) của Công ty cổ phần P do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01/12/2015.

Tại Bản án số 08/2016/HCST ngày 06/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ quyết định:

Áp dụng Điều 149, Điều 152, Điều 153, Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014; Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thục B "yêu cầu hủy văn bản số 102/SKH&ĐT-ĐKKD ngày 04/02/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ về việc không chấp nhận đề nghị của bà hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 7) của Công ty cổ phần P".

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/12/2016, người khởi kiện là bà Trần Thục B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện đề nghị Hủy Văn bản số 102/SKH&ĐT-ĐKKD ngày 04/02/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư

tỉnh Phú Thọ và hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) của Công ty cổ phần P do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01/12/2015 và xác định trách nhiệm cá nhân người ban hành quyết định trái pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Văn bản số 102/SKH&ĐT-ĐKKD ngày 04/02/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ khẳng định việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) cho Công ty cổ phần P là có căn cứ đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà B, giữ nguyên Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà B, ông U đề nghị công bố bản án trên trang Web của Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, người bị kiện là Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, do không lấy được ý kiến của người bị kiện, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không công bố bản án lên trang Web của Tòa án nhân dân tối cao theo đề nghị bà B, ông U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; lời khai của nhân chứng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa bà B cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục Tố tụng, không triệu tập các nhân chứng là các thành viên Hội đồng quản trị theo yêu cầu của bà B, bao gồm: Ông Nguyễn Đình C và ông Nguyễn Văn Q, nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần P, Ông Nguyễn Tấn M, Chánh văn phòng Tập đoàn H2, Lê Văn C1, nguyên Tổng giám đốc Công ty cổ phần P.

Theo Khoản 1 Điều 86 Luật Tố tụng Hành chính quy định “1. Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán tiến hành lấy lời khai của người làm chứng...”. Tòa án cấp sơ thẩm thấy không cần thiết nên không triệu tập người làm chứng theo yêu cầu của bà B là không vi phạm pháp luật tố tụng. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập các nhân chứng nêu trên theo yêu cầu của bà B. Như vậy, yêu cầu của bà B đã được đáp ứng.

[2] Về tư cách thành viên HĐQT của ông Đào Hữu U:

- Theo sổ đăng ký cổ đông năm 2014 của Công ty thì ông Đào Hữu U chiếm

giữ 48,46% cổ phần. Mặt khác, trước khi Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) cho Công ty cổ phần P thì ngày 01/10/2015 thì bà B có đơn khởi kiện tranh chấp thành viên công ty giữa nguyên đơn là bà Trần Thục B và bị đơn là Công ty cổ phần P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn M, ông Đào Hữu U, ông Nguyễn Đình C nhưng sau đó bà B rút đơn khởi kiện. Tại quyết định số 01/2015/QĐST –KDTM ngày 16-11-2015, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Theo bà B thì bà có khiếu nại nhưng Tòa án nhân dân tối cao đã trả lời đơn khiếu nại.

Bà B cho rằng, ông U không chấp nhận tư cách thành viên HĐQT đã làm đơn khiếu nại đến nhiều cơ quan. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông Đào Hữu U cho rằng, ông làm đơn kiến nghị với Tập đoàn H2 về số lượng thành viên HĐQT (ông cho rằng HĐQT phải gồm 05 người nhưng HĐQT Công ty cổ phần P chỉ có 04 thành viên) chứ ông không làm đơn khiếu nại về tư cách thành viên HĐQT của mình.

Tư cách thành viên của ông Đào Hữu U được xác định bởi kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 20/5/2014. Người khởi kiện cho rằng ông Đào Hữu U không phải là thành viên HĐQT của Công ty là không có căn cứ.

[3] Về việc tổ chức cuộc họp HĐQT:

- Căn cứ đơn xin từ chức của ông Nguyễn Văn Q ngày 14/5/2014 và Quyết định số 191/QĐ-HCVN ngày 16/5/2014 của Tập đoàn H2 về việc thôi cử người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty, ngày 27/8/2014 HĐQT công ty có nghị quyết về việc nhất trí để ông Nguyễn Văn Q thôi tham gia HĐQT và thôi giữ chức chủ tịch HĐQT. Theo quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014 Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm chủ tịch HĐQT.

- Người khởi kiện cho rằng, việc triệu tập họp HĐQT phải theo đề nghị của Chủ tịch hoặc có đề nghị của ít nhất 02 thành viên. Theo quy định tại điểm c, khoản 4 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2014 thì Chủ tịch HĐQT phải tiến hành triệu tập HĐQT khi thấy đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành HĐQT. Tuy nhiên sau ngày 27/8/2014 (ông Q thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT) Công ty chưa có chủ tịch HĐQT nên việc triệu tập cuộc họp không thể căn cứ điểm c, khoản 4 Điều 163 Luật doanh nghiệp 2014 như người khởi kiện trình bày. Việc tiến hành họp HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT là cần thiết.

- Tại cuộc họp HĐQT ngày 16/10/2015 ông C1 không tham gia mà chỉ có 03 thành viên HĐQT là ông U, ông Cảnh, ông Minh tham gia họp nhưng theo quy định tại khoản 8 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2014 cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Tại cuộc họp này các thành viên HĐQT dự họp là 03 người và cả 3/3 đều nhất trí bầu ông U là chủ tịch HĐQT công ty.

Cuộc họp HĐQT ngày 03/11/2015 có nội dung miễn nhiệm chức danh tổng

giám đốc của ông Lê Văn C1 và đề cử ông Nguyễn Trần H3 làm tổng giám đốc công ty là thực hiện đúng quyền của HĐQT quy định tại điểm i khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014 và cuộc họp được 3/3 thành viên dự họp nhất trí thông qua.

Như vậy, các cuộc họp HĐQT của Công ty ngày 16/10/2015 và ngày 03/11/2015 là đúng quy định của pháp luật.

[4] Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Căn cứ kết quả họp HĐQT ngày 16/10/2015 và ngày 03/11/2015 Công ty làm hồ sơ theo quy định pháp luật đề nghị Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp (thay đổi lần 7). Hồ sơ đề nghị Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) gồm có:

- + Giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- + Bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Trần H3 - người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty;
- + Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần P.

Theo khoản 2 Điều 4 Nghị định 43/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau đăng ký doanh nghiệp”* và khoản 7 Điều 8 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015 thì: *“Một trong các nghĩa vụ của doanh nghiệp là chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp”*.

Vì vậy, Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) cho Công ty cổ phần Pin ác quy Vĩnh Phú là đúng pháp luật.

Văn bản số 102/SKH&ĐT-ĐKKD ngày 04/02/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ khẳng định việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 7) cho Công ty cổ phần Pin ác quy Vĩnh Phú là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bác kháng cáo của bà B, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận, bà Trần Thục B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Trần Thục B, giữ nguyên các quyết định của Bản án số 08/2016/HCST ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Án phí: Bà Trần Thục B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào khoản tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 009669 ngày 29-12-2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, bà B tiếp tục phải nộp 100.000 (một trăm nghìn) đồng án phí thúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/HC-PT

Ngày 08 tháng 5 năm 2018

V/v “Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp”

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Lý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 294/2017/TLPT - HC ngày 15 tháng 9 năm 2017 về việc “Khiếu kiện hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 834/2017/HC-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 648/2017/QĐ-HC ngày 26 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường 3 tháng 2, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Đại N - Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2017 (có mặt).

Địa chỉ: đường Nguyễn Văn T, phường Đ, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: đường Lê Thánh T, phường B, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H – Phó Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh – Văn bản ủy quyền số 720/GUQ-PĐKKD ngày 19/01/2017. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1.

Địa chỉ: đường 3 tháng 2, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H1 - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1: Luật sư Nguyễn Thanh S – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.2/ Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1968.

3.3/ Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: đường Nguyễn H, phường X1, quận Y1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T1, ông H1, bà P: Ông Phạm Văn H2 (có mặt).

Địa chỉ: đường Chu Văn A, phường X2, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3.4/ Ông Vũ Văn K, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường 3 tháng 2, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1; Bà Nguyễn Thị Mỹ P; Ông Nguyễn Thanh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là ngày 26/01/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 22, Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1 (gọi tắt là Công ty T1), mã số doanh nghiệp 0301567057 là Công ty TNHH với 2 thành viên góp vốn là bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Vũ Văn K do bà T làm giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật.

Ngày 11/9/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Phòng Đăng ký kinh doanh) đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 23 nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty T1 với nội dung giống như đăng ký thay đổi lần thứ 22 của công ty.

Ngày 16/9/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 24 nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty T1 với 2 thành viên góp vốn là ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ P, do ông H1 Chủ tịch Hội đồng thành viên đồng thời là người đại diện theo pháp luật.

Ngày 10/11/2014, bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Vũ Văn K đã khiếu nại đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh phải hủy bỏ các giấy chứng nhận đăng ký thay

đổi này vì cho rằng bà không hề làm các thủ tục để thay đổi các nội dung đã đăng ký lần thứ 22 của Công ty T1 nên các hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24 của Công ty T1 là hồ sơ giả mạo.

Do không thấy khiếu nại của mình được giải quyết, ngày 13/9/2016 bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24 của Phòng Đăng ký kinh doanh với lý do như đã khiếu nại.

Theo trình bày của bà T: Vào khoảng cuối năm 2013, ông H1 và bà P có thỏa thuận cho ông K và bà T vay 4.000.000.000đ với điều kiện ông K, bà T phải cầm cố giấy tờ của Công ty T1 cho ông H1, bà P. Thực hiện thỏa thuận này, ông K, bà T đã ký hợp đồng (để trống phần ngày, tháng, năm) chuyển nhượng vốn góp trong Công ty T1 cho ông H1, bà P. Do ông H1, bà P không có tiền để cho vay nên đã trả lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 22), hóa đơn của Công ty T1 cho ông K, bà T. Các giấy tờ về chuyển nhượng Công ty T1, ông H1, bà P nói sẽ trả sau nhưng không trả. Riêng con dấu của Công ty T1 thì ông H1, bà P báo đã bị thất lạc nên ngày 16/6/2014 bà T đã làm thủ tục xin cấp con dấu mới, ngày 20/6/2014 bà T được Công an cấp con dấu mới và sử dụng từ đó đến nay. Thực sự ông K, bà T không có chuyển nhượng Công ty T1 cho ông H1, bà P nên cũng không làm các giấy tờ để đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 23 và 24. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bà T có trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23, lần thứ 24 và giám định 2 tài liệu là “Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” đề ngày 28/8/2014 trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23 và “Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp” đề ngày 11/9/2014 trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 24 đang được lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh. Hết thời hạn mà Tòa án phải thông báo kết quả giải quyết yêu cầu giám định được quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Giám định tư pháp nhưng không nhận được văn bản trả lời của Tòa án, bà T đã có đơn yêu cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, giám định các tài liệu “Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” đề ngày 28/8/2014 và “Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp” đề ngày 11/9/2014 trong hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đề tên Công ty T1 đang lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 25/4/2017 Viện Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có Văn bản số 43(DV)/C54B thông báo cho bà T biết hai tờ giấy này là ghép trang, giả mạo. Sau khi có kết quả giám định này, bà T đã rút lại các yêu cầu trước đây mà bà đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định và cho rằng có thể ông H1, bà P là người đã làm giả “Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” đề ngày 28/8/2014 và “Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp” đề ngày 11/9/2014 và điền ngày vào các hợp đồng chuyển nhượng trước đây rồi nộp hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi lần 23 và 24, chuyển sở hữu Công ty T1 qua tên ông H1, bà P.

Theo trình bày của Phòng Đăng ký kinh doanh: Sau khi nhận được khiếu nại của bà T, Phòng Đăng ký kinh doanh có làm việc với ông H1, bà P thì được ông H1, bà P cho biết bà T, ông K đã chuyển nhượng toàn bộ Công ty T1 cho ông

H1, bà P, chữ ký trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24 là của bà T, ông K. Ngày 08/01/2015 ông H1, bà P có yêu cầu giám định chữ ký của bà T, ông K trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24. Tuy nhiên, do hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có mẫu chữ ký của bà T, ông K hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (C44B-P4) đang mượn nên Phòng Đăng ký kinh doanh chưa có cơ sở để yêu cầu Công an thành phố giám định chữ ký của bà T, ông K. Do chưa có cơ sở để xác định nội dung đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24 là giả mạo nên Phòng Đăng ký kinh doanh chưa có cơ sở để xử lý thu hồi đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24 theo yêu cầu của bà T. Phòng Đăng ký kinh doanh đề nghị Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Kim L và ông Vũ Văn K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời đề nghị Tòa án cho giám định chữ ký của các ông (bà) Nguyễn Thị Hồng T, Vũ Văn K, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thị Mỹ P trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, Phòng Đăng ký kinh doanh đã cung cấp cho Tòa án bản sao các tài liệu:

1/. Hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23 của Công ty T1, trong đó có Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01/2014/TAC đề ngày 28/8/2014 với lý do giấy cũ bị mất, Văn bản này có chữ ký đề tên người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Hồng T có đóng dấu đề tên Công ty T1 và một số tài liệu liên quan khác;

2/. Hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 24 của Công ty T1, trong đó có Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 0212014 về thành viên góp vốn có chữ ký đề tên người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Hồng T có đóng dấu đề tên Công ty T1 và Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 0312014 đề ngày 11/9/2014 về người đại diện theo pháp luật có chữ ký đề tên chủ tịch Hội đồng thành viên công ty là ông Nguyễn Thanh H1 có đóng dấu đề tên Công ty T1 cùng một số tài liệu liên quan khác.

Theo trình bày của Công ty T1: Ngày 26/11/2014 bà T đã biết được việc Phòng Đăng ký kinh doanh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 23 và lần thứ 24 cho Công ty T1, đến ngày 04/11/2016 bà T mới khởi kiện vụ án hành chính, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 và điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện của bà T đã hết. Do đó, Công ty T1 đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Trường hợp Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết thì đề nghị giám định chữ ký của ông K và bà T trong hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 24.

Các ông (bà) Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thị Mỹ P có ý kiến giống với ý kiến của Công ty T1.

Ông Vũ Văn K có ý kiến trình bày giống ý kiến của bà T đã trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 834/2017/HC-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T; hủy Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 23 nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Xây dựng, Sản xuất, Thương mại, Xuất nhập khẩu T1 mã số doanh nghiệp 0301567057 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ngày 11/9/2014 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 24 nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Xây dựng, Sản xuất, Thương mại, Xuất nhập khẩu T1 mã số doanh nghiệp 0301567057 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ngày 16/9/2014.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 19/7/2017, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1 ; bà Nguyễn Thị Mỹ P và ông Nguyễn Thanh H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Phòng Đăng ký kinh doanh, Công ty T1, bà P và ông H1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1 trình bày: Văn bản của Phòng đăng ký kinh doanh không phải là văn bản thừa nhận nghĩa vụ nên Tòa sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn là chưa chính xác. Lời khai của bà T có nhiều mâu thuẫn. Hồ sơ xin thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có nhiều tài liệu khác ngoài đơn yêu cầu và thông báo thay đổi thành viên đã được giám định. Hồ sơ xin thay đổi là hợp lệ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm bởi lẽ đã có kết luận giám định xác định đơn xin thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là giả mạo, việc chuyển nhượng vốn cho ông H1, bà P là không có.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn là có căn cứ. Đơn yêu cầu thay đổi nội dung đăng ký đã được Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận có sự giả mạo, thay trang và sử dụng con dấu không hợp lệ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 10/11/2014, bà Nguyễn Thị Hồng T biết được việc Phòng Đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 23 và lần thứ 24 cho Công ty T1, bà có khiếu nại nhưng chưa được giải quyết. Đến ngày 13/9/2016, bà T khởi kiện đến Tòa án là đã quá thời hạn pháp luật quy định. Tuy nhiên, ngày 19/01/2017, Phòng Đăng ký kinh doanh có văn bản số 698/PĐKKD-KT trả lời thông báo thụ lý vụ án, trong đó có nội dung nếu hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24 là giả mạo thì Phòng đăng ký kinh doanh sẽ thu hồi các giấy chứng nhận này. Ngày 25/4/2017, Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh mới có văn bản kết luận giám định hồ sơ xin thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty T1 có sự giả mạo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện và căn cứ xác định về sự giả mạo của hồ sơ đăng ký, nên xác định thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Theo quy định của Luật doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23 là hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì trong hồ sơ bắt buộc phải có Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp; hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 24 là thay đổi thành viên công ty thì trong hồ sơ bắt buộc phải có Thông báo thay đổi thành viên công ty. Hai tài liệu này, bà Nguyễn Thị Hồng T cho rằng có sự giả mạo nên đã yêu cầu Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định. Ngày 25/4/2017, Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 43(DV)/C54B thông báo kết luận giám định, nội dung: “Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” đề ngày 28/8/2014 và “Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp” đề ngày 11/9/2014 đã bị thay trang; con dấu đề tên Công ty T1 được đóng ở trang thứ 2 của 02 văn bản này trùng với con dấu của Công ty T1 sử dụng trước ngày 20/6/2014 (là ngày thay đổi con dấu mới) và không phải được đóng từ con dấu mà Công ty T1 sử dụng từ ngày 20/6/2014 đến nay.

[3] Do tài liệu trong hồ sơ đăng ký được kết luận là giả mạo, không hợp lệ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T, hủy Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 23 và thay đổi lần thứ 24 của Công ty T1 là đúng quy định pháp luật.

[4] Người đại diện của Công ty T1, ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ P cho rằng việc giả mạo giấy tờ nếu có là do bà T thực hiện, là lỗi của bà T song không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, dù việc giả mạo là do người nào thực hiện thì hồ sơ giả mạo cũng không thể chấp nhận, giấy phép thay đổi doanh nghiệp phải được thu hồi, hủy bỏ. Do đó, lời khiếu nại này của Công ty T1, của ông H1 và bà P Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[5] Người đại diện của Phòng Đăng ký kinh doanh kháng cáo cho rằng hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24 của Công ty T1 là hợp lệ vì có chữ ký của bà T và có dấu đóng của Công ty T1. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, tài liệu đăng ký thay

đổi đã được kết luận là giả mạo, có sự thay trang mà không có dấu giáp lai, đóng con dấu cũ không còn được sử dụng. Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 23 và 24 được cấp từ hồ sơ giả mạo thì không được phép tồn tại theo quy định của Luật doanh nghiệp. Nội dung này cũng đã được Phòng Đăng ký kinh doanh thừa nhận tại văn bản số 698/PĐKKD-KT ngày 19/01/2017, nếu hồ sơ đăng ký có dấu hiệu giả mạo thì sẽ tiến hành thu hồi. Do đó, kháng cáo của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh không có căn cứ chấp nhận.

[6] Việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 23 và 24 của Công ty T1 không làm mất quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp việc chuyển nhượng vốn góp trong Công ty T1. Các bên vẫn có quyền khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nếu có tranh chấp.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh; kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1; kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ P và ông Nguyễn Thanh H1.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1, bà Nguyễn Thị Mỹ P và ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh; kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1; kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ P và ông Nguyễn Thanh H1. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T; hủy Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 23 nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1, mã số doanh nghiệp 0301567057 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ngày 11/9/2014 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 24 nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1, mã số doanh nghiệp 0301567057 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh thực hiện ngày 16/9/2014.

2. Về án phí:

- Ấn phí hành chính sơ thẩm: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 200.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031336 ngày 10/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

- Ấn phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T1, ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Mỹ P và Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh mỗi người phải chịu 300.000 đồng; Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí Công ty T1, ông H1, bà P và Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đã nộp theo các biên lai thu số AA/2017/0047407, AA/2017/0047408, AA/2017/0047409 cùng ngày 11/8/2017 và biên lai thu số AA/2017/0047448 ngày 16/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (4);
- Lưu VP(3), HS(2). 16b (MSL38)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Công Lý

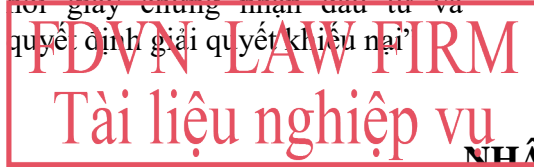
**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2018/HC-ST**

Ngày: 27/11/2018

V/v: “**Khởi kiện quyết định về thu hồi giấy chứng nhận đầu tư và quyết định giải quyết khiếu nại**”



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tất Đạt**
Bà **Lê Ngọc Sương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Thuận** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông **Mai Văn Sinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 74/2016/TLST-HC ngày 20 tháng 12 năm 2016 về việc “*Khởi kiện quyết định về thu hồi giấy chứng nhận đầu tư và quyết định giải quyết khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HC ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: **Công ty TNHH P.**

Địa chỉ: Số N, đường P, phường H, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Thúy C.**, sinh năm 1980 – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Quốc T.**, sinh năm 1976. (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017).

Địa chỉ: tổ N, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Chung cư K, số S, đường H, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số H, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Văn C1** – Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1965. – Chức vụ: Trưởng phòng Hợp tác đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Ngọc T1** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Gia T2**, sinh năm 1981 – Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh Điện lực C trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Đ. (Văn bản ủy quyền số 279/GUQ-ĐLCM ngày 16/7/2018).

Địa chỉ: Trung tâm hành chính, ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T có mặt; ông C1, bà X, ông T2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Ngày 20/4/2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn P nhận được Quyết định số 963/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000334 chứng nhận lần đầu ngày 30/12/2011 cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P để thực hiện dự án sản xuất rau quả công nghệ cao tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đ với lý do: Dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư từ năm 2011 đến nay chủ đầu tư không triển khai dự án. Ngày 11/6/2015 Công ty gửi đơn khiếu nại tới Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai khiếu nại Quyết định số 963/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Sau đó qua một số lần đối thoại, giải quyết với một số cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhưng vẫn không tìm ra phương hướng giải quyết. Ngày 23/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 3706/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của Công ty, giữ nguyên Quyết định 963/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Xét thấy quyền lợi chính đáng của công ty bị xâm phạm, Công ty giải trình như sau:

- Về lý do thu hồi giấy chứng nhận đầu tư là không chính đáng;
- Các thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 963/QĐ-UBND là không đúng quy trình.
- Theo như công văn số 4330/UBND-ĐT ngày 09/6/2015 về việc trả lời khiếu nại của công ty thì ngày 07/4/2015 có Đoàn giám sát do Sở kế hoạch – Đầu tư tỉnh Đồng Nai chủ trì với sự tham gia của các cơ quan có liên quan thực hiện giám sát tình hình thực hiện dự án sản xuất rau quả công nghệ cao của Công ty tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đ nhưng công ty không

nhận được bất kỳ một văn bản thông báo hay quyết định thành lập đoàn và không được tiếp đoàn giám sát nào tại nơi thực hiện dự án. Đoàn giám sát thực tế không giám sát, không tìm hiểu thực tế, không gặp gỡ doanh nghiệp, không mời doanh nghiệp tham gia nhưng vẫn ban hành văn bản đề nghị thu hồi giấy phép của doanh nghiệp là vi phạm pháp luật.

- Trong thời gian thực hiện dự án, Công ty gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc không thể giải quyết và đã làm văn bản báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh nhưng không được phản hồi hoặc chỉ được hứa hẹn qua những cuộc họp nhưng không giải quyết như: Cơ sở hạ tầng bên ngoài dự án chưa hoàn thiện, đường đi lầy lội, hệ thống nước để phục vụ tưới tiêu cho cây không có.

- Do không có nguồn nước và hạ tầng đồng bộ nên Công ty không thể đầu tư đúng cam kết. Theo ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Công ty không đầu tư theo tiến độ và không đảm bảo năng lực tài chính là không chính xác. Trong khi chờ đợi cơ sở hạ tầng bên ngoài bờ rào dự án, qua hai năm Công ty đã đầu tư khoảng hơn 3.000.000.000 đồng, bao gồm: Cải tạo đất, đầu tư hệ thống tưới nằm trên đất và dưới mặt đất, nhà điều hành, kho, máy móc thiết bị, điện 03 pha, trụ thép nhà màng, trồng cây phân cách các phân khu.

- Công ty nhận bàn giao các mốc giới chính thức từ tháng 7/2013 và tiến hành thuê đơn vị tư vấn lập quy hoạch dự án 1/500. Việc Công ty chưa tiến hành các thủ tục thuê đất là do Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đ điều chỉnh quy hoạch chung 1/2000 buộc công ty phải chờ Quyết định quy hoạch chính thức từ Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai dù nhiều lần qua các cuộc họp Công ty đề nghị phía Trung tâm cung cấp. .

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai nhiều lần cho cày xới khu đất dự án làm hư hại nhiều diện tích ống nước. Vào ngày 04/6/2016, thực hiện chỉ đạo của Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai. Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đ toa rập với Điện lực huyện C đột ngột ngừng cung cấp điện cho công ty một cách vô căn cứ và không đúng quy trình gây thiệt hại cho công ty.

Do vậy, Công ty yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết:

-Tuyên hủy Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 và Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 23/11/2015.

-Yêu cầu phía điện lực khôi phục lại việc cung cấp điện cho công ty.

Người bị kiện trình bày:

Ngày 30/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000334 chứng nhận đầu tư lần đầu cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P để lập dự án đầu tư sản xuất rau quả công nghệ cao với

mục tiêu sản xuất cây giống chất lượng cao để chuyển giao cho nông dân và sản xuất rau thương phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; địa điểm thực hiện dự án tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đ, xã Xuân Đường, huyện C.

- Ngày 20/4/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 963/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000334 chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 30/12/2011 cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P do Công ty không thực hiện dự án. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 11/6/2015 bà Nguyễn Thị Thúy C – Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn P có đơn khiếu nại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư vì cho rằng trái quy định pháp luật, yêu cầu thu hồi Quyết định trên.

Ngày 23/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 3706/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Ngày 11/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành quyết định số 3220/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn P và ngày 08/10/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành quyết định số 3531/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3220/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 về việc thu hồi Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn P và Quyết định số 3531/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 963/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư nên đối tượng khởi kiện không còn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015 xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 và Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 23/11/2015, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 11/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành quyết định số 3220/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn P và ngày 08/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành quyết định số 3531/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư. Như vậy, do đối tượng khởi kiện không còn vì Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thu hồi Quyết định số 3706/QĐ-UBND và bãi bỏ Quyết định số 963/QĐ-UBND nên yêu cầu hủy Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 và Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P là không còn cơ sở. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đối với yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Đ khôi phục lại việc cung cấp điện cho công ty, xét thấy: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu trên không phải là đối tượng áp dụng của Luật tố tụng hành chính, bởi vì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Đ là một đơn vị kinh doanh chứ không phải là cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước. Do vậy, căn cứ vào điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của công ty. Tuy nhiên, Công ty trách nhiệm hữu hạn P có quyền khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Đ bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải chịu 200.000đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 3, Điều 32, khoản 4 Điều 57, Điều 123, Điều 143, Điều 146 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 và Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 23/11/2015.

Đình chỉ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện lực Đ khôi phục lại việc cung cấp điện cho công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Án phí HC-ST: Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 007426 ngày 15/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Công ty trách nhiệm hữu hạn P đã nộp đủ án phí.

Người khởi kiện được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị kiện vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thu Hương

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-PT

Ngày: 08/01/2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định quản lý về đầu tư*”

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ **NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 05/2018/TLPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc khiếu kiện quyết định quản lý về đầu tư, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8634/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) liên doanh V; địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, xã Hoàng N, huyện Y, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Kiêm T; trú tại: Số 11, ngõ 121 đường T, phường L, quận Đ, thành phố H, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Đặng Văn L, thuộc Văn phòng luật sư M - Chi nhánh Hà Nội, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Xuân N - Phó Trưởng ban, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Luật sư Vũ Kim H - Công ty luật TNHH HQC, thuộc đoàn luật sư tỉnh Hà Nam, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh B; đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Hữu T - Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp (KCN) tỉnh B: Ông Đặng Đình T - Giám đốc công ty phát triển hạ tầng; địa chỉ: Lô HC, khu phía Bắc KCN S, xã K, thành phố B, tỉnh B, có mặt.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn F Việt Nam; địa chỉ: Phòng 12, Tòa HL, ngõ 82 đường D, phường V, quận C, thành phố H; đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Hoàng B - Nhân viên pháp chế công ty, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh V (sau đây viết tắt là Công ty V) trình bày:

Ngày 02/11/2004, Công ty V được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số 2400333367, mã ngành 2431 (chính), tên ngành: Đúc sắt, thép; chi tiết: Mua bán, đúc, nấu luyện, cán, kéo thép, phôi thép, các sản phẩm thép.

Ngày 26/7/2005, Chủ tịch UBND tỉnh B chấp thuận đầu tư dự án xây dựng “*Nhà máy Cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng*” tại khu công nghiệp Đ, tỉnh B theo Công văn số 1073/CT-CN.

Theo Hợp đồng thuê lại đất số 19/2005/HĐKT ký ngày 20/10/2005 giữa Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh B và Công ty V thì Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh B (sau đây viết tắt là Công ty hạ tầng) cho Công ty V thuê lại 40.185m² đất tại khu công nghiệp Đ để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy cơ khí, mạ kẽm nhúng nóng, vị trí tại lô số C12, C13 và C14; thời gian thuê 50 năm.

Ngày 23/11/2005, Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B ban hành Quyết định số 59/QĐ-KCN chấp thuận đầu tư bổ sung cho Công ty V đầu tư bổ sung dây chuyền luyện, cán thép tại nhà máy cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng của Công ty V trong khu công nghiệp, theo các nội dung: Đổi tên dự án: “*Nhà máy cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng*” thành “*Nhà máy cơ khí luyện, cán thép mạ kẽm nhúng nóng*”. Tiến độ đầu tư: Nhà máy cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng: Xây dựng quý

1/2004 hoàn thành quý III/2004. Dây chuyền luyện, cán thép: Xây dựng quý 1/2006, hoàn thành đưa vào sản xuất quý III/2006.

Ngày 27/3/2006, Công ty V được Chủ tịch UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 512/GCN-UBND.

Trong quá trình thực hiện dự án, Công ty V đã huy động vốn để xây dựng nhà xưởng, cơ sở hạ tầng, tường bao và các công trình phụ trợ khác cũng như mua thiết bị chuyên dụng để đưa vào sản xuất theo ngành nghề đã đăng ký.

Sau một thời gian hoạt động, Công ty V đã tìm đối tác liên doanh nhằm tránh phá sản là Công ty cổ phần may xuất khẩu G (sau đây viết tắt là Công ty G) để cùng liên doanh sản xuất bao bì carton và kho nguyên liệu phụ để phục vụ cho ngành may. Ngày 26/01/2015, Công ty G đã có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh B và Ban quản lý các KCN tỉnh B nhưng không được chấp thuận bởi Công văn số 506/KCN-ĐT ngày 28/7/2015 của Ban quản lý các KCN.

Ngày 03/8/2015, Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty V và Quyết định số 44/QĐ-KCN về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V.

Ngày 22/4/2016, Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 9835384345 cho Công ty F tại các lô C12, C13, C14 khu công nghiệp Đ, xã Hoàng N, huyện Y, tỉnh B mà trước đó đã cấp cho Công ty V.

Ngày 01/7/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh V khởi kiện, sau đó khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B: Hủy Quyết định số 43/QĐ-KCN về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty V và Quyết định số 44/QĐ-KCN về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V. Trả lại địa vị pháp lý cho Công ty V. Bồi thường thiệt hại cho Công ty V theo quy định của pháp luật. Hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9835384345 đã cấp cho Công ty F.

Theo Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B: Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B được ban hành đúng quy định pháp luật căn cứ Điều 41, Điều 48 Luật đầu tư năm 2014; khoản 2 Điều 41 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ và Điều 4 Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 30/7/2008 của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B.

Về xử lý tài sản trên đất: Thực hiện theo hợp đồng thuê đất ký kết giữa Công ty V và Công ty hạ tầng KCN tỉnh B.

Về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư cho Công ty F: Theo Hợp đồng thuê đất số 19/2005/HĐKT ký ngày 20/10/2005 giữa Công ty hạ tầng và Công ty V quy định: Trường hợp chấm dứt hợp đồng thuê lại đất trước thời hạn do lỗi của bên B thì bên B (Công ty V) có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời các công trình để bàn giao mặt bằng cho bên A (Công ty hạ tầng) trong vòng 30 ngày. Trường hợp bên A tháo dỡ thì bên B phải bồi hoàn các chi phí liên quan đến việc tháo dỡ đó; sau khi có Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê đất với Công ty V, Công ty hạ tầng đã có văn bản chấp thuận cho Công ty F khảo sát thuê lại diện tích đất tại các Lô C12, C13, C14 khu công nghiệp Đ.

Ban quản lý các KCN tỉnh B đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án Nhà máy kết cấu thép FUJI Việt Nam của Công ty F có mã số dự án 9835384345 ngày 22/5/2016. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

Theo Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh B: Tại Biên bản làm việc ngày 24/02/2016, Công ty V còn nợ số tiền: 1.573.258.410 đồng. Năm 2016, Công ty V chưa di chuyển tài sản và trả lại mặt bằng nên vẫn phải nộp tiền sử dụng hạ tầng và tiền thuê đất có hạ tầng năm 2016 với tổng số tiền là 792.649.125 đồng. Tính đến ngày 13/12/2016, Công ty V còn phải thanh toán cho Công ty hạ tầng tổng số tiền là 2.365.907.535 đồng.

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh B: Căn cứ Kết luận thanh tra số 785/KL-UBND ngày 04/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc thanh tra dự án “*Nhà máy cơ khí luyện, cán thép và mạ kẽm nhúng nóng*” của Công ty V và tình hình khắc phục sau kết luận thanh tra; đến ngày 03/8/2015, Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B đã ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty V và Quyết định số 44/QĐ-KCN về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V.

Tính đến quý III/2006, Công ty V không có khả năng thực hiện tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư, cụ thể: Nhà đầu tư chưa thực hiện đúng và đầy đủ mục tiêu sản xuất cơ khí và nhúng mạ kẽm; chưa thực hiện cán thép theo nội dung dự án đầu tư được chấp thuận. Mặt khác, sau 90 ngày kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra, nhà đầu tư cũng không thực hiện giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định, trong khi đó Ban quản lý các KCN, Công ty hạ tầng đã tổ chức lập biên bản làm việc, có công văn yêu cầu nhà đầu tư chấp hành theo kết luận thanh tra và đưa dự án vào hoạt động nhưng Công ty V vẫn không thực hiện theo kết luận thanh tra và không khắc phục để đưa dự án vào hoạt động. Đối chiếu với điểm g khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 41 của Luật đầu tư năm 2014; điểm c khoản 2 Điều 41 của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh B đã ban hành

Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN là đúng quy định của pháp luật.

Theo Công ty trách nhiệm hữu hạn F Việt Nam: Công ty F không biết về Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trường ban quản lý các KCN tỉnh B. Ngày 21/12/2015, Công ty F có Văn bản số 15/2015-CV về việc đăng ký khảo sát địa điểm đầu tư nhà máy kết cấu thép Fuji Việt Nam tại lô đất C12, C13, C14 KCN Đ. Theo Công văn số 21/CTPTHT-KHKT ngày 05/02/2016, Công ty F được Ban quản lý các KCN tỉnh B chấp thuận cho khảo sát đầu tư tại 03 lô đất trên.

Ngày 22/4/2016, Công ty F được Ban quản lý các KCN tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9835384345. Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Công ty F đã thực hiện việc ký kết hợp đồng kinh tế nhập khẩu thiết bị máy móc phục vụ việc thực hiện dự án, đồng thời ký kết hợp đồng kinh tế cung cấp sản phẩm cho đối tác, nhằm sớm đưa dự án vào hoạt động. Tuy nhiên, hiện tại Công ty F vẫn chưa nhận được bàn giao mặt bằng, không chỉ gây thiệt hại về kinh tế cho công ty, cũng như ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của các nhà đầu tư Nhật Bản.

Theo Công ty cổ phần may xuất khẩu G: Cuối năm 2014, đầu năm 2015, Công ty cổ phần may xuất khẩu G có làm việc với Công ty V; Công ty G đề nghị mua lại tài sản trên đất của Công ty V tại khu công nghiệp Đ để triển khai dự án đầu tư sản xuất bao bì carton và hệ thống kho nguyên liệu để phục vụ cho ngành may. Ngày 26/6/2015, Công ty G có gửi đơn đến Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B và UBND tỉnh B đề nghị đầu tư để chuyển giao dự án tại địa điểm của công ty V tại KCN Đ. Tuy nhiên đề nghị trên không được chấp thuận bởi Công văn số 506/KCN-ĐT ngày 28/7/2015 của Ban quản lý các KCN tỉnh B; Công ty G không có ý kiến gì về nội dung vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 03/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 29 Luật Tố tụng hành chính; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 30, Điều 32, Điều 33, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 120, Điều 121, Điều 122, Điều 125, Điều 158, khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính 2015; Điều 33, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 41, Điều 48 Luật đầu tư 2014, Điều 37 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008, Điều 21 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006; Điều 28, Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày

12/11/2015 điều của Chính Phủ; Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN tỉnh B, quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Liên doanh V (do ông Nguyễn Kiêm T - đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Thành K đại diện theo ủy quyền) về việc yêu cầu Tòa án: Hủy bỏ các Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B; trả lại địa vị pháp lý cho Công ty TNHH liên doanh V; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9835384345 đã cấp cho Công ty TNHH F Việt Nam.

Đình chỉ yêu cầu Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH Liên doanh V theo quy định pháp luật của người khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2017, ông Nguyễn Kiêm T - người đại diện pháp luật của Công ty V có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Theo ý kiến của Công ty V: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã vi phạm Điều 160 Luật Tố tụng hành chính về phát biểu có tính định hướng giải quyết vụ án. Trưởng Ban quản lý khu công nghiệp ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN là vi phạm thẩm quyền, hình thức. Công ty V đã đầu tư nhiều tỷ đồng vào dây chuyền sản xuất thép, sau nhiều năm hoạt động có lãi và thu xếp cho hàng trăm lao động địa phương vào làm việc cho Công ty; Công ty đã xây dựng 22/24 hạng mục đầu tư, chỉ còn 02 hạng mục chưa thực hiện. Theo Hợp đồng thuê đất số 19/2005/HĐKT, Công ty phải nộp tiền thuê đất từ tháng 2/2004 đến tháng 2/2012 (08 năm) là 96.444USD, đến nay đã chấp hành đầy đủ. Về các loại thuế khác Công ty đã được Cục thuế tỉnh B thanh tra thuế và đã có kết luận từ ngày 01/5/2005 đến ngày 31/12/2010 đã nộp 319.673.455 đồng, chấp hành đảm bảo theo quy định; cáo buộc Công ty nợ 1,57 tỷ đồng là không đúng. UBND tỉnh B không chấp thuận việc chuyển đổi mục đích kinh doanh làm ảnh hưởng đến Công ty. Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN là vi phạm nội dung, hình thức và không đúng thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN; hủy quyết định chấp thuận đầu tư của công ty F.

Theo ý kiến của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B: Theo Kết luận thanh tra số 758/KL-UBND ngày 04/4/2013 của UBND tỉnh B thì dự án của Công ty V đã chậm tiến độ là 60 tháng; mới chỉ hoạt động mục tiêu luyện, đúc

phôi thép vào hoạt động; chưa thực hiện các mục tiêu sản xuất cơ khí và nhúng mạ kẽm; vốn đầu tư mới chỉ huy động được khoảng 53/233 tỷ đồng; Công ty V chưa thực hiện đúng tiến độ theo Quyết định số 59/QĐ-KCN. Hai nhà xưởng 7A và 7B xin cấp phép xây dựng từ tháng 8/2011 nhưng chưa xây dựng và thời hạn của giấy phép đã quá 12 tháng. Phần đất xây dựng của 02 nhà xưởng 7A và 7B diện tích khoảng 4.500m² chưa đưa vào sử dụng mặc dù đã chậm quá 24 tháng theo hợp đồng thuê lại đất. UBND tỉnh B đã có nhiều văn bản đề nghị Công ty V thực hiện đúng tiến độ theo giấy chứng nhận đầu tư, nhưng Công ty V đã không thực hiện; Công ty V không thực hiện giãn tiến độ đầu tư, tạm dừng đầu tư; chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước khoảng 1,57 tỷ đồng. Công ty V đã vi phạm nhiều quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai; dự án của Công ty V chậm tiến độ 85 tháng, không báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh từ tháng 5/2014. Sai phạm của Công ty V là có hệ thống không thể khắc phục và làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng hiệu quả đất, ảnh hưởng tới nhiều yếu tố kinh tế xã hội tại địa phương. Việc khắc phục những khó khăn của Công ty V theo phương thức hợp tác với Công ty cổ phần may mặc xuất khẩu G để xây dựng nhà máy sản xuất bao bì carton và kho nguyên liệu phục vụ ngành may là không phù hợp quy hoạch phân lô của KCN Đ. Do Công ty V không có khả năng, không thực hiện việc khắc phục sai phạm và Ban quản lý các KCN tỉnh B quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư là hoàn toàn có cơ sở.

Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh B đã được ủy quyền hợp pháp cũng như giao chức năng cấp, điều chỉnh và thu hồi cả các văn bản chấp thuận đầu tư mà Chủ tịch UBND tỉnh B đã chấp thuận cho các nhà đầu tư là có cơ sở pháp lý và không trái với các quy định của pháp luật có hiệu lực vào thời điểm đó cũng như tính đến thời điểm Ban quản lý các KCN ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN. Theo quy định Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP thì Ban quản lý các KCN tỉnh B có đủ thẩm quyền và cơ sở pháp lý để chấm dứt hoạt động của Công ty V.

Sau khi ra các quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, Ban quản lý các KCN tỉnh B đã có Văn bản số 527/KCN-ĐT ngày 06/8/2015 về việc thanh lý tài sản trên đất và hợp đồng thuê đất, đã yêu cầu Công ty V thanh lý tài sản trên đất. UBND tỉnh B có Văn bản số 1899/UBND-KT ngày 05/7/2016 về việc định giá tài sản đã đầu tư trên đất của Công ty V và giao cho Ban quản lý các KCN hướng dẫn Công ty V và nhà đầu tư mới thỏa thuận thanh toán chênh lệch giá trị tài sản sau khi đã đối trừ đi các khoản tiền nợ ngân sách. Công ty hạ tầng đã có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty

V. Ngày 05/02/2016, Công ty hạ tầng có Văn bản số 21/CTPTHT-KHKT đồng ý để Công ty F khảo sát địa điểm đầu tư và nghiên cứu đầu tư tại các lô đất C12, C13, C14; Ban quản lý các KCN đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký đầu tư theo đúng quy định. Theo quy định tại Điều 33, Điều 37 Luật đầu tư về địa điểm cũng chỉ cần tài liệu xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư, mà không quy định nhà đầu tư phải có hợp đồng thuê đất hay các tài liệu cụ thể khác. Dự án của Công ty F đã được thực hiện đúng quy trình thẩm định.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Việc tuân theo pháp luật Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 41, Điều 48 Luật đầu tư thì Ban quản lý các KCN tỉnh B là cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V. Tuy nhiên, Trưởng Ban quản lý KCN ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN là không đúng thẩm quyền, sai sót về hình thức, nhưng không làm thay đổi bản chất của 02 quyết định, bản án sơ thẩm cũng đã nhận định và rút kinh nghiệm với đơn vị ban hành văn bản hành chính là đầy đủ.

Tại Kết luận thanh tra số 785/KL-UBND ngày 04/4/2013 của UBND tỉnh B đối với Công ty V đã kết luận: Kết quả thực hiện dự án, đến nay nhà đầu tư đã triển khai thực hiện dự án và đưa mục tiêu luyện, đúc phôi thép vào hoạt động từ tháng 6/2006; chưa thực hiện mục tiêu sản xuất cơ khí và nhúng mạ kẽm; chưa thực hiện cán thép theo nội dung dự án đầu tư được chấp thuận; vốn đầu tư thực hiện đạt khoảng 53/233 tỷ đồng; tiến độ thực hiện dự án chậm khoảng 60 tháng so với dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Công ty V đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư, đất đai và chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Ngày 22/4/2015, Ban quản lý các KCN có Công văn số 271/KCN-DN về việc nhắc nhở thực hiện dự án đầu tư của Công ty V. Theo Biên bản ghi nhớ ngày 19/5/2015 giữa Công ty V với Công ty cổ phần may xuất khẩu G thể hiện: "... Doanh nghiệp đã ngừng sản xuất từ đầu năm 2014. Hiện tại, Công ty TNHH Liên doanh V không có kế hoạch khôi phục lại sản xuất thép cũng như không có kế hoạch sản xuất ngành nghề gì khác tại địa điểm đất được thuê tại lô CI2, CI 3, CI4 Khu công nghiệp Đ, tỉnh B... ”.

Như vậy, đã quá thời hạn hoàn thành nhiều năm, Công ty V không có khả năng thực hiện tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư, vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư; không thực hiện theo kết luận thanh tra và không khắc phục để đưa dự án vào hoạt động. Quyết định số 43/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư là có căn cứ theo quy định tại Điều 48 Luật đầu tư năm 2014. Dự án đầu tư chấm dứt thì Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phải được thu hồi; Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V là có căn cứ theo quy định tại Điều 41 Luật đầu tư năm 2014; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty V hủy 02 quyết định nêu trên.

Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 cấp cho Công ty F: Theo quy định tại Điều 38 Luật đầu tư; Điều 28 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015; Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B thì Ban quản lý có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty F. Sau khi ra các quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, ngày 06/8/2015, Ban quản lý đã có Văn bản số 527/KCN-ĐT yêu cầu Công ty V thanh lý tài sản trên đất và hợp đồng thuê đất. Ngày 21/12/2015, Công ty F có văn bản đề nghị được khảo sát địa điểm đầu tư nhà máy kết cấu thép F tại lô đất C12, C13, C14 KCN Đ; ngày 24/02/2016, Ban quản lý có văn bản đồng ý để Công ty F khảo sát địa điểm đầu tư tại KCN Đ.

Ngày 24/02/2016, Ban quản lý, Công ty hạ tầng và Công ty V đã làm việc và thống nhất: Sau khi thanh lý xong giá trị tài sản còn lại đã đầu tư trên đất, Công ty V sẽ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ngày 28/3/2016, Công ty hạ tầng đã có Văn bản số 56/CTPHT-KT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty V tại Lô C12, C13, C14 KCN Đ. Sau khi xem xét, thẩm tra hồ sơ dự án đầu tư Nhà máy kết cấu thép F Việt Nam, Ban quản lý đã lấy ý kiến thẩm định của cơ quan Nhà nước có liên quan về các nội dung được quy định tại khoản 6 Điều 33 Luật đầu tư. Trên cơ sở quyết định chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty V; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của Thường trực Tỉnh ủy B, Ban quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 cho Công ty F là có căn cứ theo quy định tại Điều 34, Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Luật đầu tư.

Công ty V kháng cáo cho rằng đất chưa thu hồi nhưng cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F thì thấy rằng: Tại điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật đầu tư quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh thì hồ sơ dự án cần có “...*đề xuất nhu cầu sử dụng đất*...”, không quy định bắt

buộc nhà đầu tư phải có hợp đồng thuê đất. Việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F trên lô đất đã cho Công ty V thuê không có nghĩa khẳng định quyền sử dụng lô đất cho Công ty F, mà trách nhiệm của Công ty F và Ban quản lý là xử lý tài sản trên đất rồi mới ký hợp đồng thuê đất (công văn số 21 của Công ty hạ tầng). Các vấn đề liên quan đến bồi thường (bao gồm cả tài sản trên đất), Công ty V đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị giải quyết trong cùng vụ án này, nếu chứng minh được thiệt hại thì Công ty V có quyền khởi kiện sau. Do vậy, việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty V (nếu có); các thủ tục thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty V đang được Công ty hạ tầng tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty V đối với nội dung trên.

Theo quy định tại Điều 190 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; như vậy, kháng cáo của Công ty V về nội dung này là không có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1]. Về tố tụng: Quyết định số 43/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty V; Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9835384345 cấp cho Công ty F là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý vụ án để giải quyết là đúng quy định, đảm bảo thời hiệu và thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 116 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 43/QĐ-KCN, Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 của Trưởng Ban quản lý các KCN tỉnh B.

[2.1.1]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN: Căn cứ Điều 38, Điều 41, Điều 48 Luật đầu tư, Điều 37 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ, Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B xác định Ban quản lý các KCN có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cũng như thu hồi giấy chứng nhận đầu tư; việc Trưởng Ban quản lý KCN tỉnh B ban hành 02 quyết định nêu trên là có vi phạm thẩm quyền nhưng không làm thay đổi bản

chất của 02 quyết định; Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định Ban quản lý các KCN tỉnh B cần rút kinh nghiệm là đúng.

[2.1.2]. Về trình tự, thủ tục, căn cứ ban hành và nội dung Quyết định số 43/QĐ-KCN và Quyết định số 44/QĐ-KCN: Quyết định số 59/QĐ-KCN ngày 23/11/2005 về việc chấp thuận đầu tư bổ sung cho Công ty V của Ban quản lý đã thể hiện nội dung tiến độ đầu tư; theo đó, nhà máy cơ khí và mạ kẽm nhúng nóng xây dựng quý I/2004 hoàn thành quý III/2004; dây chuyền luyện, cán thép xây dựng quý I/2006, hoàn thành đưa vào sản xuất quý III/2006. Ngày 04/4/2013, UBND tỉnh B có Kết luận thanh tra số 785/KL-UBND; phần 1.2 có nêu: Kết quả thực hiện dự án, đến nay nhà đầu tư đã triển khai thực hiện dự án và đưa mục tiêu luyện, đúc phôi thép vào hoạt động từ tháng 6/2006. Chưa thực hiện mục tiêu sản xuất cơ khí và nhúng mạ kẽm; chưa thực hiện cán thép theo nội dung dự án đầu tư được chấp thuận; vốn đầu tư thực hiện đạt khoảng 53/233 tỷ đồng; tiến độ thực hiện dự án chậm khoảng 60 tháng so với dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Tại phần III. 2. 2.1 điểm a có nêu rõ hạn chế, sai phạm của Công ty V và yêu cầu chủ đầu tư khắc phục tồn tại, thiếu sót đã nêu tại mục III theo quy định của pháp luật.

[2.1.3]. Công ty V đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư, đất đai và chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Biên bản làm việc ngày 08/4/2015 giữa Ban quản lý và Công ty V đã thống nhất nội dung: Công ty V chậm tiến độ đầu tư khoảng 85 tháng, sử dụng đất không hiệu quả, vi phạm các quy định của pháp Luật đầu tư. Công ty V không báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh về Ban quản lý từ tháng 5/2014 và hiện nay Công ty V đã ngừng hoạt động sản xuất; Công ty V chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước về tiền thuê lại đất có hạ tầng, tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải với số tiền khoảng 1,57 tỷ đồng; Công ty V chưa có phương án cụ thể về đầu tư, sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Ngày 22/4/2015, Ban quản lý có Công văn số 271/KCN-DN về việc nhắc nhở thực hiện dự án đầu tư của Công ty V.

[2.1.4]. Tại Biên bản ghi nhớ ngày 19/5/2015 giữa Công ty V với Công ty cổ phần may xuất khẩu G thể hiện: “... *Doanh nghiệp đã ngừng sản xuất từ đầu năm 2014. Hiện tại Công ty TNHH Liên doanh V không có kế hoạch khôi phục lại sản xuất thép cũng như không có kế hoạch sản xuất ngành nghề gì khác tại địa điểm đất được thuê tại lô CI2, CI 3, CI4 Khu công nghiệp Đ, tỉnh B...*”. Như vậy, đã quá thời hạn hoàn thành nhiều năm, Công ty V không có khả năng thực hiện tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư, vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư; không thực hiện theo Kết luận thanh tra và không khắc phục để

đưa dự án vào hoạt động. Do đó, Quyết định số 43/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 chấm dứt hoạt động dự án đầu tư là có căn cứ theo quy định tại Điều 48 Luật đầu tư năm 2014. Dự án đầu tư chấm dứt thì giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phải được thu hồi nên Quyết định số 44/QĐ-KCN ngày 03/8/2015 thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Công ty V là đúng theo quy định tại Điều 41 Luật đầu tư năm 2014. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V hủy Quyết định số 43/QĐ-KCN; Quyết định số 44/QĐ-KCN và trả lại địa vị pháp lý cho Công ty V là có căn cứ.

[2.2]. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 đã cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn F Việt Nam:

[2.2.1]. Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư: Căn cứ Điều lệ Công ty F tại thời điểm đăng ký cấp GCN đầu tư, Điều 3, Điều 23, Điều 36 Luật đầu tư xác định dự án đăng ký đầu tư của Công ty F thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Ban quản lý các KCN tỉnh B có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty F theo quy định tại Điều 38 Luật đầu tư; Điều 28 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; Điều 4 Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh B.

[2.2.2]. Về trình tự, thủ tục, căn cứ, cấp GCN đầu tư: Công ty F tại thời điểm cấp GCN đăng ký đầu tư là doanh nghiệp (tổ chức kinh tế) có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó thành viên góp vốn là Công ty CP C chiếm giá trị phần vốn góp là 96%. Công ty F được cấp đăng ký lần đầu ngày 07/3/2012, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 15/12/2015. Công ty F thuộc trường hợp UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 32 Luật đầu tư năm 2014.

[2.2.3]. Sau khi ban hành các quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, ngày 06/8/2015 Ban quản lý đã có Văn bản số 527/KCN-ĐT yêu cầu Công ty V thanh lý tài sản trên đất và hợp đồng thuê đất. Ngày 21/12/2015, Công ty F có văn bản đề nghị được khảo sát địa điểm đầu tư nhà máy kết cấu thép F tại lô đất C12, C13, C14 KCN Đ; ngày 24/02/2016, Ban quản lý có văn bản đồng ý để Công ty F khảo sát địa điểm đầu tư tại KCN Đ. Ngày 24/02/2016, Ban quản lý; Công ty hạ tầng và đại diện Công ty V đã thống nhất: Sau khi thanh lý xong giá trị tài sản còn lại đã đầu tư trên đất, Công ty V sẽ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ngày 28/3/2016, Công ty hạ tầng đã có Văn bản số 56/CTPTH-TKT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty V tại Lô C12, C13, C14 KCN Đ.

[2.2.4]. Sau khi xem xét, thẩm tra hồ sơ dự án đầu tư Nhà máy kết cấu thép F Việt Nam; Ban quản lý KCN đã lấy ý kiến thẩm định của cơ quan Nhà nước có liên quan về các nội dung được quy định tại khoản 6 Điều 33 Luật đầu tư và có Tờ trình số 12/TTr-KCN ngày 19/4/2016 về việc xin chủ trương đầu tư dự án Nhà máy kết cấu thép FUJI Việt Nam của Nhà đầu tư F Việt Nam trình Thường trực tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 22/4/2016, Thường trực tỉnh ủy B có Văn bản số 226/CV/TU cho ý kiến nhất trí chủ trương đầu tư dự án. Như vậy, trên cơ sở quyết định chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty V; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của Thường trực tỉnh ủy B, Ban quản lý KCN cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 cho Công ty F là có căn cứ theo quy định tại Điều 34, Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Luật đầu tư.

[2.2.5]. Công ty V kháng cáo cho rằng đất chưa thu hồi nhưng cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F thì thấy: Tại điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật đầu tư quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh thì hồ sơ dự án cần có: *“Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư”*; không quy định bắt buộc nhà đầu tư phải có hợp đồng thuê đất. Việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F trên lô đất đã cho Công ty V thuê không có nghĩa khẳng định quyền sử dụng lô đất cho Công ty F, mà trách nhiệm của Công ty F và Ban quản lý KCN là xử lý tài sản trên đất rồi mới ký hợp đồng thuê đất (Công văn số 21 của Công ty hạ tầng). Các vấn đề liên quan đến bồi thường (bao gồm cả tài sản trên đất), Công ty V đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị giải quyết trong cùng vụ án này, nếu chứng minh được thiệt hại thì Công ty V có quyền khởi kiện vụ án khác. Do vậy, việc Ban quản lý KCN cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty F không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty V (nếu có); các thủ tục thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty V đang được Công ty hạ tầng tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty V đề nghị hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835384345 đã cấp cho Công ty F.

[2.2.6]. Theo qui định tại Điều 190 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Công ty V kháng cáo cho rằng đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B vi phạm nghiêm trọng điều 160 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 là không có cơ sở.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện - Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh V; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Về án phí: Công ty trách nhiệm liên doanh V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số AA/2010/000435 ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình

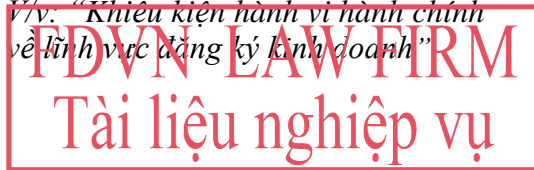
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HC-PT

Ngày 27 - 02 - 2019

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực đăng ký kinh doanh*”



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long

Bà Lê Thúy Cầu

- **Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 44/2018/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2018; về: “*Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực đăng ký kinh doanh*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2018/HC-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 441/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện: Công ty Cổ phần Đ.**

- **Người đại diện: Ông Trần Quốc B**, sinh năm 1974, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt.

Địa chỉ: Khối phố H, phường Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

2. **Người bị kiện: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam.**

Địa chỉ: Số 02, đường T1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Mỹ N**, chức vụ: Trưởng phòng. Vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Xuân Thảo N1**, chức vụ: Phó Trưởng phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2018 và lời trình bày của người đại diện của người khởi kiện tại phiên tòa như sau:

Công ty Cổ phần Đ nộp hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam ngày 01/10/2015 và được cấp Phiếu giao nhận số 2034/SKHĐT-HSĐKKD hẹn trả hồ sơ vào ngày 02/10/2015, hồ sơ gồm: Sổ đăng ký Cổ đông, Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông (Kèm chứng từ Bưu điện), Danh sách Cổ đông được quyền dự họp, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi người đại diện pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT thực hiện việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, giấy đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy đăng ký kinh doanh. Ngày 02/10/2015, Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành Thông báo 1255/TB-ĐKKD về việc bổ sung hồ sơ đăng ký kinh doanh. Căn cứ theo thông báo trên Công ty cổ phần Đ đã đến bổ sung hồ sơ nhưng không được nhận hồ sơ mà phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu Công ty đưa hai cổ đông gồm bà Võ Thị N2 và ông Trần Viết T2 vào sổ đăng ký cổ đông và đưa vào danh sách có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông và tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của hai người này. Không đồng ý với cách làm việc của Phòng Đăng ký kinh doanh nên Công ty đã làm đơn khiếu nại nhưng vẫn không được giải quyết. Tháng 7/2017 Công ty tiếp tục nộp hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh. Ngày 13/4/2018, Phòng Đăng ký kinh doanh ban hành Công văn 43/CV-ĐKKD với nội dung hoãn việc giải quyết hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty. Do đó, Công ty cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam buộc Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam thay đổi người đại diện theo pháp luật cho công ty.

Tại Công văn số 85/CV-ĐKKD ngày 12/7/2017 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa như sau:

Ngày 01/10/2015, Công ty cổ phần Đ nộp hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty (Phiếu giao nhận hồ sơ số 2034/SKHĐT-HSĐKKD). Tuy nhiên, trước đó ngày 14/4/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam nhận được Văn bản số 87/CV-TA ngày 10/4/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T đề nghị không thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần Đ để chờ kết quả giải quyết cuối cùng của Tòa án. Căn cứ văn bản trên, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam tạm dừng giải quyết hồ sơ đăng ký thay đổi người đại

diện theo pháp luật của công ty.

Ngày 29/7/2017, Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty qua đường bưu điện, gồm: Thông báo số 02/2017 ngày 24/12/2017 của Công ty cổ phần Đ, Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Th, Quyết định số 01/2017QĐ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2017 và các biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông. Danh sách các cổ đông của công ty lần 01 ngày 30/9/2017 gồm: Công ty Cổ phần tập đoàn kinh tế - Giáo dục M do ông Trần Quốc B làm đại diện chiếm tỷ lệ vốn điều lệ 78 % (Ngày góp vốn 25/6/2014); ông Trần Thanh B1 chiếm tỷ lệ 11% (Ngày góp vốn 01/3/2013); bà Nguyễn Thị Tuyết N3 11% (Ngày góp vốn 01/3/2013). Danh sách các cổ đông của công ty lần 02 ngày 21/10/2017 gồm: Công ty Cổ phần tập đoàn kinh tế - Giáo dục M do ông Trần Quốc B làm đại diện chiếm tỷ lệ vốn điều lệ 78 % (Ngày góp vốn 01/3/2013); ông Trần Thanh B1 chiếm tỷ lệ 11% (Ngày góp vốn 01/3/2013); bà Nguyễn Thị Tuyết N3 11% (Ngày góp vốn 01/3/2013).

Trong quá trình kiểm tra, giải quyết hồ sơ, Phòng đăng ký kinh doanh phát hiện danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Đ có nội dung không chính xác. Cụ thể: Theo Thông báo 129/TB-CTHA ngày 01/12/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam về việc thi hành Bản án 17/2015/KTPT ngày 24/8/2015 và Bản án 18/2015/KTPT ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì bà Nguyễn Thị N2 được sở hữu 178.500 cổ phần và ông Trần Viết T2 được sở hữu 120.600 cổ phần tại Công ty cổ phần Đ. Tuy nhiên, trong danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Đ lại thể hiện bà N2 và ông T2 không có vốn.

Để có cơ sở giải quyết hồ sơ cho doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh đã mời các cổ đông của công ty làm việc vào ngày 30/01/2018. Tại buổi làm việc, các cổ đông của công ty đã không thống nhất với nhau về nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty. Do đó, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an để xác minh tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, do lo ngại việc này sẽ dẫn đến tình trạng hình sự hóa các quan hệ kinh tế (thực hiện chỉ đạo của Chính phủ không hình sự hóa các quan hệ kinh tế) nên Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam không chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an.

Ngày 04/4/2018, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam có Công văn 39/CV-ĐKKD gửi Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam để xác minh nội dung liên quan đến hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty. Ngày 11/4/2018, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam có công văn trả lời số 343/CTHA-KTr có nội dung: Theo biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 27/11/2015 và ngày 30/11/2015 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Nam thể hiện ông Trần Viết T2 được sở hữu 120.600 cổ phần, bà Võ

Thị N2 được sở hữu 178.500 cổ phần tại Công ty cổ phần Đ, địa chỉ: Khối phố H, phường Đ2, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ nội dung Công văn trên, Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thấy nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Đ (phần vốn góp của các cổ đông công ty) không chính xác nên Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam tạm hoãn việc giải quyết hồ sơ cho doanh nghiệp.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2018/HC-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng Điều 13 Luật doanh nghiệp; Điều 28, Điều 43, Điều 56, Điều 58 Nghị định 78/2016/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật cho Công ty cổ phần Đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho đương sự.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo Phiếu giao nhận hồ sơ 2034/SKHĐT-HSĐKKD ngày 01/120/2015 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam và hồ sơ người khởi kiện nộp cho Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam vào năm 2017 thì Công ty cổ phần Đ đã nộp hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật gồm: Thông báo thay đổi người đại diện theo

pháp luật của công ty; quyết định của chủ sở hữu/Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông; bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông; giấy tờ chứng thực cá nhân; bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 43 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ thì Công ty cổ phần Đ nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định đối với thủ tục đăng ký người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần.

[2] Xét đơn kháng cáo của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Công ty cổ phần Đ nộp hồ sơ yêu cầu thay đổi người đại diện theo pháp luật hai lần vào năm 2015 và năm 2017. Kể từ thời điểm nộp hồ sơ cho đến nay đã 04 năm nhưng hồ sơ vẫn chưa được giải quyết trong khi hiện nay Công ty không có người đại diện theo pháp luật. Theo quy định tại Điều 28 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ thì thời hạn giải quyết đối với thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Mặc dù hồ sơ yêu cầu thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ không thuộc trường hợp quy định tại Điều 56 và không bị xử lý theo quy định tại Điều 58 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ nhưng Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam không giải quyết thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty mà thông báo tạm hoãn giải quyết hồ sơ của Công ty là không đúng theo quy định tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ buộc Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam chấp nhận làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật cho Công ty là có căn cứ.

[2.2] Xét những nội dung nêu trong đơn kháng cáo và bản ghi ý kiến về đơn kháng cáo của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thấy rằng:

Đơn khởi kiện của Công ty cổ phần Đ khởi kiện về hành vi hành chính đối với Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam trong việc từ chối làm thủ tục hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty. Xét thấy việc làm thủ tục hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty là thuộc thẩm quyền và là nhiệm vụ của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Do vậy, án sơ thẩm xác định người bị kiện là Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam là có căn cứ.

[2.3] Ngày 01/12/2013 bà Đoàn Thị Sinh là Giám đốc Công ty có đơn xin từ nhiệm gửi Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam (BL.45). Kể từ thời điểm đó bà Sinh không tham gia và không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ một hoạt động nào của Công ty cổ phần Đ. Như vậy, kể từ

ngày 01/12/2013 chiếu theo Điều lệ Công ty thì Công ty không có người đại diện theo pháp luật (BL. 45). Trước tình hình đó, để có người đại diện theo pháp luật quản lý các hoạt động của doanh nghiệp, ngày 01/10/2015 Công ty cổ phần Đ nộp hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Ông Trần Quốc B là người chịu trách nhiệm việc làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp và bị Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Nam từ chối. Do vậy, ông B đại diện Công ty kiện về hành vi hành chính của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch Đầu tư Quảng Nam là phù hợp.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Công ty cổ phần Đ không trung thực trong việc làm thủ tục, đó là không đưa ông Trần Việt T2 và bà Võ Thị N2 vào danh sách cổ đông của Công ty nên đây cũng chính là lý do Phòng không chấp nhận làm thủ tục theo yêu cầu của Công ty.

Xét thấy: Theo quy định tại khoản 7 Điều 126 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 quy định: “Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của Công ty từ thời điểm các thông tin của họ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông”. Như vậy giữa bà N2, ông T2 với Công ty cổ phần Đ có tranh chấp và hiện nay đang được giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (theo ý kiến của Công ty cổ phần Đ), nếu bà N2 ông T2 có được nhận lại cổ phần sau khi họ được thi hành án thì họ chỉ trở thành cổ đông của Công ty cổ phần Đ khi họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty cổ phần Đ cũng thừa nhận vì chưa có Giám đốc nên cổ phần của ông T2 và bà N2 nếu có cũng chưa thể được công nhận ghi trong sổ đăng ký cổ đông. Ông B cũng cam đoan và thừa nhận nếu ông T2, bà N2 là cổ đông hợp pháp thì sau khi có Giám đốc mới, cổ phần của ông T2 bà N2 sẽ được xem xét theo quy định của pháp luật. Do đó, quyền lợi của ông T2 và bà N2 vẫn được đảm bảo và không bị ảnh hưởng.

Xét thấy: Công ty cổ phần Đ không có người đại diện theo pháp luật trong thời gian dài (04 năm), điều này gây khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Doanh nghiệp trong việc tham gia các giao dịch và thực hiện các quyền nghĩa vụ của mình. Do vậy kháng cáo của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam là không có căn cứ chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

Án phí: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2018/HC-ST, ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Điều 13 Luật doanh nghiệp; Điều 28, Điều 43, Điều 56, Điều 58 Nghị định 78/2016/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật cho Công ty cổ phần Đ.

Án phí: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Nam phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000187 ngày 08/11/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, nay chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

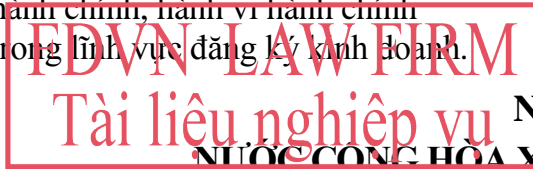
Bản án số: 24/2019/HC-PT

Ngày: 01-3-2019

V/v khiếu kiện quyết định

hành chính, hành vi hành chính

trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh.



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Cường.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Tôn.

Ông Võ Ngọc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Xuân Thanh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 124/2017/TLPT-HC ngày 29-12-2017 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2017/HC-ST ngày 15-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1242/2019/QĐ-PT ngày 12-02-2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty X.

Địa chỉ: số Hong Kong.

Người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức T, Giám đốc Công ty X; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đặng Văn T1; địa chỉ cư trú: Thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số công chứng 02311, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-7-2017 tại Văn phòng Công chứng H), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư **Lê T** - Công ty Luật TNHH L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Người bị kiện: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Huỳnh Thị Mỹ N** - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ trụ sở: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C; địa chỉ Công ty: tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thành Đ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Tại Giấy ủy quyền ngày 07-8-2017, ông Nguyễn Thành Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Đ1; địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Giấy ủy quyền ngày 05-7-2018, ông Nguyễn Thành Đ ủy quyền cho ông Mai Quốc V; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng; ông V có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-8-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 20-6-2017, Phòng Đăng ký kinh doanh (sau đây viết tắt là Phòng ĐKKD), thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (sau đây viết tắt là ĐKDN) thay đổi lần thứ 10 cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C (sau đây viết tắt là Công ty C) với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Đức T, Chức danh Tổng Giám đốc sang ông Nguyễn Thành Đ, Chức danh Tổng Giám đốc. Tiếp đó, ngày 21-6-2017, Phòng ĐKKD đã đăng tải Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty C lên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia do ông Nguyễn Thành Đ ký, với nội dung thay đổi mẫu con dấu, do con dấu cũ bị mất. Tuy nhiên, trên thực tế những nội dung thay đổi nêu trên chưa được Đại hội đồng cổ đông cũng như Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT) Công ty C thông qua, con dấu của Công ty C vẫn do ông Nguyễn Đức T quản lý, sử dụng và lưu giữ tại trụ sở Công ty C theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty C (được toàn thể nhân viên của Công ty C xác nhận tại biên bản họp nhân viên).

Phòng ĐKKD cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C không đúng quy định pháp luật, vì hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần 10 của Công ty C là không hợp lệ, cụ thể:

- Hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty C không có Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần 10 mà Công ty nộp cho Phòng ĐKKD chỉ cung cấp Biên bản họp và Quyết định của HĐQT về việc bãi nhiệm Tổng Giám đốc cũ và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới. Như vậy, Phòng ĐKKD đã vi phạm điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ. Theo quy định, hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật phải gửi kèm Quyết định và bản sao hợp lệ Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ Công ty.

- Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp, điều kiện tổ chức và thành phần tham gia

dự cuộc họp của HĐQT vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

+ Thông báo mời họp của Chủ tịch HĐQT Công ty C chỉ gửi về địa chỉ Công ty mà không gửi về địa chỉ thường trú mà thành viên HĐQT Nguyễn Đức T đã đăng ký với Công ty.

+ Cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 ghi nhận sai thành viên HĐQT dự họp và không đủ điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp cũng như Điều lệ Công ty. Việc ông Nguyễn Đức Đ1 dự họp, biểu quyết và ký tên với tư cách thành viên HĐQT khi chưa được Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu là vi phạm nghiêm trọng các quy định của công ty.

+ Việc triệu tập họp của Chủ tịch HĐQT Công ty không tuân thủ quy định về thời hạn triệu tập, phương thức gửi Thông báo triệu tập họp đến các thành viên HĐQT. Theo quy định tại khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì việc triệu tập họp của ông Nguyễn Thành Đ - Chủ tịch HĐQT Công ty đã vi phạm quy định về thời hạn triệu tập các cuộc họp; do đó, cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 là cuộc họp bất thường được triệu tập và tổ chức lần đầu. Căn cứ khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 12.6 Điều lệ Công ty thì cuộc họp ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C là không hợp lệ.

+ Hồ sơ ông Nguyễn Thành Đ nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh không có bất kỳ tài liệu nào được đóng dấu của Công ty. Ông Nguyễn Thành Đ khai con dấu của Công ty bị chiếm đoạt và bị mất, nhưng thực tế con dấu của Công ty đang được lưu giữ và sử dụng tại Công ty C.

- Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trái với quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Cuộc họp HĐQT được tổ chức vào ngày 09-5-2017 nhưng đến ngày 19-6-2017, Công ty mới nộp hồ sơ thay đổi đến Phòng ĐKKD. Theo quy định, thì Doanh nghiệp phải bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 50/2016/NĐ-CP của Chính phủ, nhưng Phòng ĐKKD vẫn chấp nhận hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10 cho Công ty C.

Như vậy, hành vi căn cứ vào hồ sơ có các vi phạm như đã nêu trên để cấp Giấy chứng nhận ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C ngày 20-6-2017 của Phòng đăng ký Kinh doanh, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của cổ đông Công ty C. Do đó, Công ty X, với tư cách là một cổ đông của Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C và khôi phục lại Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017.

Người bị kiện (Bà Huỳnh Thị Mỹ N là người đại diện theo pháp luật) trình bày:

- Về hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp:

Ngày 20-6-2017, Phòng ĐKKD đã cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C, có nội dung: thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty C từ ông Nguyễn Đức T, Chức danh Tổng Giám đốc sang ông Nguyễn Thành Đ, Chức danh Tổng Giám đốc. Hồ sơ đăng ký thay đổi gồm:

+ Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 03/NQ-HĐQT-G ngày

19-6-2017 của Công ty C.

+ Quyết định số 03/NQ-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C.

+ Biên bản họp HĐQT (lần 3) số 03/BB-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C.

+ Bản sao hộ chiếu số GK 889507 của ông Nguyễn Thành Đ.

Hồ sơ đăng ký thay đổi nêu trên đúng quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp và mục 13.2 (trang 19) Điều lệ Công ty C (năm 2009).

- Về việc đăng ký thông tin Cổ đông của Công ty C:

Tra cứu hồ sơ đăng ký lần đầu ngày 30-11-2006 đến hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C, không có thông tin về cổ đông Công ty X (U) đăng ký tại Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp năm 2005, thì Công ty C đã không thực hiện việc đăng ký cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên (đối với trường hợp của cổ đông Công ty W) với Phòng ĐKKD.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật Doanh nghiệp năm 2014, thì việc thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty Cổ phần chưa niêm yết thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Đến nay, Công ty C chưa thực hiện việc đăng ký thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài với Phòng ĐKKD theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Như vậy, Công ty W không đủ điều kiện khởi kiện Phòng ĐKKD theo quy định của Luật Doanh nghiệp, vì không thực hiện đăng ký cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên và thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài với Phòng ĐKKD; đơn khởi kiện vụ án hành chính không nêu đúng chủ thể bị kiện; đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an để giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T hoặc mời ông T đến Tòa án để xác nhận vì nghi ngờ Giấy ủy quyền ngày 03-7-2017 của ông Nguyễn Đức T ủy quyền cho ông Đặng Văn T1 là không phải do ông T ký và Giấy ủy quyền thực hiện không đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Đức Đ1 là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Tại Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty C ngày 29-6-2013, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thiệu N và ông Nguyễn Anh T2 đã đồng ý từ nhiệm ra khỏi HĐQT, còn ông (Nguyễn Đức Đ1) không từ nhiệm và tại Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 01-7-2013, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thiệu N và ông Nguyễn Anh T2 đã được miễn nhiệm thành viên HĐQT. Các cổ đông còn lại vẫn tiến hành bầu thành viên HĐQT, trong đó có ông. Như vậy, sau cuộc họp ngày 01-7-2013, ông vẫn dự họp HĐQT của Công ty C, nên ông vẫn là thành viên HĐQT từ ngày 01-7-2013 đến nay. Ông Nguyễn Đức T lợi dụng ông vắng mặt tại Đại hội đồng Cổ đông, nên không ghi tên ông trong danh sách đã bầu thành viên HĐQT.

Sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty C bầu giữ Chức vụ Tổng Giám đốc, ông Nguyễn Thành Đ đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận ĐKDN và ngày

20-6-2017, được Phòng ĐKKD, thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C, theo đó ông Nguyễn Thành Đ - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Sau đó, Công ty thay đổi con dấu mới, với lý do ông Nguyễn Đức T (Tổng Giám đốc cũ) đã giao con dấu cũ cho bà Lê Thị Tuyết M giữ. Công ty đã yêu cầu bà M giao con dấu để đóng vào các văn bản thuộc quyền của HDQT, nhưng bà M không giao.

Căn cứ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 96/NĐ-CP ngày 19-10-2015 và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01-7-2016 của Chính phủ, ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu bà Lê Thị Tuyết M giao con dấu cũ để nộp lại cho Cơ quan Công an, nhưng bà M không giao con dấu cũ để nộp lại. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét con dấu cũ cũng là con dấu thật, nhưng hiện nay không còn giá trị sử dụng vì mã số doanh nghiệp và số của mã số thuế của con dấu này khác nhau. Hiện nay Công ty đã có con dấu mới, do đó nếu ông Nguyễn Đức T mạo danh Tổng Giám đốc và vẫn sử dụng con dấu cũ này là vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, ông đề nghị giám định sức khỏe của ông Nguyễn Đức T, vì ông T bị xuất huyết não, bị mất năng lực hành vi dân sự, nên không thể thực hiện việc ủy quyền cho ông Đặng Văn T1; đề nghị giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T tại Biên bản họp ngày 01-7-2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty C, “Đơn khởi kiện” ngày 01-7-2017, “Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện” ngày 10-7-2017 và “Giấy ủy quyền” ngày 03-7-2017, vì các chữ ký tại các tài liệu này không phải của ông Nguyễn Đức T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

- Về việc giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T:

Tại khoản 3 Điều 5 Luật Công chứng năm 2014 quy định: “*Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu*”. Văn bản ủy quyền ngày 03-7-2017 của ông Nguyễn Đức T được lập và công chứng tại Văn phòng Công chứng H, nên có giá trị pháp lý và không cần chứng minh.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05-12-2011 của Chính phủ thì: “*Hợp pháp hóa lãnh sự là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại Việt Nam*”. Công ty W đã cung cấp cho Tòa án các hồ sơ pháp lý đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định của pháp luật; ngoài ra, ngày 05-10-2017, ông Nguyễn Đức T đã xác nhận việc ủy quyền và được hợp pháp hóa lãnh sự, chứng thực chữ ký.

Vì vậy, việc giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T là không cần thiết.

- Về tư cách Cổ đông của Công ty X (U):

Công ty X (U) nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư M và của ông Nguyễn Anh T2 vào năm 2013. Tại thời điểm Công ty W nhận chuyển nhượng cổ phần thì Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành đang có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì: “*Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh,*

các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ”. Do đó, sau ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, thì Cổ đông Công ty Cổ phần đầu tư M chuyển nhượng cổ phần cho Công ty W là đúng quy định pháp luật.

Tại khoản 5 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *“Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông”. Như vậy, thời điểm bên nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty chính là thời điểm quyền sở hữu cổ phần chính thức thuộc về bên nhận chuyển nhượng, đồng thời bên nhận chuyển nhượng chính thức là cổ đông của Công ty. Trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty C đã ghi nhận cổ đông là Công ty W chiếm 49% cổ phần của Công ty C.*

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế kèm theo Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18-6-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn mua cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài trong các Doanh nghiệp Việt Nam và theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 131/TT-BTC hướng dẫn Quy chế góp vốn mua cổ phần quy định các hình thức mua cổ phần, thì Công ty W đã đáp ứng đủ các điều kiện để mua cổ phần và trở thành cổ đông của Công ty C như: mua loại cổ phần đã được tự do chuyển nhượng, đã giao dịch chuyển nhượng cổ phần thông qua tài khoản vốn đầu tư mở tại Ngân hàng D - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương chứng minh tư cách pháp lý do Cơ quan có thẩm quyền nước sở tại cấp và được Đại Hội đồng cổ đông chấp nhận. Do đó, Công ty W có đầy đủ tư cách khởi kiện và tư cách cổ đông của Công ty C để thực hiện việc khởi kiện Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam.

Tại Biên bản họp kèm theo Quyết định số 061/07-2013/CV ngày 01-7-2013 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty C đã thể hiện rõ việc Công ty W nhận chuyển nhượng cổ phần để trở thành cổ đông của Công ty C. Đồng thời, giao cho người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thành Đ thực hiện các thủ tục thông báo tới Phòng ĐKKD. Việc ông Nguyễn Thành Đ không thực hiện việc đăng ký cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên đối với cổ đông Công ty W với Phòng ĐKKD là vi phạm của ông Nguyễn Thành Đ. Mặt khác, tại các Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông Công ty C ngày 17-3-2014 để tiến hành thủ tục thay đổi nội dung Giấy chứng nhận ĐKDN của Công ty năm 2014 nộp tại Phòng ĐKKD đã thể hiện cổ đông là Công ty W sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty. Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Biên bản họp này để cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi. Do đó, Phòng ĐKKD đã biết Công ty W là cổ đông của Công ty C.

- Về việc cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017:

Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 cho Công ty C có những vi phạm như sau: Hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty C không có Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp, điều kiện tổ chức và thành phần tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị vi phạm quy định

của pháp luật và Điều lệ Công ty; thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trái với quy định của pháp luật.

Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, tuyên hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C và buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017 của Công ty C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2017/HCST ngày 15-11-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 84, Điều 87 của Luật doanh nghiệp năm 2005; Điều 153, Điều 154 của Luật doanh nghiệp năm 2014.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 43, Điều 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 về đăng ký doanh nghiệp.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Công ty X, tuyên xử:

+ Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C và buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31-3-2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C.

+ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 14-7-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tiếp tục có hiệu lực cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật và có Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16-11-2017, ông Nguyễn Đức Đ1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án.

- Ngày 27-11-2017, Người bị kiện là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa, người bị kiện đồng thời là người kháng cáo vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, vì: người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty X không đủ sức khỏe để điều hành Công ty, do đó HĐQT quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật là đúng; người khởi kiện không đủ tư cách khởi kiện; ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để Công ty C tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C và buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận ĐKDN

thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017 của Công ty C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm d khoản 1 Điều 229; khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với kháng cáo của người bị kiện, với lý do đây là phiên tòa lần thứ ba; mặc dù, người kháng cáo có đơn xin hoãn phiên tòa, nhưng lý do xin hoãn không hợp lệ; đồng thời, đề nghị bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty C bầu giữ Chức vụ Tổng Giám đốc, ông Nguyễn Thành Đ đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và ngày 20-6-2017, Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Đức T, Chức danh Tổng Giám đốc sang ông Nguyễn Thành Đ, Chức danh Tổng Giám đốc.

Cho rằng Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của cổ đông Công ty C. Do đó, Công ty X, với tư cách là một cổ đông của Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty C và buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017 và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Do không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, người bị kiện (Phòng ĐKKD) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện (Phòng ĐKKD, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam):

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện kháng cáo và đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng có đơn xin hoãn phiên tòa. Đối với lần triệu tập thứ ba, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do “Bận công tác đột xuất”. Xét thấy, lý do của việc xin hoãn phiên tòa lần thứ ba là không hợp lệ; do đó, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của người bị kiện.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3.1]. Về tố tụng:

- Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 20-6-2017, Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam đã thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận ĐKDN, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C. Ngày 05-7-2017, Công ty X (U) khởi kiện, yêu cầu xem xét hành vi cấp Giấy chứng nhận ĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 cho Công ty C của Phòng ĐKKD, đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận

ĐKDN lần thứ 10 nêu trên; buộc khôi phục lại Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần 9 ngày 31-3-2017 là còn trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, khoản 3 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về tư cách tham gia tố tụng:

+ Đối với người khởi kiện (ông Nguyễn Đức T):

Tại Bản dịch Văn bản công chứng đã được hợp pháp hóa lãnh sự (bút lục số 272) thể hiện: Công ty X (U) có đăng ký doanh nghiệp tại Hồng Kông và Giấy đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực đến ngày 28-11-2017, ông Nguyễn Đức T là Giám đốc Công ty và là cổ đông duy nhất của Công ty. Do đó, ông Nguyễn Đức T đại diện cho Công ty W thực hiện quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty là đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với người bị kiện (Phòng ĐKKD):

Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh được quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp và người đứng đầu đơn vị này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi cấp giấy chứng nhận theo thẩm quyền của mình. Bà Huỳnh Thị Mỹ N là Trưởng phòng, đồng thời là người ký Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Huỳnh Thị Mỹ N là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là đúng quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về tư cách cổ đông của Công ty X (U):

Công ty W nhận chuyển nhượng 3.200.000 cổ phần (40% cổ phần) của Công ty cổ phần M theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 14-6-2013 và nhận chuyển nhượng 720.000 cổ phần (9% cổ phần) từ ông Nguyễn Anh T2 theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 14-6-2013.

Theo Sổ đăng ký cổ đông số 062/07-2013/CV ngày 01-7-2013 của Công ty C do ông Nguyễn Thành Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký, đóng dấu, có chữ ký của các cổ đông, thì Công ty C đã ghi nhận cổ đông là Công ty W chiếm 49% cổ phần của Công ty C (bút lục số 31).

Công ty W nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần M và ông Nguyễn Anh T2 vào năm 2013 và tại thời điểm này Luật Doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành đang có hiệu lực pháp luật.

Tại khoản 4 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *“Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ”*. Như vậy, sau ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thì cổ đông Công ty Cổ phần M chuyển nhượng cổ phần cho Công ty W là đúng quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì: *“Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty”* và tại khoản 5 Điều 87 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: *“Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ*

chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông”.

Như vậy, Công ty W nhận chuyển nhượng 49 % cổ phần từ Công ty Cổ phần M và từ ông Nguyễn Anh T2 là tuân thủ đúng, đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp về mua bán cổ phần. Tuy nhiên, sau khi Công ty W nhận chuyển nhượng cổ phần, Công ty C chưa thực hiện thông báo về thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty cổ phần chưa niêm yết là vi phạm Điều 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, nhưng hành vi này không làm mất tư cách cổ đông của Công ty W.

- Về việc yêu cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29-9-2017, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T, vì cho rằng ông T bị tai biến, nên mất năng lực hành vi dân sự, do đó nghi ngờ các chữ ký trên “Đơn khởi kiện” ngày 01-7-2017, “Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện” ngày 10-7-2017 và “Giấy ủy quyền” ngày 03-7-2017 không phải là chữ ký của ông T. Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của đương sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ là thực hiện đúng quy định tại Điều 187 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Sau khi xác minh, thu thập chứng cứ, thì tại “Đơn trình bày” ngày 05-10-2017, ông Nguyễn Đức T khẳng định ông có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và xác nhận đã thực hiện việc ủy quyền cho ông Đặng Văn T1 vào ngày 03-7-2017, dưới sự chứng kiến của Công chứng viên của Văn phòng Công chứng H; đồng thời, văn bản này đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và tại Biên bản xác minh ngày 13-10-2017, Công chứng viên (Nguyễn Văn H) thuộc Văn phòng Công chứng H khẳng định ông Nguyễn Đức T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông T có mặt tại Văn phòng Công chứng H khi thực hiện việc công chứng giấy ủy quyền cho ông Đặng Văn T1. Xét thấy, việc giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T là không cần thiết; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định trưng cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Đức T là có cơ sở.

- Về việc đề nghị giám định sức khỏe của ông Nguyễn Đức T:

Ông Nguyễn Đức Đ1 cho rằng ông Nguyễn Đức T hiện nay đang bị bệnh về xuất huyết não, nên không có năng lực hành vi dân sự (ông Đoàn cung cấp hồ sơ bệnh án của ông Nguyễn Đức T). Tòa án cấp sơ thẩm xác định, tại “Đơn trình bày” đề ngày 05-10-2017, ông Nguyễn Đức T đã xác nhận ông có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và xác nhận đã thực hiện việc ủy quyền cho ông Đặng Văn T1 (văn bản này đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định pháp luật); ngoài ra, hồ sơ bệnh án do ông Nguyễn Đức Đ1 cung cấp thể hiện ông Nguyễn Đức T đã ra viện ngày 14-7-2015 (trước khi khởi kiện 02 năm). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị của ông Nguyễn Đức Đ1 là có căn cứ.

- Về việc giám định các Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông ngày 01-7-2013:

Ông Nguyễn Đức Đ1 cho rằng tại hồ sơ lưu của Công ty C hiện nay có 02 Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông cùng ngày 01-7-2013, nên nghi ngờ có sự giả dối,

làm giả tài liệu hồ sơ Công ty. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc đề nghị giám định các Biên bản họp không thuộc phạm vi giải quyết vụ án này, do đó không chấp nhận đề nghị của ông Đoàn là đúng pháp luật.

[3.2]. Về nội dung:

- Xét hồ sơ đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 10 của Công ty C về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật:

Hồ sơ đăng ký thay đổi cấp Giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 10 gồm: Biên bản họp Hội đồng quản trị (lần 3) số 03/BB-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C; Quyết định số 03/NQ-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C; Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 03/NQ-HĐQT-G ngày 19-6-2017 của Công ty C và bản sao Hộ chiếu số GK 889507 của ông Nguyễn Thành Đ.

+ Về Biên bản họp Hội đồng quản trị (lần 3) số 03/BB-HĐQT-G ngày 09-5-2017 của HĐQT Công ty C:

Tại phần I của Biên bản họp ghi về thành phần tham dự có ông Nguyễn Đức Đ1 - Ủy viên Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, tại Quyết định số 1/07-2013/CV ngày 01-7-2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty C đã bầu HĐQT cho nhiệm kỳ năm 2013-2018 chỉ có 3 thành viên là ông Nguyễn Thành Đ - Chủ tịch HĐQT, bà M Mowrey - Ủy viên HĐQT, ông Nguyễn Đức T - Ủy viên HĐQT (bút lục 394); đồng thời, theo quy định tại Điều 12 Điều lệ Công ty thì thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và nếu trong HĐQT có chỗ khuyết, thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bổ nhiệm thành viên thay thế trong nhiệm kỳ của thành viên còn khuyết. Như vậy, việc ông Nguyễn Đức Đ1 tham dự cuộc họp với tư cách ủy viên HĐQT khi chưa được Đại hội đồng cổ đông bầu là không đúng về thành viên HĐQT tham dự cuộc họp của HĐQT.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp được chứng cứ để chứng minh tại thời điểm họp HĐQT ngày 09-5-2017, ông Nguyễn Đức Đ1 đã được bầu là thành viên HĐQT của Công ty C. Do đó, việc ông Đoàn tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị (lần 3) ngày 09-5-2017 của Công ty C với tư cách thành viên HĐQT là không phù hợp, nên việc ông Đoàn thực hiện việc biểu quyết tại cuộc họp HĐQT không có giá trị và Biên bản cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 của Công ty C là không đúng quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

+ Về trình tự, thời hạn triệu tập các cuộc họp HĐQT của Công ty C:

Tại Biên bản họp HĐQT ngày 09-5-2017 của Công ty C lần 3 (bút lục số 407), thể hiện: *“Công ty đã gửi các thành viên HĐQT Thư mời họp HĐQT lần 01 ngày 27-02-2017, nội dung thư mời họp vào ngày 15-3-2017.*

Công ty đã gửi các thành viên HĐQT Thư mời họp HĐQT lần 02 ngày 11-3-2017, nội dung thư mời họp vào ngày 27-3-2017.

Công ty đã gửi các thành viên HĐQT Thư mời họp HĐQT lần 03 ngày 22-4-2017, nội dung thư mời họp vào ngày 09-5-2017”.

Tại khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: *“Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ*

ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp”.

Cuộc họp lần thứ nhất được triệu tập vào ngày 15-3-2017, cuộc họp lần thứ hai triệu tập vào ngày 27-3-2017, cuộc họp lần thứ ba triệu tập vào ngày 09-5-2017. Như vậy, các lần triệu tập họp lần thứ hai, lần thứ ba của Chủ tịch HĐQT Công ty C đều đã quá thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Do đó, việc triệu tập cuộc họp vào ngày 09-5-2017 của Chủ tịch HĐQT Công ty C được xem là triệu tập cuộc họp lần đầu.

Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 12.6 Điều lệ của Công ty quy định cuộc họp lần đầu chỉ tiến hành khi có $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Tại cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 (lần đầu) là cuộc họp lần đầu của Công ty C, do đó phải có $\frac{3}{4}$ thành viên HĐQT tham dự. Ngày 09-5-2017, chỉ có ông Nguyễn Thành Đ và bà M Mowrey dự họp là không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp và thông qua quyết định của HĐQT. Do đó, cuộc họp HĐQT ngày 09-5-2017 của Công ty C không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên.

Như vậy, Phòng ĐKKD thuộc Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Nam đã không xem xét hồ sơ một cách đầy đủ, kỹ lưỡng nên khi nhận hồ sơ đăng ký thay đổi của Công ty C đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 cho Công ty C là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty W là có căn cứ.

[3.3]. Xét Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 14-7-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ vào đơn đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; đồng thời, xét thấy cần thiết phải tạm dừng mọi hoạt động kinh doanh của Công ty C do người đại diện theo pháp luật bị thay đổi. Do đó, ngày 14-7-2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT bằng hình thức: Tạm đình chỉ việc thi hành hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty C (mã số doanh nghiệp 4000450817) - đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 là có cơ sở. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không cần thiết. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-BPKCTT ngày 14-7-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (có quyết định kèm theo bản án).

[3.4]. Về việc Thông báo về thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

Hiện nay, Công ty C chưa thực hiện việc Thông báo về thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty cổ phần chưa niêm yết là vi phạm quy định tại Điều 52 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu Công ty C phải thực hiện ngay việc Thông báo về thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đến Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Quảng Nam là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.
 - Người bị kiện, đồng thời là người kháng cáo được triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba, nhưng vắng mặt (lý do xin hoãn phiên tòa không chính đáng). Vì vậy, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm được sung vào công quỹ Nhà nước.
- Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 225, d khoản 1 Điều 229, khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của người bị kiện

- Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2017/HCST ngày 15-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Áp dụng khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 230 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 84, Điều 87 của Luật doanh nghiệp năm 2005; Điều 153, Điều 154 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Công ty X (U), xử:
+ Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20-6-2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4000450817, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31-3-2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ C tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho Công ty X được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2017/HCST ngày 15-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 349; khoản 1, 8 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000086 ngày 08-12-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, nay được chuyển thành án phí phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

- Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, do bà Huỳnh Thị Mỹ N nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000081 ngày 01-12-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

5. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2019/HC-PT

Ngày: 16-5-2019

V/v khiếu kiện về việc cấp giấy

chứng nhận đăng ký kinh doanh



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Đặng An Thanh

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 09/2018/TLPT-HC ngày 04 tháng 01 năm 2018 về khiếu kiện về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 1322/2017/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 566/2019/QĐPT ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Trần Minh H**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Căn hộ G chung cư G số x Nguyễn Khoái, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Đăng K**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: x Nguyễn Cao, phường T, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 32 L, phường B, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1973 chức vụ: Phó Trưởng Phòng Đăng ký kinh doanh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam.**

Trụ sở: B17 đường Dx, khu tái định cư P, phường, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Bình L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: 261 L, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam: Ông Trương Quốc Phòng, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH MTV Nam Quốc, lầu 2 số 187/7 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Đại diện người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Minh H trình bày:

Ông là cổ đông sáng lập và là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngày 18/11/2015, ông nhận được thông tin cho biết Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam đã thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị với người đại diện theo pháp luật mới là ông Trần Bình L. Việc thay đổi này đã được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở K Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 11) ngày 11/11/2015.

Ngày 19/11/2015, ông gửi Văn bản số 035/CV-QT-VNI yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 11/11/2015.

Ngày 01/12/2015, Phòng Đăng ký kinh doanh mời ông và ông Trần Bình L lên làm việc nhưng ông Trần Bình L vắng mặt, và ông được biết Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam đã tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 31/10/2015 thông qua thủ tục bãi nhiệm ông. Biên bản do ông Hồ Đắc H là thành viên Hội đồng quản trị ký và sử dụng con dấu lạ đóng dấu vào biên bản. Qua xem xét các tài liệu do Phòng Đăng ký kinh doanh cung cấp, ông nhận thấy việc Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 11/11/2015 cho Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam là trái phép vì ông không được triệu tập tham gia các cuộc họp thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty, nhưng trong các tài liệu của công ty lại thể hiện là có sự đồng ý tham gia của ông. Ông là người giữ con dấu của công ty, trong khi mẫu con dấu được sử dụng để đóng dấu vào Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 31/10/2015 và các tài liệu công ty gửi Phòng Đăng ký kinh doanh để làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật lại là con dấu khác. Do đó, ông khẳng định đã có việc sử dụng con dấu giả để làm giả các biên bản họp và làm giả hồ sơ gửi Phòng Đăng ký kinh doanh.

Nay ông khởi kiện yêu cầu:

- Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304867926 (đăng ký thay đổi lần thứ 11) ngày 11/11/2015 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần thứ 12) ngày 27/12/2015 của Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam, khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 cấp ngày 29/5/2013.

- Khôi phục lại mẫu con dấu đã đăng ký trước ngày 18/11/2015 và thu hồi, hủy bỏ con dấu đã được thay đổi sau ngày 18/11/2015.

- Buộc Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) của các cổ đông, khách hàng và đối tác của Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam xuất phát từ việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Người bị kiện Phòng đăng ký kinh doanh - Sở K Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Thanh H làm đại diện trình bày:

Theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và thông tin hiện có tại Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý tại Sở K thì Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304867926 đăng ký lần đầu ngày 13/3/2007 đến nay đã đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 12 lần, trong đó:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11/11/2015: Công ty đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Trần Minh H thành ông Trần Bình L.

- Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/12/2015: Công ty đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số Ax Đường Dx, Khu tái định cư Phạm Hữu Lầu, phường Phú Mỹ, Quận x đến số Bx Đường Dx, Khu tái định cư Phạm Hữu Lầu, phường Phú Mỹ, Quận x.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11/11/2015 của Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính Phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định: “Đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi thông tin về đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”

Tại Điều 4 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính Phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp: “1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chữ ký của những người đại diện theo pháp luật trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý như nhau.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên, cổ đông của công ty với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân khác.”

Tại Khoản 15 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: “Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật”.

Tại Khoản 1 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định việc yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ khác trái với quy định của Luật này là hành vi bị nghiêm cấm.

Qua các cơ sở nêu trên, căn cứ các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2014, Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, đến nay Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh chưa có cơ sở hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11/11/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/12/2015 của Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam theo yêu cầu của ông Trần Minh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam do ông Hồ Đắc H làm đại diện trình bày:

Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam là công ty cổ phần đại chúng niêm yết trên sàn UPCOM. Trước tháng 10/2015, ông Trần Minh H được chọn là Chủ tịch Hội đồng quản trị, đồng thời là người đại diện theo pháp luật trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 29/5/2013. Sau một thời gian ông Trần Minh H điều hành công ty không hiệu quả, 4/5 thành viên Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật đối với ông Trần Minh H và bổ nhiệm ông Trần Bình L giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị làm người đại diện theo pháp luật của công ty. Từ ngày 11/11/2015, ông Trần Bình L chính thức là người đại diện theo pháp luật của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp đổi lần thứ 11. Công ty đã thông báo cho ông Trần Minh H về việc này nhưng ông Trần Minh H không chấp nhận, vẫn cố tình mạo danh Chủ tịch Hội đồng quản trị để phát hành các văn bản nhân danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đối với khởi kiện của ông Trần Minh H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp đổi lần thứ 11 ngày 11/11/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/12/2015 là không có căn cứ. Việc thay đổi người đại diện theo pháp luật đã tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, các thành viên Hội đồng quản trị đã tổ chức cuộc họp đúng quy định, ông Trần Minh H đã được mời nhưng không tham gia cuộc họp. Hồ sơ thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty là hợp lệ, được Phòng Đăng ký kinh doanh thẩm định cấp giấy chứng nhận.

Tại bản án hành chính sơ thẩm: 1322/2017/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 143, Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Khoản 15 Điều 4, Điều 8, Khoản 4 Điều 32, Điều 153, Điều 209, Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 4, Điều 27, Điều 28, Điều 43, Điều 62 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Trần Minh H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304867926 (thay đổi lần thứ 11) ngày 11/11/2015 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 12) ngày 27/12/2015 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở K Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Minh H về việc khôi phục lại mẫu con dấu và bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/10/2017 Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án.

Ngày 04/10/2017, Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam có đại diện theo ủy quyền ông Hồ Đắc H - người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ nội dung án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hồ sơ công ty đăng ký xin thay đổi được đóng dấu giả, chưa đăng ký như vậy hồ sơ trên giả mạo, không trung thực. Các giấy tờ khác của hồ sơ không hợp lệ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Tòa án sơ thẩm cho rằng Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam tiến hành họp để thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị không đúng quy định là không đúng. Bởi các buổi họp phía ông Trần Minh H đã tự ý bỏ họp, không tham gia, như vậy ông Trần Minh H tự ý tước bỏ quyền của mình.

- Hồ sơ đăng ký thay đổi lần 11 có việc làm giả hồ sơ là không có cơ sở.

- Tòa sơ thẩm cho rằng Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam sử dụng con dấu giả là có sự nhầm lẫn về con dấu do cơ quan điều tra xác định trên. Cơ quan

điều tra xác định hình dấu giả thực chất là con dấu mới của Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam, không phải là con dấu giả.

Ý kiến đại diện Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh xác định rằng: Hồ sơ đăng ký thay đổi không đóng dấu cũng vẫn hợp lệ. Yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng là yêu cầu Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi đăng ký kinh doanh chứ không yêu cầu hủy giấy đăng ký kinh doanh. Tòa án sơ thẩm đã tuyên hủy là không phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xử lại. Thực tế tại thời điểm này Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 13 và đã có nhiều yếu tố mới, có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mới tham gia.

Người khởi kiện ông Trần Minh Hg có ý kiến: Trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở, không hề có chứng cứ gì mới. Tòa án sơ thẩm nhận định và tuyên xử là hoàn toàn đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay người bị kiện Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh có bà Nguyễn Thị Thanh H đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam do ông Trần Bình L đại diện đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H.

Người khởi kiện ông Trần Minh H đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì án sơ thẩm đã xử đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 10/11/2015 Công ty cổ phần đầu tư B Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ông Trần Minh H thành ông Trần Bình L. Ngày 11/11/2015 Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là đúng thời hạn và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Người khởi kiện ông Trần Minh H cho rằng hồ sơ của Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam nộp cho Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị đăng ký thay đổi người đại diện là hồ sơ giả nên yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 cấp ngày 11/11/2015 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/12/2015 của Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H.

Xét kháng cáo của người bị kiện Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hình thức: Hồ sơ Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam nộp để đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, gồm có: Giấy đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam ngày 31/10/2015; Biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/20/BB-QT-VNI ngày 31/10/2015; Quyết định của Hội đồng quản trị số 15/05/NQ-QT-VNI ngày 31/10/2015; Bản sao chứng minh nhân dân của người đại diện theo pháp luật mới là ông Trần Bình L. Như vậy hồ sơ được nộp đúng quy định và việc Phòng đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 ngày 11/11/2015 là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên về nội dung kê khai trong các văn bản mà Công ty Cổ phần Đầu tư B Việt Nam đã nộp cho Phòng kinh doanh có sự giả mạo, cụ thể: Tại thời điểm họp Hội đồng quản trị Công ty ông Trần Minh H vẫn còn là Chủ tịch hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhưng ông Trần Minh H không được tham gia cuộc họp là vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Doanh nghiệp. Công ty đã sử dụng con dấu đã thay đổi chưa có hiệu lực đóng vào hồ sơ xin thay đổi người đại diện theo pháp luật ngày 31/10/2015. Vi phạm này thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp; Điều 62 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ. Ngoài ra, sau lần thay đổi thứ 11, Công ty Cổ phần Đầu tư B Việt Nam tiếp tục đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/12/2015 về thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty nhưng vẫn giữ nguyên người đại diện theo pháp luật là ông Trần Bình L.

Từ các căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự kháng cáo nhưng không xuất trình được căn cứ nào khác do đó không có cơ sở chấp nhận, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 1322/2017/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 143, Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ vào khoản 15 Điều 4, Điều 8, khoản 4 Điều 32, Điều 153, Điều 209, Điều 211 Luật doanh nghiệp 2014; Điều 4, Điều 27, Điều 28, Điều 43, Điều 62 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Trần Minh H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304867926 (thay đổi lần thứ 11) ngày 11/11/2015 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 12) ngày 27/12/2015 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Minh H về việc khôi phục lại mẫu con dấu và bồi thường thiệt hại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm Phòng đăng ký kinh doanh – Sở K Thành phố Hồ Chí Minh phải nộp 200.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu số 0048102 ngày 16/10/2017 và Công ty cổ phần Đầu tư B Việt Nam phải nộp 200.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0047915 ngày 11/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Tp. HCM(1);
- VKSND Tp. HCM (1);
- Sở Tư pháp Tp. HCM (1);
- Cục THADS Tp. HCM (1);
- Đương sự (4);
- Lưu VP(3), HS(1), PMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Hữu Ba

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **688/2019/HC-PT**

Ngày: 05/8/2019

V/v khiếu kiện quyết định cấp giấy
phép thành lập cơ sở kinh doanh

FDVN LAW FIRM

Tài liệu nghiệp vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Cúc

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc

Bà Mai Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. tham gia phiên tòa:

Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên

Trong các ngày 09 tháng 7 và 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H. xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 04/2019/TLPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2019 về "Khiếu kiện quyết định cấp giấy phép thành lập cơ sở kinh doanh".

Do Bản án số 03/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận 6 bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2735/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Tr., sinh năm 1981

Thường trú: 231 Phạm Văn Ch., Phường 3, quận 6, Thành phố H.

Cư trú: Phòng 10, Tầng 14, Chung cư Nhất Lam 3, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố H.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận 6, Thành phố H.

Trụ sở: 107 Cao Văn Lầu, Phường 1, quận 6, Thành phố H.

- Người đại diện ủy quyền ngày 10/8/2016 của Chủ tịch: Ông Lê Tấn An – Phó Chủ tịch (Vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Đoàn Quang L. – Trưởng Phòng Kinh tế (Có mặt)

Ông Bùi Trọng S. – Trưởng Phòng Tư pháp (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị Nguyệt Th., sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 437B Phạm Văn Ch., Phường 7, quận 6, Thành phố H.

3. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Tr. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện gửi ngày 12/10/2015, Bản tự khai ngày 14/12/2015 và 24/8/2016, người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Văn Tr. là chủ Hộ kinh doanh Thuận Th. tại địa điểm số 437B Phạm Văn Ch., Phường 7, quận 6, Thành phố H.(gọi tắt căn nhà số 437B Phạm Văn Ch.) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41F8007087/HKD lần đầu ngày 07/7/2005, thay đổi lần thứ 4 ngày 28/11/2007 (gọi tắt là Giấy CNĐKKD số 41F8007087/HKD) với ngành nghề kinh doanh là đóng gói gia công: sữa bột, trà hòa tan, cà phê hòa tan, rau câu. Mặc dù chưa làm thủ tục chấm dứt hoạt động, nhưng Phòng Kinh tế quận 6 đã xóa tên hộ kinh doanh và thu hồi Giấy CNĐKKD số 41F8007087/HKD của ông Nguyễn Văn Tr. theo Giấy xác nhận số 47/KT-GXN ngày 24/01/2014 (gọi tắt Giấy XN số 47/KT-GXN) vì chữ viết và chữ ký trong Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh không phải là của ông Nguyễn Văn Tr. .

Ngày 24/01/2014, Phòng Kinh tế quận 6 cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41F8021555 (gọi tắt là Giấy CNĐK hộ KD số 41F8021555) cho bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. với tên hộ kinh doanh, ngành nghề và địa điểm kinh doanh giống như Hộ kinh doanh Thuận Th. là sai. Do đó, ông Nguyễn Văn Tr. yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy CNĐK hộ KD số 41F8021555 cấp cho bà Huỳnh Thị Nguyệt Th.. Đồng thời, phục hồi Giấy CNĐKKD số 41F8007087 do ông Nguyễn Văn Tr. đứng tên.

Công văn số 2041/UBND-KT ngày 11/8/2016, đại diện người bị kiện trình bày:

Khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy phép kinh doanh của bà Huỳnh Thị Nguyệt Th., Phòng Kinh tế quận 6 căn cứ vào Giấy xác nhận số 602/XN-CCT-KK ngày 22/01/2014 của Chi cục Thuế quận 6 xác định: cơ sở Thuận Thông do ông Nguyễn Văn Tr. đứng tên đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp thuế, khóa mã số thuế đến ngày 21/01/2014 nên Phòng Kinh tế quận 6 cấp Giấy CNĐK hộ KD số 41F8021555 cho bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. tại căn nhà số 437B Phạm Văn Ch. theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, đó là một địa điểm có thể hoạt động nhiều cơ sở kinh doanh với điều kiện không được trùng tên với tên riêng của hộ kinh doanh đã đăng ký trong phạm vi huyện. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr. .

Bản tự khai ngày 13/9/2016 và 09/12/2017, đại diện bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. trình bày:

Bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. không biết, không liên quan đến việc giải thể Hộ kinh doanh Thuận Th. của ông Nguyễn Văn Tr. . Phòng Kinh tế quận 6 cấp Giấy CNĐK hộ KD số 41F8021555 cho bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. là đúng nên không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận như ông Nguyễn Văn Tr. đã nêu trong đơn khởi kiện. Đồng thời, xin xử vắng mặt do bận công tác.

Qua đối thoại không thành ngày 01/8/2017, Tòa án nhân dân quận 6 tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Tr. về hủy Giấy CNĐK hộ KD số 41F8021555 của Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) quận 6 cấp cho bà Huỳnh Thị Nguyệt Th.. Ngoài ra, còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 30/11/2018, ông Nguyễn Văn Tr. kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Văn Tr. đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo về sửa án sơ thẩm, đó là hủy Giấy CNĐK hộ KD số 41F8021555 cấp cho bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. vì trên một địa bàn chỉ được cấp giấy chứng nhận tại địa chỉ và chỉ có tên cơ sở mà thôi nên cấp giấy phép mới cùng ngành nghề cùng tên cơ sở là sai. Do đó, cần phải khôi phục lại Giấy CNĐKKD số 41F8007087 của ông Nguyễn Văn Tr. . Ngoài ra, còn khẳng định là được biết UBND quận 6 đã thu hồi Giấy CNĐKKD số 41F8007087 vào khoảng tháng 9, 10/2014 nên có đơn đề nghị UBND quận 6 xử lý việc giả mạo chữ ký và con dấu của bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. mà thôi, chứ không có gửi đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu tuyên hủy việc thu hồi Giấy CNĐKKD số 41F8007087 cấp cho ông Nguyễn Văn Tr. . Không có ý kiến gì về giấy chứng nhận thay đổi lần 2 của Huỳnh Thị Nguyệt Th. như ông Đoàn Quang L. trình bày.

Ông Đoàn Quang L. không có ý kiến gì về yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Tr. . Đồng thời, cung cấp bản sao Giấy CNĐK hộ KD của bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. được thay đổi lần thứ hai, ngày 01/7/2019 với tên Hộ kinh doanh Thuận - Thông tại căn nhà số 437B Phạm Văn Ch..

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm vì thời điểm cấp Giấy CNĐK hộ KD số 41F8021555 cho bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. thì tại địa chỉ 437B Phạm Văn Ch. đã không còn hộ kinh doanh nào đăng ký kinh doanh cùng ngành nghề, cùng địa chỉ, cùng tên gọi như người khởi kiện đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét Đơn của người kháng cáo gửi trong hạn luật định, nên chấp nhận.

[2] Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện người bị kiện và bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. phù hợp khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của người kháng cáo cho rằng người bị kiện cấp Giấy CNĐK hộ KD số 41F8021555 không đúng cho bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. là đại diện Hộ kinh doanh Thuận Th. tại căn nhà số 437B Phạm Văn Ch. với cùng ngành nghề kinh doanh, cùng tên hộ kinh doanh là không phù hợp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ như đại diện Viện kiểm sát đã kết luận là có cơ sở, bởi vì ngày 22/01/2014 Chi cục Thuế quận 6 đã xác nhận là ông Nguyễn Văn Tr. kinh doanh tại địa chỉ 437B Phạm Văn Ch. đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp thuế, khóa mã số thuế đến ngày 21/01/2014. Do đó, Phòng Kinh tế

quận 6 ban hành Giấy XN số 47/KT-GXN thông báo chấm dứt hoạt động và xóa tên hộ kinh doanh của ông Nguyễn Văn Tr. là có căn cứ. Mặt khác, bà Huỳnh Thị Nguyệt Th. còn được kinh doanh thêm ngành nghề là bán sữa bột, trà hòa tan, cà phê hòa tan, rau câu, thực phẩm công nghệ, thực phẩm đóng hộp.

[4] Người kháng cáo khẳng định là được biết sự việc UBND quận 6 đã xóa tên hộ kinh doanh, thu hồi Giấy CNĐKKD số 41F8007087 đã cấp cho mình vào tháng 9, 10/2014 nhưng chỉ có đơn khiếu nại gửi UBND quận 6, mà không có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy việc thu hồi giấy chứng nhận này nên đề nghị cấp phúc thẩm tuyên khôi phục lại Giấy CNĐKKD số 41F8007087 là không có cơ sở như đã phân tích trên đây. Cấp sơ thẩm nhận định việc phục hồi giấy chứng nhận theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn Tr. là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là không phù hợp, cần rút kinh nghiệm.

[5] Do không chấp nhận yêu cầu nên người kháng cáo chịu án phí hành chính phúc thẩm. Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 và Điều 242 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Tr. . Giữ nguyên Bản án án hành chính số 03/2087/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận 6.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr. về hủy Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41F8021555 ngày 24/01/2014 của Phòng Kinh tế - Ủy ban nhân dân quận 6 cấp cho bà Huỳnh Thị Nguyệt Th..

2. Về án phí hành chính:

Ông Nguyễn Văn Tr. chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Được trừ vào các Biên lai thu số 02574 ngày 19/11/2015 và số 010570 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 6, Thành phố H. .

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận 6;
- Chi cục THADS quận 6;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mỹ Cúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159/2019/HC-PT**

Ngày 24-9-2019

V/v: “*Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh*”

TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Lê Phước Thanh**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 Tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 211/2018/TLPT-HC ngày 23/8/2018 về việc “*Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1140/2019/QĐ-PT ngày 03/9/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty T; Địa chỉ: Cộng hòa Séc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông I, CSc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Tiến sĩ, Luật sư: P; Địa chỉ: Cộng hòa Séc, có mặt.

+ Ông Lê Minh H; Địa chỉ: 47 Đường N, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Ông Diệp Kiến Tr - Văn phòng Luật sư D; Địa chỉ: thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài N1 – chức vụ: Phó giám đốc, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lưu Tiến D1 – Luật sư Công ty Luật TNHH Y – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. có mặt.

2.2. Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đăng A – Chức vụ: Trưởng phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình, Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH K; Địa chỉ: Thôn 6, xã L, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện chủ đầu tư:* Ông O; Địa chỉ: Cộng hòa Séc.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Văn H1 - Tổng Giám đốc Công ty K; Địa chỉ: Thôn 6, xã L, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Ngô Đức Th - Luật sư Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3.2. Ông Lê Minh H; Địa chỉ: 47 Đường N, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

4. Người phiên dịch: Bà Trần Nguyễn Phương U. Địa chỉ: quận H2, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện trình bày:

Công ty K là Công ty có 100% vốn đầu tư nước ngoài nhà đầu tư là Công ty T được thành lập năm 1998 tại tỉnh Quảng Bình theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Ông M là Chủ tịch Hội đồng thành viên và ông Lê Minh H là tổng giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty. Tháng 7 năm 2015 Công ty T chủ đầu tư có 100% vốn góp tại Công ty K bị Tòa án thành phố Prague Cộng hòa Séc tuyên bố phá sản cử ông JC làm quản tài viên của Công ty T và giao cho ông JC toàn quyền xử lý 100% số vốn góp của Công ty T tại Công ty K. Tháng 2/2016, ông JC làm đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam công nhận và cho thi hành bản án nói trên. Ngày 11/10/2016 tại Quyết định số 31/2016/QĐPT-KDTM Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã công nhận

và cho thi hành tại Việt Nam Quyết định thụ lý số MSPH 93INS 4348/2015-A-66 ngày 26/6/2015 của Tòa án thành phố Prague Cộng hòa Séc tuyên bố về tình trạng phá sản của Công ty T và đã xác nhận bên được thi hành án là ông JC, bên phải thi hành án là Công ty K.

Ngày 13/3/2017, Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình (viết tắt là Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình) đã căn cứ Quyết định tuyên bố tình trạng phá sản của Công ty T số MSPH 93INS 4348/2015-B-3 ngày 22/7/2015 của Tòa án thành phố Praha Cộng hòa Séc và Quyết định số 31/2016/QĐPT-KDTM ngày 11/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng công nhận và cho thi hành Bản án, Quyết định của nước ngoài để cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên thay đổi lần thứ 5 của Công ty TNHH K với chủ sở hữu mới là ông JC quốc tịch Cộng hòa Séc và người đại diện theo pháp luật mới của Công ty là ông Trần Văn H1. Đồng thời cùng ngày 13/3/2017, Sở KH & ĐT tỉnh Quảng Bình đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 6507384028 thay đổi lần thứ năm với nhà đầu tư (Quản tài viên theo Quyết định số MSPH 93INS 4348/2015-A-66 ngày 26/6/2015 và Quyết định số MSPH 93INS 4348/2015-B- 3 ngày 22/7/2015 của Tòa án thành phố Praha) là ông JC thay thế cho giấy chứng nhận đầu tư số 29122000232 do UBND tỉnh cấp ngày 19/9/2013 (chứng nhận thay đổi lần thứ 4) với đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là ông I và Tổng giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật là ông Lê Minh H.

Công ty T cho rằng Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình và Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình đã tự ý thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty K cũng như Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty T và cấp lại cho một người đứng tên mới với một người đại diện pháp luật mới không thông qua ý kiến của Công ty T là chủ sở hữu - nhà đầu tư là hoàn toàn trái pháp luật, vi phạm quyền chủ sở hữu tài sản. Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình:

Tuyên hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH K lần thứ 5 được Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH & ĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/3/2017.

Tuyên hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 5 của Công ty TNHH K thay đổi lần thứ 5 do Sở KH&ĐT Quảng Bình cấp ngày 13/3/2017.

Buộc Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH & ĐT Quảng Bình và Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình phải bồi thường thiệt hại về các tài khoản giao dịch của Công ty tại Ngân hàng BIDV và Ngân hàng Sacombank bị phong tỏa không cho giao dịch bởi những người đại diện của ông quản tài viên JC sử dụng hai loại giấy chứng nhận được cấp nói trên để yêu cầu ngân hàng đóng các tài khoản đó.

Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hủy bỏ yêu cầu phong tỏa các tài khoản của Công ty TNHH K tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Quảng Bình và

Ngân hàng Sacombank Quảng Bình của người đại diện cho ông JC để công ty TNHH K tiếp tục sản xuất kinh doanh và giao dịch bình thường.

Tại đơn xin điều chỉnh yêu cầu khởi kiện ngày 05/4/2018 và tại phiên đối thoại ngày 24/4/2018, Công ty T đã rút hai yêu cầu, còn lại yêu cầu đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty K thay đổi lần thứ 5 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH & ĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/3/2017; và tuyên hủy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 5 của Công ty K do Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/3/2017 với lý do: Theo Quyết định tuyên bố về tình trạng phá sản của Công ty T số MSPH 93 TNS 4348/2015-B-3 ngày 22/7/2015 của Tòa án thành phố Praha Cộng hòa Séc và Quyết định số 31/2016/QĐPT-KDTM ngày 11/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không có nội dung ông JC là chủ sở hữu, chủ đầu tư nước ngoài của Công ty K và ông JC không có quyền đề nghị thay đổi chủ sở hữu, chủ đầu tư Công ty K. Bản án, Quyết định dân sự nói trên chưa được thi hành thông qua cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Về phía người bị kiện: Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình, Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình tại công văn số 3720/KHĐT-ĐN ngày 08/12/2017, công văn số 86/KHĐT-ĐK ngày 12/12/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Căn cứ Quyết định tuyên bố về tình trạng phá sản của Công ty T số MSPH 93 TNS 4348/2015-B-3 ngày 22/7/2015 của Tòa án thành phố Praha Cộng hòa Séc, đã được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam theo Quyết định số 31/2016/QĐPT-KDTM ngày 11/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chỉ định Quản tài viên là ông JC có toàn quyền xử lý 100% vốn góp của Công ty T tại Công ty K; căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của ông JC và các quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định của pháp luật hiện hành; Căn cứ vào văn bản hướng dẫn số 10167/BKHĐT-ĐTNN ngày 07/12/2016 của Bộ KH & ĐT về việc thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư theo quyết định của Tòa án nước ngoài và văn bản hướng dẫn số 4356/BTP-PLQT ngày 06/12/2016 của Bộ tư pháp về việc hướng dẫn thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư theo quyết định của tòa án nước ngoài thì việc điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty K được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên. Vì vậy, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Công ty K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu người khởi kiện.

Ông Lê Minh H yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, huỷ giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 5 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ năm cấp cho Công ty K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã

được thay đổi ngày 24/4/2018, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm, giữa các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Phía người đại diện cho người khởi kiện, Luật sư Plavec trình bày, theo pháp luật Séc, Quản tài viên không được giao toàn quyền sở hữu đối với tài sản phá sản; Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản không có các quyền sử dụng, chiếm hữu, định đoạt đối với tài sản phá sản, tuy nhiên khi bán tài sản phá sản thì Quản tài viên phải trên danh nghĩa Doanh nghiệp bị phá sản và phải hỏi ý kiến của Doanh nghiệp bị phá sản. Theo ông vấn đề này được quy định tại mục 3.6 Luật phá sản Séc; Quyền xử lý về tài sản phá sản của Quản tài viên chỉ là quyền về quản lý tài sản, không phải quyền sở hữu.

Ông Diệp Kiến Tr trình bày Công ty T có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án bởi lẽ hai quyết định của Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình và của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T. Việc ra hai quyết định hành chính bị khởi kiện nói trên khi chưa thông qua thủ tục thi hành án dân sự là vi phạm về thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự; Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không đúng về thẩm quyền quy định tại Thông tư liên tịch số 25/2015 ngày 11/12/2015 của Bộ KH&ĐT và Bộ NV, Quyết định số 15/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình. Quản tài viên không có quyền về sở hữu tài sản bị phá sản mà chỉ được phép nhân danh Công ty T để xử lý tài sản, thu hồi tiền trả cho chủ nợ. Phía người bị kiện cho rằng khi Bản án không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các đương sự thì không phải thông quan cơ quan thi hành án (Điều 31 Luật thi hành án Dân sự). Quyền về tài sản của Ông Cupka tại Công ty K được xác định rõ trong Bản án của Cộng Hòa Séc. Về thẩm quyền của Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình căn cứ vào văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 168, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính, Điều 209 Luật Doanh nghiệp, khoản 2 Điều 38 Luật đầu tư; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH K do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/3/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 5 của Công ty TNHH K do Sở KH &ĐT Quảng Bình cấp ngày 13/3/2017.

Ngoài ra, Bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/12/2018 Luật sư Diệp Kiến Tr là người

đại diện theo ủy quyền của ông I Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty T, Cộng hòa Séc có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2018/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông I, chủ đầu tư, chủ sở hữu Công ty K là người đại diện theo pháp luật của Công ty T Cộng Hòa Séc. Tuyên hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 5 cùng ngày 13/3/2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình cấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Diệp Kiến Tr tiếp tục làm người đại diện theo ủy quyền của ông I, giữ nguyên kháng cáo.

Ông Diệp Kiến Tr trình bày:

- Về tố tụng theo văn bản Giải thích pháp luật của Viện Nhà nước và Pháp luật Viện hàn lâm khoa học CH Séc, quy định của Luật dân sự và Luật phá sản của Cộng Hòa Séc, sau khi Doanh nghiệp bị Tòa án tuyên bố phá sản thì Doanh nghiệp đó chỉ bị hạn chế về quyền tài sản, vẫn có quyền về tài sản, do vậy Doanh nghiệp đã bị Tòa án tuyên bố phá sản vẫn có quyền khởi kiện vụ án dân sự, hành chính nếu quyền và lợi ích của họ bị ảnh hưởng. Công ty K là Công ty Việt Nam có 100% vốn đầu tư của Công ty T Cộng hòa Séc nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 189 và khoản 2 Điều 190 luật Doanh nghiệp 2014 là có mối quan hệ công ty mẹ và công ty con, độc lập, bình đẳng là chủ thể pháp lý độc lập và Công ty K đang còn hoạt động nhưng Phòng Đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT Quảng Bình và Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 5, ngày 13/3/2017 cho Công ty K gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty nên ông I có quyền khởi kiện.

- Về áp dụng pháp luật: Việc thi hành Bản án, Quyết định của nước ngoài tại Việt Nam là phải thông qua thủ tục thi hành án dân sự tại Việt Nam, được quy định tại Khoản 1 Điều 427 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 và điểm d khoản 1 Điều 2, điểm c khoản 2 Điều 35 Luật Thi hành án dân sự năm 2014, việc áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 31 Luật thi hành án dân sự là không đúng. Đồng thời, ông Trúc cũng cho rằng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật thi hành án dân sự, ông JC phải thi hành án theo Bản án, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật và phải thực hiện quyền yêu cầu thi hành án theo trình tự, thủ tục thi hành án dân sự. Mặc khác, về nội dung quyết định của Tòa án thành phố Prague Cộng Hòa Séc giao cho quản tài viên có quyền xử lý 100% vốn góp của Công ty T tại Công ty K nhưng trong 100% vốn góp của Công ty T gồm có 35.816.659,4 triệu USD thì phần vốn góp bằng thiết bị máy móc đã là 28.163.167 USD vì vậy phải qua cơ quan Thi hành án dân sự để thẩm định giá trị còn lại phần vốn góp của Công ty T tại Công ty K trước khi giao cho quản tài viên xử lý. Đối với ông JC chỉ là người quản lý vốn góp chứ không phải là chủ

sở hữu tài sản và cũng không phải là chủ sở hữu 100% vốn góp của Công ty K.

Ngoài ra, ông Diệp Kiến Tr cũng đã trình bày một số luận cứ liên quan để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là đúng, Bản án sơ thẩm áp dụng không đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Tiên sĩ, Luật sư ông P trình bày quan điểm pháp lý như sau: Quyết định hành chính của Sở KH&ĐT là không đúng cần hủy bỏ. Tài sản của Công ty T bị tước bỏ không đúng pháp luật. Ở Séc thì Công ty T vẫn có quyền khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Phòng đăng ký kinh doanh và Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình, Luật sư Lưu Tiến D1 trình bày:

- Về tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án theo Luật tố tụng hành chính Việt Nam, ông I là người đại diện theo pháp luật của Công ty T tại Cộng hòa Séc là một Doanh nghiệp đã bị Tòa án tuyên bố phá sản, Quyết định tuyên bố phá sản đó đã có hiệu lực pháp luật và đã được Tòa án Việt Nam công nhận cho thi hành nên người đại diện của Doanh nghiệp đó không có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo Luật tố tụng hành chính của Việt Nam.

- Về nội dung: Theo phán quyết của Tòa án, ông JC có toàn quyền về tài sản, theo đề nghị của ông JC, Phòng Đăng ký kinh doanh và Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình có quyền cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty TNHH K, việc cấp và điều chỉnh các Giấy chứng nhận nêu trên là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền do pháp luật quy định. Do vậy, trong trường hợp Hội đồng xét xử cho rằng ông I có quyền khởi kiện, ông Lưu Tiến D1 đề nghị bác kháng cáo của Công ty T giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Công ty K, ông Ngô Đức Th đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty T đã bị tuyên bố phá sản, ông I không thể đại diện cho một doanh nghiệp đã bị tuyên bố phá sản để khởi kiện theo Luật tố tụng hành chính của Nước CHXHCN Việt Nam. Doanh nghiệp đã bị tuyên bố phá sản, quyết định tuyên bố phá sản đó có hiệu lực pháp luật và cho thi hành trên lãnh thổ Việt Nam thì doanh nghiệp đã bị tuyên bố phá sản không có quyền khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án hành chính sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án hành chính sơ thẩm, đình chỉ giải quyết

vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

{1}. Về tố tụng: Công ty T có địa chỉ Cộng hòa Séc là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Cộng hòa Séc, do ông I giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân nói trên. Năm 1998 Công ty T đầu tư vào Việt Nam để xin thành lập Công ty K, Địa chỉ: Thôn 6, xã L, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Công ty K là công ty có 100% vốn nước ngoài được thành lập và hoạt động theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo Quyết định thụ lý số MSPH 93INS 4348/2015-A-66 ngày 26/6/2015 của Tòa án thành phố Prague Cộng hòa Séc tuyên bố về tình trạng mất khả năng thanh toán của Công ty T và Quyết định thụ lý số MSPH 93INS 4348/2015-B-3 ngày 22/7/2015 của Tòa án thành phố Praha Cộng hòa Séc tuyên bố tình trạng phá sản của Công ty T. Các quyết định này của Tòa án thành phố Prague, Cộng hòa Séc đã có hiệu lực pháp luật và hiệu lực thi hành theo luật của Cộng hòa Séc. Trong đó tại các phán quyết I, II, III của Quyết định số thụ lý MSPH 93INS 4348/2015-B-3 cụ thể như sau:

“I. Tuyên bố phá sản đối với tài sản của Doanh nghiệp: Công ty cổ phần T, mã số doanh nghiệp: 261556681, Zernovská 6, 100 00 Praha 10.

II. Thông qua tuyên bố phá sản, quản tài viên của Doanh nghiệp (ông JC): Công ty cổ phần T, mã số doanh nghiệp: 261556681, Zernovská 6, 100 00 Praha 10, có quyền xử lý 100% phần vốn góp của Doanh nghiệp này tại Công ty TNHH K – Bohemia, trụ sở tại số 10 Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình, theo phương thức quy định tại Luật số 182/2006 Tuyển tập luật, Luật phá sản, đặc biệt là có quyền thực thi mọi quyền và nghĩa vụ với tư cách là thành viên duy nhất của Công ty TNHH K, kể cả quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của công ty này và thực thi quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo Giấy phép đầu tư số 2089/GP do Bộ kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 01/12/1998 đối với phần vốn góp nêu trên, với nội dung nêu tại Giấy phép đầu tư sửa đổi số 2089/GPFC do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25.10.1999, với nội dung sửa đổi nêu tại Giấy phép đầu tư số 2089/GCND2/29/1 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp.

III Tuyên bố phá sản có hiệu lực kể từ thời điểm công bố trong danh mục doanh nghiệp phá sản.”

Như vậy, Công ty T đã bị tuyên bố phá sản tại Cộng hòa Séc, quyền và nghĩa vụ đối với doanh nghiệp phá sản được giao cho Quản tài viên là ông JC theo phán quyết II của Quyết định MSPH 93INS 4348/2015-B-3 ông JC có quyền như đã nêu trên.

Tại Quyết định số 31/2016/QĐPT-KDTM ngày 11/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại mục 2 phần Quyết định nêu trên của đã phán quyết như sau: “*Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Quyết định số thụ lý MSPH 93 INS 4348/2015-A-66 ngày 26/6/2015 của Tòa án thành phố Prague, Cộng Hòa Séc tuyên bố về tình trạng mất khả năng thanh toán của Công ty T và Quyết định thụ lý MSPH 93 INS 4348/2015-B-3 ngày 22/7/2015 của Tòa án thành phố Prague, Cộng Hòa Séc tuyên bố về tình trạng phá sản của Công ty T*”. Việc Tòa án Việt Nam cho công nhận và thi hành Quyết định Tuyên bố phá sản của Tòa án thành phố Prague, Cộng Hòa Séc là phù hợp với Điều 46, 47 Hiệp định tương trợ tư pháp năm 1982 giữa hai nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Séc (kế thừa của Tiệp Khắc).

Sau khi có Quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản tài viên của mình ông JC có đơn xin và được Phòng đăng ký kinh doanh và Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH K lần thứ 5, ngày 13/3/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 5 của Công ty TNHH K thay đổi lần thứ 5 ngày 13/3/2017.

Ngày 31/3/2017 ông I là người đại diện theo pháp luật của Công ty T ký đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nêu trên của Phòng Đăng ký kinh doanh và Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Công ty T khởi kiện các Quyết định hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải căn cứ các nguyên tắc, phạm vi điều chỉnh và các quy định cụ thể của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Cụ thể, Luật tố tụng hành chính năm 2015 quy định:

“Điều 123. Trả lại đơn khởi kiện

1. Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện trong những trường hợp sau đây:

a) Người khởi kiện không có quyền khởi kiện;

“Điều 143. Đình chỉ giải quyết vụ án

1. Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây:

a) Người khởi kiện là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế; cơ quan, tổ chức đã giải thể hoặc **tuyên bố phá sản** mà không có cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng;

h) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này mà Tòa án đã thụ lý.”

“Điều 229. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án

1. Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 143 của Luật này;”

“Điều 241. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm

4. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án nếu trong quá trình xét xử sơ thẩm có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 143 của Luật này.”

Đối chiếu các quy định nêu trên thấy rằng Công ty T đã bị tuyên bố phá sản, Quyết định tuyên bố phá sản đó đã có hiệu lực pháp luật và được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng công nhận và cho thi hành tại Việt Nam. Theo nội dung phán quyết của Tòa án đã giao cho Quản tài viên là ông JC thực thi mọi quyền và nghĩa vụ đối với Công ty T, ông I là Chủ tịch hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty T trước khi Công ty này bị tuyên bố phá sản, theo nội dung phán quyết của Tòa án ông JC, quản tài viên là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty, do vậy ông I không thể thay mặt cho doanh nghiệp đã bị Tòa án tuyên bố phá sản để tiến hành khởi kiện vụ án hành chính theo luật Tố tụng hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chính vì vậy trong trường hợp này, Công ty T do ông I là Chủ tịch hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty T đã bị tuyên bố phá sản không có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án Việt Nam.

Như vậy, theo luận cứ bảo vệ của ông Diệp Kiến Tr và ông P cho rằng ông I có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo Luật Tố tụng hành chính là không đúng. Các quyền và lợi ích hợp pháp khác của ông I người đại diện theo pháp luật của Công ty T hoặc của những người liên quan khác nếu có ảnh hưởng chỉ có thể bảo vệ thông qua các quan hệ pháp luật dân sự, kể cả việc yêu cầu xem xét lại các quyết định hành chính.

Tuy tại Quyết định giải quyết khiếu nại số: 01/2017/QĐ-HC ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận khiếu nại của ông I và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện, nhưng phần Xét thấy của Quyết định đã nhận định rõ: *“Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình phải thụ lý vụ án, yêu cầu Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Bình, ông JC cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 5 đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án mới xem xét, đánh giá chứng cứ, tài liệu đã được thu thập đúng quy định pháp luật (như là Quyết định tuyên bố phá sản Công ty Trade BGM của Tòa án Thành phố Prague, Cộng hòa Séc và Quyết định số 31/2106/QĐPT-KDTM ngày 11/10/2106 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng...), trong trường hợp cho rằng Công ty T không có quyền khởi kiện thì Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình áp dụng Điểm h, Khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính để đình chỉ giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mới trong giai đoạn xem xét đơn*

khởi kiện vụ án hành chính của Công ty Trade BGM có đủ điều kiện thụ lý hay không mà đã căn cứ vào các quyết định của Tòa án trong lĩnh vực kinh doanh thương mại để xác định Công ty Trade BGM không có quyền khởi kiện là không đúng.

Vì vậy, Quyết định số 180/2017/QĐGQKN-HC ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình với nội dung trả lại đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông I – đại diện theo pháp luật Công ty Trade BGM là không đúng quy định pháp luật.”

Lẽ ra, sau khi thụ lý, kiểm tra các tài liệu chứng cứ để đối chiếu với quy định của Luật Tố tụng hành chính, xem xét người khởi kiện có quyền khởi kiện hay không, trường hợp người khởi kiện không có quyền khởi kiện thì phải đình chỉ giải quyết vụ án theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đưa ra xét xử và ban hành bản án là không đúng với các quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về nội dung khởi kiện, cũng như nội dung kháng cáo của các đương sự.

Về xử lý tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm hành chính: Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm cho người nộp theo quy định của pháp luật. Chi phí phiên dịch tại phiên tòa phúc thẩm tổng cộng 6.750.000 đồng bên khởi kiện Công ty T tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Các tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp cho Tòa án sẽ được trả lại khi các đương sự có đơn yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 241 của Luật tố tụng hành chính,

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 123; điểm a, điểm h Điều 143; Điều 144; Khoản 1 Điều 229 Luật tố tụng hành chính.

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2018/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Đình chỉ việc giải quyết vụ án hành chính thụ lý số: 211/2018/TLPT-HC ngày 23/8/2018 về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh”.

2. Về án phí: Áp dụng Khoản 2, Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm thu tại các Biên lai số

0004953 ngày 24/11/2017 và Biên lai số 0004529 ngày 02/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình cho người khởi kiện Công ty T.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HC-PT

Ngày 20 tháng 02 năm 2020

V/v khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng
nhận đăng ký kinh doanh của Phòng
đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch đầu tư
tỉnh Tiền Giang.

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh;

Ông Phạm Công Mười;

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 227/2019/TLPT-HC ngày 19 tháng 3 năm 2019 về “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tiền Giang*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1227/2020/QĐPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

-Người khởi kiện: Công ty Liên doanh Thủy sản V – N .

Đại diện theo pháp luật: Cát Thắng A – Chức vụ: Tổng Giám đốc (có mặt).

Địa chỉ trụ sở chính: Số N, phường Đ, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ giao dịch tạm thời: Số K, phường K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Người bị kiện: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang.

Đại diện: Ông Lâm Trí Đ- Trưởng phòng đăng ký kinh doanh (có mặt).

Địa chỉ: Số C, Phường C, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Là người bị kiện.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang.

Trụ sở chính: L, Phường F, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: A đường Đ, Phường C, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung Nguyên K - Chủ tịch công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Cẩm P(có mặt).

-*Người kháng cáo:*Người khởi kiện Công ty Liên doanh Thủy sản V - N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản đối thoại, người khởi kiện Công ty Liên doanh Thủy sản V - N (sau đây viết tắt là S), đại diện theo pháp luật: Ông Cát Thắng A – Chức vụ: Tổng Giám đốc trình bày:

Ngày 21 tháng 12 năm 2016, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 1200668251, Đăng ký thay đổi lần đầu ngày 09/10/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 3 (Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang Công ty TNHH Một thành viên) cho Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga -Tiền Giang (sau đây viết tắt là Việt Nga Tiền Giang).

Không đồng ý, Skhởi kiện yêu cầu: Yêu cầu hủy bỏ toàn bộ quyết định hành chính là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 1200668251 Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 10 năm 2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 12 năm 2016 (Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang Công ty TNHH Một thành viên) buộc Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên, số 5302000395, đăng ký lần đầu ngày 09/10/2007;khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của S bị xâm phạm do quyết định hành chính trái pháp luật gây ra.

Lý do khởi kiện được S đưa ra như sau:

Ngày 28/12/2016, Công ty Liên doanh Thủy sản V - N gửi Công văn số 63/SPC thông báo tới Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang việc không được tham gia bàn bạc, lấy ý kiến khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên sang một thành viên của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga -Tiền Giang. Tài sản còn đang tranh chấp là thửa đất tại 199A Đinh Bộ Lĩnh, khu phố 5, Phường 9, TP. Mỹ Tho.

Ngày 11/01/2017, Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang có Công văn phúc đáp số 15/ĐKKD trả lời tóm tắt như sau: Căn cứ vào Quyết định của Bản án số 109/2011/KDTM-ST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và hồ sơ giải trình của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga -Tiền Giang, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang đã chấp thuận làm thủ tục chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên cho Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga -Tiền Giang (sau đây viết tắt là Cty Việt Nga- Tiền Giang).

Ngày 10/02/2017, S đã gửi Công văn số 05/SPFC đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang tổ chức cuộc họp với nội dung cần làm rõ tóm tắt như sau:

+ Việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp phép chuyển đổi từ Xí nghiệp Nước đá Liên doanh Tiền Giang sang Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga – Tiền Giang (loại hình Cty TNHH Hai thành viên trở lên năm 2007) (loại hình Công ty TNHH Một thành viên năm 2016) đã thực hiện đúng các Luật và Nghị định hướng dẫn thực hiện?

+ Giá trị tài sản của Xí nghiệp Nước đá Liên doanh Tiền Giang (có phần vốn góp của S) đã được chuyển giao cho Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga-Tiền Giang. Nay Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp phép chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Hai thành viên thành Công ty TNHH Một thành viên thì phần vốn góp của S do ai quản lý sử dụng (sở hữu).

Ngày 06/3/2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang chủ trì cuộc họp với S, sau khi các bên trình bày, thảo luận sự việc liên quan và quan điểm của mỗi bên, phía Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang yêu cầu Seprimfico cung cấp thêm hồ sơ, chứng lý. Phía S đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang sớm ra thông báo kết luận nội dung cuộc họp.

- Ngày 06/3/2017, S đã gửi Công văn số 10/SPFC cung cấp thêm hồ sơ và nhắc lại đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang sớm ra thông báo kết luận nội dung cuộc họp.

- Ngày 16/6/2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang tổ chức cuộc họp có sự tham gia của các bên liên quan (S và Công ty TNHH Thủy sản Việt

Nga - Tiền Giang Một thành viên). Nội dung cuộc họp: Các bên trình bày về vốn và tài sản, công nợ của doanh nghiệp Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang Hai thành viên, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang yêu cầu các bên tự thỏa thuận giải quyết. S một lần nữa lại đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang sớm ra văn bản thông báo kết luận cuộc họp ngày 06/3/2017.

- Ngày 17/7/2017, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Tâm (Đối tác đầu tư với S thành lập Xí nghiệp Liên doanh nước đá Tiền Giang – tiền thân của Công ty TNHH Thủy sản Việt – Nga Tiền Giang Hai thành viên) có Công văn trả lời số 24/CV.17 với nội dung tóm tắt như sau: Thông báo Công ty TNHH Thủy sản Việt – Nga Tiền Giang Hai thành viên đã được chuyển đổi thành Công ty TNHH Thủy sản Việt – Nga Tiền Giang Một thành viên do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Tâm làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kinh doanh số 1200668251 hoàn toàn đúng thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Phần tài sản còn lại và nợ tồn đọng từ Xí nghiệp Nước đá Liên doanh chuyển qua, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Tâm kiến nghị S tiến hành thực hiện giải quyết tại tòa án.

- Ngày 27/7/2017, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang tiếp tục cho phép thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Thủy sản Việt – Nga Tiền Giang một thành viên. Người đại diện pháp luật: Lê Trung Nguyên K.

- Ngày 22/8/2017, S gửi Công văn số 18/SPFC đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang có Văn bản thông báo kết luận cuộc họp ngày 06/3/2017, tới ngày 15/9/2017 nếu chưa nhận được thông tin phản hồi sẽ khởi kiện.

- Ngày 05/9/2017, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang có công văn số 2465/SKH&ĐT-ĐKKD trả lời về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty Thủy sản Việt Nga – Tiền Giang là căn cứ vào nội dung bản án số 109/2011/KDTM-ST; khoản 3, Điều 48 Luật Doanh nghiệp 2014; việc Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là đúng quy định của pháp luật.

S nhận thấy rằng:

1. S có đầy đủ chứng cứ pháp lý và lịch sử là Nhà đầu tư và thành viên đã tham gia góp vốn thành lập Xí nghiệp Nước đá Liên doanh Tiền Giang (Tiền thân của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang).

2. Thực hiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2005, Xí nghiệp Nước đá Liên doanh Tiền Giang chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và bổ sung nâng vốn điều lệ lên 6 tỷ đồng. Xí nghiệp Nước đá Liên doanh Tiền Giang đã thực hiện: Toàn bộ vốn, công nợ, tài sản, diện tích đất, hồ sơ tài liệu đã được kiểm kê, thẩm định giá và bàn giao nguyên trạng sang Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang. Riêng phần bổ sung vốn theo hợp đồng không do người có thẩm quyền và đại diện theo pháp luật ký nên đã không được thực hiện.

3. Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tại Bản án số 109/2011/KDTM-ST ngày 21/6/2011 không có phần nội dung buộc thi hành như Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang viện dẫn.

4. Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang đã vi phạm không thi hành Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tại Bản án số 109/2011/KDTM-ST ngày 21/6/2011, trích dẫn nội dung (từ dòng 17, trang 7): *“Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại Satra Tiền Giang (nay là Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Đồng Tâm) yêu cầu tuyên bố Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga không còn là thành viên của Công ty TNHH thủy sản Việt Nga Tiền Giang. Công ty cổ phần thương mại Satra Tiền Giang được phép huy động vốn góp và đăng ký thay đổi nội dung kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005”*.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang đã vi phạm pháp luật khi đồng nhất thay đổi nội dung Đăng ký doanh nghiệp với chuyển đổi loại hình doanh nghiệp khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang, được thể hiện rõ trong 2 văn bản trả lời S:

* Văn bản số 15/ĐKKD ngày 11/01/2017: Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ 2 thành viên sang 1 thành viên.

* Văn bản số 2465/SKH&ĐT-ĐKKD ngày 05/9/2017: Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Dẫn tới việc vi phạm khoản 2, Điều 4 và điểm đ, điểm e, khoản 2, Điều 25 Nghị định 78/NĐ - CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp, khi tiếp nhận và thụ lý hồ sơ của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang.

Hậu quả của việc vi phạm Luật Doanh nghiệp 2014 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp 2014, Quyết định của Tòa án tại Bản án số 109/2011/KDTM-ST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc tranh chấp *“Giữa các thành viên Công ty với nhau về vốn góp”* như sau:

Hành vi Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh

nghiệp:1200668251, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 09/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/12/2016 (chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang Công ty TNHH Một thành viên) cho Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga -Tiền Giang là vi phạm Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị Định 78/NĐ -CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp và Quyết định của Tòa án tại Bản án số 109/2011/KDTM-ST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc tranh chấp “Giữa các thành viên Công ty với nhau về vốn góp”.

S không còn là thành viên của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang.

S bị mất toàn bộ vốn đã đầu tư tại Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang.

Người bị kiện Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang đại diện theo ủy quyền ông Lâm Trí Đ Trưởng phòng đăng ký kinh doanh trình bày:

1. Về người đại diện theo pháp luật của Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico:

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 10/KTĐN-GPĐT ngày 03/6/1988 của Bộ Kinh tế Đối ngoại; Quyết định số 5252/QĐ-UB ngày 21/8/2001 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 10/KTĐN-GPĐT-DDC5-HCM ngày 15/12/2005 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Theo các văn bản trên, Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico đã hết thời gian hoạt động.

Ngày 17/10/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 8888 ngày 17/10/2014, trong đó chấp thuận Ông Cát Thắng Anh là người đại diện theo pháp luật của Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico để tiến hành các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật đối với Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico. Do đó, ông Cát Thắng Anh không có toàn quyền của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Hơn nữa, cơ quan cấp Giấy phép thành lập và điều chỉnh, bổ sung Giấy phép thành lập của Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico là Bộ Kinh tế Đối ngoại (nay là Bộ Thương mại) và UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, thẩm quyền chấp thuận người đại diện theo pháp luật của Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico phải là các cơ quan trên.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định về hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty. Do đó, để ông Cát Thắng Anh là người đại diện theo pháp luật Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico thực hiện các quyền theo quy định tại khoản

1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp “..đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án...” thì phải được Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico quyết định cử là người đại diện theo pháp luật của Công ty và phải được UBND Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý chấp thuận.

Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tiền Giang kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét lại tư cách người đại diện theo pháp luật Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico của ông Cát Thăng Anh.

2. Về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga – Tiền Giang

2.1. Về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên đăng ký thay đổi lần 3 ngày 21/12/2016 (chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty TNHH một thành viên).

Ngày 22/11/2016, ông Trần Văn T là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang đến Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng ký chuyển đổi công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Hồ sơ đăng ký chuyển đổi bao gồm:

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang không có các hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm một thành viên như sau:

- Hợp đồng chuyên nhượng phần vốn góp trong công ty hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng;

- Biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc chuyển đổi loại hình công ty không có thành viên Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico tham dự họp và ký tên.

Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên mà không yêu cầu Doanh nghiệp nộp các hồ sơ trên là vì thành viên Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico không có tư cách thành viên của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang với lý do như sau:

- Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico có Văn bản số 10/SPFC-2011 ngày 25/08/2010 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, trong đó đã phủ định tư cách thành viên của Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico tại Công ty Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang: “Hội đồng quản trị Công ty liên doanh Thủy sản Việt – Nga không có Nghị quyết về việc

Seamprifico cùng SatraTico liên doanh thành lập công ty TNHH Thủy sản Việt – Nga Tiền Giang” ..vv..

- Bản án số 109/2011/KDTM-ST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc tranh chấp giữa các thành viên công ty với nhau về vốn góp, tại trang 5 có nêu: *“Tại thời điểm ngày 20/8/2007, ông Sotnikov là đồng chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Việt Nga ký kết hợp đồng thành lập Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga – Tiền Giang và thỏa thuận ra bản Điều lệ của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga – Tiền Giang, nhưng không đưa ra được bản Nghị quyết hay Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty Việt Nga về việc thống nhất góp vốn liên doanh thành lập Công ty TNHH thủy sản Việt Nga – Tiền Giang”.*

Hơn nữa, trong trường hợp Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfico là thành viên của Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang, nhưng thành viên này không góp vốn như đã cam kết trong thời hạn quy định tại Khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 18 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2005; Khoản 2 Điều 48 Luật Doanh nghiệp năm 2014 nên đương nhiên không còn là thành viên công ty, đã mất tư cách thành viên của công ty.

2.2. Về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp sau lần thứ 3.

Ngày 03/7/2017, Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang đăng ký thay đổi chủ sở hữu từ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đồng Tâm sang Công ty cổ phần Thương mại dầu khí Cửu Long (tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn, những tranh chấp sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng sẽ do chủ sở hữu mới chịu trách nhiệm).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định 78/2015/NĐ-CP thì doanh nghiệp không được thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau: *“a) Đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đã bị ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; b) Đang trong quá trình giải thể theo quyết định giải thể của doanh nghiệp; c) Theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án hoặc cơ quan công an”.*

Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 03/7/2017 không thuộc trường hợp không được thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định trên nên Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là đúng quy định.

Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy tại thời điểm Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thành viên Công ty cổ phần Thương mại Satra Tiền

Giang khởi kiện Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfio yêu cầu thanh toán các khoản chi phí phát sinh do thành viên này không góp vốn thì Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfio phủ định tư cách là thành viên Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang để không phải thanh toán các khoản nợ. Đến nay, Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang có hướng phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty Liên doanh Thủy sản Việt - Nga Seamprimfio khởi kiện yêu cầu khôi phục tư cách thành viên tại Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang, kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang, đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Hữu Hiệp trình bày: Công ty Việt Nga tiền thân là Công ty TNHH hai thành viên Thủy sản Việt Nga – Tiền Giang do công ty cổ phần thương mại Satra Tiền Giang (nay là công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đồng Tâm) và Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga S thành lập ngày 20/8/2007. Tuy nhiên, từ khi thành lập cho đến nay công ty S không góp vốn vào công ty Thủy Sản Việt Nga – Tiền Giang. Do vi phạm về cam kết góp vốn công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đồng Tâm đã khởi kiện S và được Tòa án tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng bản án số 109/2011/KDTM-ST với nội dung hủy bỏ hợp đồng thành lập giữa công ty cổ phần XNK Đồng Tâm và công ty S đồng thời xác định trong hơn 3 năm công ty S không góp bất kỳ đồng vốn nào vào Công ty Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang thì không phải là thành viên của Công ty Thủy sản Việt Nga- Tiền Giang.

Đến tháng 12/2016, Công ty Thủy sản Việt Nga tiến hành điều chỉnh giảm vốn điều lệ và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH một thành viên Thủy Sản Việt Nga- Tiền Giang

Ngày 21/12/2016, Công ty Việt Nga – Tiền Giang được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 với mức vốn điều lệ 1.800.000.000 đồng và do Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đồng Tâm làm chủ sở hữu giữ toàn bộ 100% vốn điều lệ.

Nay với yêu cầu khởi kiện của Công ty S chúng tôi không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 48 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ;

Khoản 2 Điều 48 Luật doanh nghiệp 2014.

Không chấp nhận khiếu kiện của Công ty Thủy sản V - N, yêu cầu hủy bỏ

quyết định hành chính là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 1200668251 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/12/2016 về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty TNHH một thành viên Thủy sản Việt – Nga Tiền Giang của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/11/2018, S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Anh đại diện S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Việc thành lập Việt Nga Tiền Giang gồm 2 nguồn vốn: Vốn góp mỗi bên 03 tỷ đồng và vốn từ xí nghiệp liên doanh nước đá chuyển sang theo chủ trương của tỉnh, tài sản từ xí nghiệp liên doanh nước đá Tiền Giang chuyển cho Việt Nga Tiền Giang được xác định mỗi bên 50% sau khi trừ công nợ của xí nghiệp nước đá do Satra đã thanh toán. Theo quy định thì việc thành lập doanh nghiệp mới phải có dự án đầu tư, đây là sự chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, không phải thành lập mới, S chỉ không góp phần vốn 03 tỷ đồng là vốn bổ sung thêm, hợp đồng thành lập công ty TNHH Việt Nga Tiền Giang ngày 20/8/2007 không có hiệu lực do người ký hợp đồng của bên S không có thẩm quyền.

Ông Đ trình bày: Theo quy định tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP thì việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo đăng ký của doanh nghiệp, bên S không góp vốn theo cam kết trong thời hạn 90 ngày nên đương nhiên mất tư cách thành viên.

Bà P trình bày: Hiện nay Việt Nga Tiền Giang đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, phía bên S từ năm 2007 đến nay không góp vốn, không cử người tham gia công ty, việc đăng ký chuyển đổi từ công ty hai thành viên sang công ty TNHH một thành viên là đúng, đề nghị bác kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung kháng cáo: Năm 2007 hai bên ký hợp đồng thành lập công ty, sau đó có khởi kiện tranh chấp về vốn góp và S đã phủ nhận tư cách thành viên, không góp vốn, bản án số 109/2011/KDTM-ST của TAND tỉnh Tiền Giang xác định S không góp vốn, phủ nhận tư cách thành viên công ty nên S đương nhiên không còn là thành viên công ty, do đó Việt Nga Tiền Giang có quyền làm thủ tục chuyển đổi từ công ty TNHH hai thành viên thành công ty TNHH một thành viên và Phòng đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng

ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 3 là đúng. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Ngày 09/10/2007, Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tiền Giang (sau đây viết tắt là Sở KHĐT) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH hai thành viên trở lên số 5302000395, cấp lần đầu cho Công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang (sau đây viết tắt là Việt Nga- Tiền Giang), trụ sở tại 199A Đinh Bộ Lĩnh, khu phố 5, Phường 9, TP. Mỹ Tho. Công ty có hai thành viên là S và Công ty CPTM Satra Tiền Giang. Vốn điều lệ là 06 tỷ đồng, mỗi thành viên góp 03 tỷ đồng = 50%.

Theo đại diện người bị kiện thì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5302000395 trên được cấp trên cơ sở Hợp đồng về việc thành lập công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang giữa công ty CPTM Satra Tiền Giang với S ký ngày 20/8/2007.

Theo S thì: Xí nghiệp Nước đá Liên doanh Tiền Giang đã thực hiện: Toàn bộ vốn, công nợ, tài sản, diện tích đất, hồ sơ tài liệu đã được kiểm kê, thẩm định giá và bàn giao nguyên trạng sang Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang (trong đó có phần vốn góp của Stại Xí nghiệp Nước đá Liên doanh Tiền Giang) khi thành lập Thủy sản Việt Nga- Tiền Giang. Riêng phần bổ sung vốn theo hợp đồng thành lập công ty TNHH thủy sản Việt- Nga Tiền Giang không do người có thẩm quyền và đại diện theo pháp luật ký nên đã không được thực hiện.

[2]- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên đăng ký thay đổi lần 3 ngày 21/12/2016 (chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty TNHH một thành viên):

Ngày 22/11/2016, ông Trần Văn T là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang đến Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư đăng ký chuyển đổi công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Trên cơ sở hồ sơ doanh nghiệp cung cấp, Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tiền Giang xem xét, tiến hành cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên đăng ký thay đổi lần 3 ngày 21/12/2016 (chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty TNHH một thành viên) là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 31 Luật doanh nghiệp năm 2014, đúng thẩm quyền của Phòng đăng ký kinh doanh.

[3]- Về nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên đăng ký thay đổi lần 3 ngày 21/12/2016 (chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty TNHH một thành viên):

Công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang được thành lập và đăng ký kinh doanh lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH hai thành viên trở lên cấp ngày 09/10/2007, số đăng ký 5302000395. Tiền thân công ty này là do chuyển đổi từ xí nghiệp nước đá liên doanh Tiền Giang để thành lập công ty mới là Công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang, phần giá trị tài sản của nhà nước trong xí nghiệp nước đá liên doanh với S được giao cho Công ty cổ phần thương mại Satra Tiền Giang (Sau đây viết tắt là Satra), (BL: 164).

Để thành lập Công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang, Satra và S đã ký hợp đồng về việc thành lập công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang ngày 20/8/2007. Theo đó, vốn điều lệ ban đầu của Việt Nga- Tiền Giang là 06 tỷ đồng, mỗi bên đóng góp 50% là 03 tỷ đồng. Trên cơ sở hợp đồng này, Phòng đăng ký kinh doanh đã Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH hai thành viên trở lên cấp ngày 09/10/2007, số đăng ký 5302000395.

Quá trình hoạt động của Việt Nga- Tiền Giang thì đại diện của Việt Nga- Tiền Giang cho rằng: Khi đi vào hoạt động, Satra Tiền Giang nhiều lần kêu gọi nhắc nhở nhưng S vẫn không thực hiện góp vốn theo hợp đồng, cho đến nay chỉ có Satra góp vốn, bên S không góp vốn, nhiều năm không cử người tham gia điều hành công ty liên doanh nên Satra (nay là công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đồng Tâm) đã khởi kiện ra tòa tranh chấp giữa các thành viên công ty về việc góp vốn vào năm 2010.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ kiện tranh chấp giữa các thành viên công ty về việc góp vốn, TAND tỉnh Tiền Giang đã xét xử bằng bản án số 109/2011/KDTM-ST ngày 21/6/2011. Theo nội dung bản án thì S có văn bản số 10/SPFC-2010 ngày 25/8/2010 phủ nhận việc ký hợp đồng về việc thành lập công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang này 20/8/2007, cho rằng người đại diện cho bên S là ông Sotnikov không có thẩm quyền ký hợp đồng này. Bản án đã nhận định: “*Hợp đồng thành lập công ty thủy sản Việt Nga- Tiền Giang và bản điều lệ của công ty này là không phù hợp quy định của pháp luật tại điểm a, b khoản 1 Điều 38 Luật doanh nghiệp năm 2005... Từ ngày 09/10/2007 đến nay công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang với giấy đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp vẫn hoạt động bình thường với số vốn chỉ riêng công ty Satra đóng góp... Công ty Việt Nga không góp vốn thì không còn là thành viên công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang, lẽ ra thì công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang phải làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh...*”. Bản án này hiện nay đang có hiệu lực pháp luật.

Mặt khác, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 39 Luật doanh nghiệp năm 2005, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 48 Luật doanh nghiệp năm 2014 thì hết thời hạn góp vốn, thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty và công ty phải thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Thời hạn góp vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 01/10/2010 là 36 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Như vậy, việc thành lập Việt Nga Tiền Giang trên cơ sở hợp đồng ngày 20/8/2007 giữa S với Satra nhưng S đã có văn bản phủ nhận tư cách thành viên, cho rằng hợp đồng thành lập công ty vô hiệu, không góp cổ phần, không cử người tham gia điều hành công ty. Theo bản án số 109/2011/KDTM-ST và các quy định pháp luật được viện dẫn trên thì S không còn là thành viên của Việt Nga- Tiền Giang. Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 1200668251, Đăng ký thay đổi lần đầu ngày 09/10/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 12 năm 2016 (Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang Công ty TNHH Một thành viên) cho Công ty TNHH Thủy sản Việt Nga - Tiền Giang là đúng pháp luật.

[4]- Đối với phần tài sản của S trong xí nghiệp nước đá liên doanh Tiền Giang: Xét thấy, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu cấp cho Việt Nga- Tiền Giang ngày 09/10/2007 trên cơ sở Hợp đồng về việc thành lập công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang ngày 20/8/2007. Trong Hợp đồng về việc thành lập công ty TNHH thủy sản Việt Nga- Tiền Giang không có nội dung về tài sản liên quan đến tài sản của xí nghiệp nước đá liên doanh Tiền Giang chuyển qua. Do đó, phần tài sản của S trong xí nghiệp nước đá liên doanh Tiền Giang (nếu có) mà được chuyển cho Việt Nga- Tiền Giang khi thành lập thì được giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của S, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm. S phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga S; giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số 35/2018/HC- ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang như sau:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 39 Luật doanh nghiệp năm 2005 Khoản 3 Điều 6 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ, khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 48 Luật doanh nghiệp 2014.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Thủy sản V - N về yêu

cầu hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số 1200668251, đăng ký lần đầu ngày 09/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/12/2016 (chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty TNHH một thành viên) công ty Thủy sản Việt – Nga Tiền Giang của Phòng đăng ký kinh doanh- sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí: Công ty liên doanh Thủy sản V - N chịu 300.000đ án phí sơ thẩm và 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 600.000 đồng tiền tạm án phí đã nộp theo biên lai thu số 00410 ngày 08/12/2017 và số 706 ngày 02/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh tiền Giang. nên xem như đã nộp xong án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 20/02/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HC-ST

Ngày 23-9-2020

V/v khiếu kiện Quyết định chấm dứt
hoạt động và thu hồi Giấy chứng
nhận đầu tư của dự án đầu tư



**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thơm

Ông Lộc Minh Hiệp

Ông Lương Viết Khê

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 10/2020/TLST-HC ngày 19 tháng 3 năm 2020 về khiếu kiện Quyết định chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của dự án đầu tư theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HC ngày 16 tháng 7 năm 2020, Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số: 06/TB-TA ngày 10 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/QĐST-HC ngày 26 tháng 8 năm 2020, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 138/2020/QĐ-TA ngày 04 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2020/QĐST-HC ngày 11 tháng 9 năm 2020, Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số: 08/TB-TA ngày 16 tháng 9 năm 2020, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 149/2020/QĐ-TA ngày 21 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà V, đường N, quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Huy L, Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy T. Nơi đăng ký thường trú: Phố V, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (giấy ủy quyền số 2109/UQ-ONRC ngày 21-9-2020); có mặt.

2. Bà Hà Thị L. Nơi đăng ký thường trú: Phố Đ, quận N, Thành phố Hà Nội (giấy ủy quyền số 2109/UQ-ONRC ngày 21-9-2020); có mặt.

- *Người bị kiện:* Sở K tỉnh Lạng Sơn.

Địa chỉ: Đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu C, Giám đốc Sở; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thị Thanh N, Phó Giám đốc Sở K tỉnh Lạng Sơn (giấy ủy quyền ngày 01-4-2020), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 28-6-2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đầu tư chứng nhận lần đầu số: 14121000279 cho Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty) là nhà đầu tư thực hiện với mục tiêu: Trồng rừng nguyên liệu gỗ từ cây bạch đàn. Quy mô dự án: Trồng mới 4.000 ha cây bạch đàn theo tiên độ thiết kế và giao đất cho thuê của Nhà nước, bảo đảm từ năm thứ 7 cung cấp khoảng 100.000 m³/năm. Địa điểm thực hiện dự án: Tại 8 xã: S, A, Đ, L, H, M, N, X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất sử dụng: 4.300 ha. Hình thức sử dụng đất: Công ty thuê đất với Nhà nước để thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2013 đến năm 2017, cụ thể tại biểu:

Nội dung	Tiến độ thực hiện từng năm (đơn vị: Ha)				
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Trồng rừng	800	800	800	800	800
Chăm sóc rừng		800	1.600	1.600	1.600
Nuôi dưỡng rừng			800	1.600	1.600

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư, Pháp lệnh Giống cây trồng, Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các quy định khác của pháp luật. Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu Chủ đầu tư không thực hiện đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định chấm dứt hoạt động của dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

Ngày 18-01-2018, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn có Công văn số 189/VP-KTN về việc xử lý tranh chấp đất rừng tại xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 22-02-2018, Sở T tỉnh Lạng Sơn có Báo cáo số 46/BC-

STNMT báo cáo kết quả kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty (gọi tắt là Báo cáo số 46) gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là UBND tỉnh). Sau khi xem xét Báo cáo số 46, ngày 02-3-2028, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 678/VP-KTN về việc kiểm tra dự án trồng rừng sản xuất trên địa bàn huyện L (gọi tắt là Văn bản số 678). Thực hiện Văn bản số 678, ngày 26-3-2018, Sở K tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là Sở KH&ĐT) đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện dự án đầu tư Trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Công ty có được mời nhưng vắng mặt. Ngày 13-4-2018, Sở K có Báo cáo số 142/BC-SKHĐT báo cáo kết quả kiểm tra dự án Trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là Báo cáo số 142) gửi UBND tỉnh và ban hành Thông báo số 74/TB-SKHĐT về kết quả kiểm tra dự án gửi đến nhà đầu tư (gọi tắt là Thông báo số 74). Đồng thời đề nghị người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Sở Klàm việc vào ngày 19-4-2018 để báo cáo giải trình làm rõ các nội dung liên quan đến dự án.

Ngày 19-4-2018, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1342/VP-KTN về việc kết quả kiểm tra dự án trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có nội dung như sau: Đồng ý nội dung Báo cáo số 142. Sở K phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý tiếp theo quy định pháp luật hiện hành; báo cáo đề xuất UBND tỉnh các nội dung vượt thẩm quyền. Cũng vào ngày 19-4-2018, Công ty đến làm việc trực tiếp với Sở K về kết quả kiểm tra tiến độ thực hiện, đánh giá dự án. Ngày 20-4-2018, Sở K đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác nhận tình trạng của Chi nhánh Công ty đăng ký tại đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 09-5-2018, Sở K ban hành Quyết định số: 61/QĐ-SKHĐT về việc chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của dự án đầu tư Trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là Quyết định số 61). Lý do chấm dứt hoạt động: Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư do: Nhà đầu tư không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư.

Ngày 21-5-2018, Công ty nhận được Quyết định số 61. Ngày 28-8-2018, Sở K nhận được Đơn khiếu nại đề ngày 09-8-2018 của Công ty đối với Quyết định số 61. Ngày 10-9-2018, Giám đốc Sở K đã ban hành Thông báo số 187/TB-SKHĐT về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 22-11-2018, Giám đốc Sở K ra Thông báo số 233/TB-SKHĐT về việc tạm dừng giải quyết khiếu nại do Công ty không đến làm việc. Ngày 28-10-2019, Sở K có Biên bản làm việc trực tiếp với Công ty trong đó có nội dung liên quan đến vấn đề khiếu nại Quyết định số 61.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2020 cùng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Công ty cho biết: Ngày 09-5-2018, Sở K ban hành Quyết định số 61, Công ty thấy rằng Quyết định số 61 ban hành

không đúng về thẩm quyền; căn cứ, trình tự, lý do ban hành quyết định có nhiều vi phạm, cụ thể như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Tại khoản 1 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2014 quy định: Cơ quan đăng ký đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Tại Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014 và Điều 41, Điều 42 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (gọi tắt là Nghị định số 118) quy định: Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. Tại Điều 7 của Giấy chứng nhận đầu tư cũng quy định: Thẩm quyền của UBND tỉnh trong việc quyết định chấm dứt hoạt động của dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư. Trong số các căn cứ mà Sở K đưa ra để ban hành Quyết định số 61 có Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16-3-2016 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở K. Theo quyết định này thì Sở K chỉ có quyền: Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo phân cấp. Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp nên căn cứ Điều 32 Luật Đầu tư năm 2014 thì UBND tỉnh mới có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư. Vì vậy, việc Sở K căn cứ Điều 38 Luật Đầu tư năm 2014 để thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty là trái thẩm quyền.

2. Về quy trình, thủ tục ban hành Quyết định: UBND tỉnh đã có ý kiến chấp thuận nội dung Báo cáo số 142, chấp thuận phương án chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 42 Nghị định 118. Tuy nhiên, Sở K thay đổi phương án, thực hiện chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo một trường hợp khác quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014 nhưng Sở K đã không làm thủ tục báo cáo lại, xin ý kiến để có sự chấp thuận mới của UBND tỉnh. Sở K không có sự thống nhất trong định hướng, trong quá trình thực hiện thủ tục ban hành Quyết định số 61. Điều này được thể hiện tại Báo cáo số 142, báo cáo này được lập báo cáo UBND tỉnh trước thời điểm ban hành Quyết định số 61 chưa đến một tháng.

3. Về căn cứ ban hành Quyết định: Theo quy định tại mẫu II.8 Quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18-11-2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam, thì căn cứ được dẫn chiếu trong quyết định phải là: Văn bản, tài liệu là căn cứ trực tiếp để chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. Tại Quyết định số 61, có căn cứ Biên bản kiểm tra dự án Trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 26-3-2018, Công ty thấy: Đây không là căn cứ trực tiếp để chấm dứt hoạt động của dự án của Công ty bởi lẽ: Biên bản này, Sở K đã có Báo cáo số 142 và đã được UBND tỉnh chấp thuận. Và cũng căn cứ vào Biên bản kiểm tra nêu trên,

Sở K (không thực hiện báo cáo xin chủ trương lại UBND tỉnh) để quyết định việc chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án với lý do khác với lý do đã đưa ra tại Báo cáo số 142.

4. Về lý do chấm dứt hoạt động dự án: Công ty thừa nhận: Do cổ đông của Công ty bị điều tra, truy tố, xét xử; nhân sự của Công ty có nhiều biến động và thay đổi nên Công ty đã không thực hiện đúng tiến độ dự án theo Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp. Việc tổ chức, chăm sóc, bảo vệ, đầu tư rừng đã trồng chưa được chú trọng, cây trồng sinh trưởng không đảm bảo theo quy định Từ năm 2014 đến khi xét xử sơ thẩm, Công ty cũng chưa từng có văn bản báo cáo đề nghị cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho dừng thực hiện dự án và cũng không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định về chế độ giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án đang thực hiện. Đến nay, Công ty cũng chưa có văn bản đề xuất với cơ quan đăng ký đầu tư về việc xin giãn tiến độ thực hiện dự án. Tuy nhiên, Quyết định số 61 ghi nhận lý do chấm dứt hoạt động dự án là: Do nhà đầu tư không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư. Công ty thấy lý do trên không phù hợp vì: Dự án của Công ty là dự án có Giấy chứng nhận đầu tư nên theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Đầu tư năm 2014 thì dự án đó thuộc trường hợp được giãn tiến độ. Chỉ có điều, nhà đầu tư phải có đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện dự án. Việc Công ty thực hiện hay chưa thực hiện việc đề xuất đến cơ quan đăng ký đầu tư để được giãn tiến độ không làm thay đổi bản chất dự án. Do vậy, việc Sở K xác định dự án không thuộc trường hợp được giãn tiến độ là không đúng quy định pháp luật. Pháp luật đầu tư không có quy định về trình tự thủ tục đánh giá khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký của chủ đầu tư dự án. Tuy nhiên, pháp luật có quy định về hồ sơ xác định năng lực tài chính của nhà đầu tư trong hồ sơ dự án đầu tư để UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Do vậy, việc đánh giá khả năng thực hiện dự án theo tiến độ cần áp dụng tương tự quy định này để việc đánh giá có căn cứ nhất đó là quy định tại điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2014. Việc Sở K đưa ra nhận định Công ty không có khả năng thực hiện dự án chỉ thông qua việc kiểm tra thực địa dự án mà không áp dụng việc kiểm tra báo cáo tài chính, không kiểm tra năng lực tài chính của nhà đầu tư,... là không có căn cứ pháp luật.

Vì có những vi phạm trên, nên Công ty không nhất trí với Quyết định số 61. Công ty đã có đơn khiếu nại Quyết định số 61 gửi đến Sở K. Mặc dù việc khiếu nại đã được thụ lý từ năm 2018, nhưng đến nay Công ty không nhận được quyết định giải quyết khiếu nại. Xét thấy, quyền và lợi ích chính đáng bị ảnh hưởng nên Công ty khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 61; yêu cầu khởi kiện của Công ty đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý vụ án vào ngày 19-3-2020.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Sở K tỉnh Lạng Sơn trình bày: Năm 2018, sau khi ban hành Quyết

định số 61 thì Sở K có nhận được đơn khiếu nại của Công ty. Căn cứ Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn, ngày 10-9-2018 Giám đốc Sở K đã thụ lý việc khiếu nại của Công ty. Đến nay, đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền của Sở K không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại. Đối với các vấn đề người khởi kiện đưa ra yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 61, người bị kiện có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Luật Đầu tư năm 2014 đã không còn định nghĩa về Giấy chứng nhận đầu tư và thay vào đó là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Căn cứ quy định chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 118 xác định: Giấy chứng nhận đầu tư sẽ có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bao gồm các thủ tục đầu tư liên quan như điều chỉnh, thu hồi, chấm dứt theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014). Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 38 Luật Đầu tư năm 2014 thì: Sở K là cơ quan đăng ký đầu tư và là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Việc quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thẩm quyền ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của dự án được quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014 cụ thể: Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này. Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16-3-2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở K. Việc tham mưu (báo cáo, đề xuất, kiến nghị...) của Sở K cho UBND tỉnh có nhiều nội dung. Việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sẽ do cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền ban hành. Đối với việc cấp, điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh sẽ do UBND tỉnh ban hành. Việc nhà đầu tư căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh để đánh giá thẩm quyền ban hành quyết định được quy định tại Luật do Quốc hội thông qua là không phù hợp và không đủ căn cứ.

2. Về quy trình, thủ tục, căn cứ ban hành Quyết định: Tại khoản 1 Điều 46 Luật Đầu tư năm 2014 quy định về giãn tiến độ đầu tư. Từ thời điểm thực hiện dự án đến khi có Quyết định số 61, Công ty không có văn bản đề xuất với cơ quan đăng ký đầu tư về việc giãn tiến độ đầu tư. Do đó, Sở K đánh giá dự án của nhà đầu tư không thuộc trường hợp giãn tiến độ. Công ty đưa ra căn cứ điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2014 để cho rằng mình có đủ điều kiện thực hiện dự án là không phù hợp vì: Đây là thành phần hồ sơ để chứng minh năng lực tài chính ban đầu khi đề xuất thực hiện dự án. Việc thực hiện dự án không theo tiến độ đăng ký được thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 26-3-2018. Do Công ty vắng mặt (không liên lạc được) nên Sở K đã ra Thông báo số 74 gửi đến nhà đầu tư và có Báo cáo số 142 gửi UBND tỉnh thực hiện thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Nghị định số 118. Đồng thời, đề nghị người đại diện theo pháp luật của Công ty đến làm việc để báo cáo giải trình làm rõ các nội dung liên quan đến thực hiện dự án. Trong trường hợp nhà đầu tư không liên hệ với Sở K thì căn cứ chấm dứt

dự án sẽ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014. Tuy nhiên, ngày 19-4-2018, Công ty lên làm việc với Sở K. Do vậy, Sở K đã thực hiện các quy trình để ra Quyết định số 61 theo Điều 41 Nghị định số 118 với căn cứ chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư là điểm g khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014. Việc người khởi kiện cho rằng Sở K căn cứ vào Báo cáo số 142 để ban hành Quyết định là không chính xác, vì Sở K căn cứ vào Luật Đầu tư năm 2014 để ban hành Quyết định và căn cứ vào Nghị định 118 để thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

Kể từ khi được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư đến thời điểm kiểm tra dự án đã được hơn 05 năm nhưng Công ty chưa hoàn thành tiến độ trồng cây theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. Thời điểm kiểm tra, Công ty đã hoàn thành thủ tục thuê đất với Nhà nước, với tổng diện tích 305,89 ha tại 02 xã, đã thực hiện dự án trên 02 xã trồng được 147,26 ha/4.300 ha. Diện tích rừng đã trồng kém hiệu quả, không được Công ty chăm sóc, bảo vệ, để cho cây trồng phát triển tự nhiên nên mật độ trồng cây thưa thớt, cây trồng không có sự tăng trưởng, sinh trưởng kém không đủ tiêu chí xác định rừng theo quy định. Công ty dừng thực hiện dự án từ năm 2014 đến thời điểm kiểm tra được 39 tháng nhưng không có văn bản báo cáo đề nghị cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho ngừng hoặc tạm ngừng thực hiện dự án. Công ty đã vi phạm các quy định của Luật Đầu tư, vi phạm Điều 26 Nghị định số 118. Công ty chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định. Công ty đã vi phạm quy định về chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư tại Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30-9-2015 của Chính phủ quy định về giám sát và đánh giá đầu tư. Ngoài ra, tại thời điểm kiểm tra và đến thời điểm xét xử, địa chỉ đăng ký kinh doanh của Chi nhánh Công ty không thay đổi nhưng không có treo biển hiệu, Chi nhánh Công ty không hoạt động từ năm 2012 đến ngày 20-4-2018 (ngày kiểm tra). Vì vậy, mọi văn bản của Sở gửi đến Công ty đều bị trả lại. Nếu Công ty đã chuyển trụ sở đi nơi khác thì phải đăng ký với cơ quan đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 31 Luật Doanh nghiệp.

Từ những phân tích trên khẳng định, Sở K ban hành Quyết định số 61 về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, căn cứ là đúng theo quy định của pháp luật nên Sở K không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 61 mà người khởi kiện đưa ra; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án; các đương sự có mặt chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

1. Về thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 61. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực đầu tư của cơ quan

quản lý Nhà nước do Sở K tỉnh Lạng Sơn ban hành, là đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 09-5-2018, Sở K ban hành Quyết định số 61. Ngày 09-8-2018, Công ty có đơn khiếu nại Quyết định, theo dấu Công văn đến ngày 28-8-2018, Sở K nhận được đơn khiếu nại. Ngày 10-9-2018, Sở K ban hành Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 22-11-2018, Sở K ban hành Thông báo về việc tạm dừng giải quyết đơn khiếu nại của Công ty. Ngày 28-10-2019, Sở K có Biên bản làm việc trực tiếp với Công ty nhưng sau đó không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại. Như vậy, khiếu nại của Công ty chưa được giải quyết. Đầu tháng 3-2020, Công ty nộp đơn khởi kiện ra Tòa. Ngày 19-3-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý vụ án. Vì vậy, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính là đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

3. Về tính có căn cứ, hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện

3.1. Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Thời điểm Sở K ban hành Quyết định số 61, Luật Đầu tư năm 2014 đang có hiệu lực thi hành. Sở K căn cứ quy định tại Điều 38 của Luật Đầu tư năm 2014 về thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Hiện nay, có hai cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và Sở K tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo quy định tại Nghị định 118; điều khoản chuyển tiếp và điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư năm 2014 thì: Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này. Như vậy, Sở K ban hành Quyết định số 61 là đúng thẩm quyền.

3.2. Về căn cứ, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: Tại thời điểm kiểm tra việc Công ty thực hiện dự án vào ngày 26-3-2018 thấy: Công ty mới trồng được 147,26 ha/4.300ha, chiếm 3,4% so với diện tích rừng cần trồng theo Giấy chứng nhận đầu tư. Diện tích rừng đã trồng kém hiệu quả, Công ty không cử người chăm sóc, bảo vệ, để cây trồng phát triển tự nhiên nên mật độ cây trồng thưa thớt, không có sự tăng trưởng, sinh trưởng kém không đủ tiêu chí xác định rừng. Công ty đã dừng thực hiện dự án từ năm 2014 đến tháng 5-2018 nhưng không có văn bản báo cáo đề nghị cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho dừng dự án. Công ty vi phạm Điều 26 Nghị định số 118, vi phạm quy định về tiến độ thực hiện dự án, trách nhiệm của nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư. Công ty chưa thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định, vi phạm quy định về chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá đầu tư.

Theo Biên bản làm việc ngày 19-4-2018 giữa Sở K và Công ty về dự án trồng rừng và Báo cáo số 1804/ONRC-CV ngày 18-4-2018 của Công ty thể hiện: Diện tích dự án hoàn thành thủ tục thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 305,8ha, đã trồng rừng được 147,26 ha; kế hoạch năm

2018 là Công ty sẽ hoàn thành trồng lại toàn bộ diện tích đất đã hoàn thành thủ tục thuê đất 305,8 ha và Công ty cho rằng do khó khăn, biến động về nhân sự nên dự án triển khai chậm tiến độ đã được quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, đến nay chưa hoàn thành trồng rừng toàn bộ theo quy mô phê duyệt. Tại phiên tòa, Công ty xác định là chưa thực hiện đúng tiến độ trồng rừng theo Giấy chứng nhận đầu tư, do khó khăn biến động về nhân sự nên triển khai dự án chậm tiến độ theo Giấy chứng nhận đầu tư, nhưng đây là dự án thuộc trường hợp giãn tiến độ. Tuy nhiên, Công ty không cung cấp tài liệu chứng minh năng lực tài chính, biện pháp tổ chức thực hiện dự án về con người, kế hoạch triển khai thực hiện tiếp theo, đồng thời Công ty không có văn bản đề nghị giãn tiến độ thực hiện dự án. Theo ý kiến của Sở K, nếu trường hợp Công ty có văn bản đề nghị giãn tiến độ nhưng Sở K vẫn phải xem xét có thuộc trường hợp dẫn tiến độ hay không, chứ không phải có văn bản đề nghị là được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, thấy rằng Sở K ban hành Quyết định số 61 đảm bảo đúng thẩm quyền, căn cứ, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định hướng dẫn thi hành. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vì không có căn cứ pháp luật. Qua công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính nêu trên thấy Sở K chưa thực hiện đúng thời hạn giải quyết khiếu nại tại Điều 28 Luật Khiếu nại trong việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 61/QĐ-SKHĐT ngày 09-5-2018 do Sở K tỉnh Lạng Sơn ban hành về việc chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của dự án đầu tư Trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đây là quyết định hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước thuộc lĩnh vực đầu tư, là đối tượng khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 21-5-2018, Công ty nhận được Quyết định số 61. Ngày 28-8-2018, Sở K nhận được đơn khiếu nại đề ngày 09-8-2018 của Công ty. Ngày 10-9-2018, Giám đốc Sở K ra Thông báo số 187/TB-SKHĐT về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 22-11-2018, Giám đốc Sở K ra Thông báo số 233/TB-SKHĐT về việc tạm dừng giải quyết khiếu nại do Công ty không đến làm việc theo điểm b khoản 2 Điều 12 Luật Khiếu nại, nên không có đủ cơ sở để nhận xét, đánh giá, kết luận về các nội dung khiếu nại. Việc khiếu nại được tiếp tục thực hiện nếu sau khi nhận được Thông báo này Công ty liên hệ với Sở K để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại theo quy định của pháp luật. Ngày 28-10-2019, Sở K có Biên bản làm việc trực tiếp với Công ty trong đó có nội dung liên quan đến khiếu nại. Thời điểm này theo quy định, Giám đốc Sở

K phải tiếp tục giải quyết khiếu nại vì lý do tạm đình chỉ không còn, nhưng Giám đốc Sở K không thực hiện. Đầu tháng 3-2020, Công ty có đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 61. Ngày 19-3-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý vụ án. Như vậy, sau khi ra Thông báo tạm đình chỉ giải quyết việc khiếu nại, Công ty đã trực tiếp đến làm việc với Sở K nhưng Giám đốc Sở K không tiếp tục giải quyết khiếu nại. Đến nay đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại (Sở K cần phải rút kinh nghiệm về vấn đề này). Do đó, việc khởi kiện của người khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 61, thấy rằng: Quyết định số 61 được ban hành vào năm 2018, khi đó Luật Đầu tư năm 2014 và Nghị định số 118 đang có hiệu lực thi hành. Tại Điều 32 của Luật Đầu tư năm 2014 xác định rõ: Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, không thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được quy định rất rõ tại khoản 1 Điều 3, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 40, Điều 41 của Luật Đầu tư năm 2014 và tại Điều 28 của Nghị định 118. Theo các quy định này: Cơ quan đăng ký đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Theo quy định trên Sở K và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế có thẩm quyền tiếp nhận, cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Các cơ quan này là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương đã cấp cho nhà đầu tư trước thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành. Tại Điều 48 của Luật Đầu tư năm 2014 quy định rất rõ về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và Điều 41 của Nghị định số 118 quy định về điều kiện, thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong đó có quy định trường hợp chấm dứt hoạt động dự án đầu tư trong trường hợp: Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư. Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư trong trường hợp này Cơ quan đăng ký đầu tư đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Như vậy, Sở K ban hành Quyết định số 61 là đúng thẩm quyền.

[4] Về căn cứ, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 61, thấy rằng:

[5] Ngày 28-6-2012, UBND tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty là nhà đầu tư thực hiện với mục tiêu: Trồng rừng nguyên liệu gỗ từ cây bạch đàn. Đầu năm 2018, do xảy ra tranh chấp đất rừng tại xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nơi thực hiện dự án đầu tư nên Văn phòng UBND tỉnh có Công văn số 189/VP-KTN về việc xử lý tranh chấp đất rừng tại xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với nội dung: Giao Sở T tỉnh Lạng Sơn chủ trì, phối hợp với cơ quan

liên quan kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty tại xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 22-02-2018, Sở T có Báo cáo số 46 gửi UBND tỉnh về kết quả thực hiện việc kiểm tra. Sau khi xem xét Báo cáo số 46, ngày 02-3-2018, Văn phòng UBND tỉnh có Văn bản số 678 trong đó có nội dung: Giao Sở K chủ trì, phối hợp với Sở N, Sở T, UBND huyện L và các cơ quan có liên quan kiểm tra tiến độ, tình hình thực hiện dự án đầu tư trồng rừng sản xuất (theo Giấy chứng nhận đầu tư ngày 28-6-2012) do Công ty làm chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh trước ngày 15-4-2018.

[6] Thực hiện Văn bản số 678, ngày 26-3-2018, Sở K đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện dự án đầu tư Trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Công ty có được mời nhưng vắng mặt. Tại buổi làm việc ngày hôm đó đã lập Biên bản họp xem xét kiểm tra dự án Trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn với nhiều nội dung. Ngày 13-4-2018, Sở K có Báo cáo số 142 gửi UBND tỉnh. Qua kết quả kiểm tra, đánh giá dự án thấy rằng: Kể từ khi được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư, đến thời điểm kiểm tra dự án đã được hơn 05 năm nhưng Công ty chưa hoàn thành tiến độ trồng cây theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư (tiến độ đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đăng ký từ năm 2013 - 2017, trồng được 4.000 ha, tương đương mỗi năm 800 ha). Thời điểm kiểm tra, Công ty đã hoàn thành thủ tục thuê đất với Nhà nước với tổng diện tích 305,89 ha tại xã L và xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đã thực hiện dự án trên 02 xã trồng được 147,26 ha/4.300 ha (chiếm 3,4% so với diện tích cần thực hiện tại Giấy chứng nhận đầu tư). Đối với diện tích rừng đã trồng thì kém hiệu quả, không được Công ty (cử người) chăm sóc, bảo vệ để cho cây trồng phát triển tự nhiên nên mật độ trồng cây thưa thớt, cây trồng không có sự tăng trưởng, sinh trưởng kém, không đủ tiêu chí xác định rừng theo quy định tại Thông tư số 34/2009/TT-BNNPTNT ngày 10-6-2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng. Đối với diện tích đất được thuê tại thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Công ty vẫn chưa triển khai trồng rừng vì chưa thỏa thuận được với nhân dân về vấn đề đền bù. Do không cử người chăm sóc nên hiện có 02 người dân thôn C và P, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tranh chấp, lấn chiếm đất trồng rừng dự án của Công ty để thực hiện trồng cây thông. Đối với phần diện tích đất tại thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Công ty đã thực hiện công tác đào hố nhưng chưa thực hiện trồng cây, hiện nay người dân (08 hộ dân) đã lấn chiếm trồng thông trên toàn bộ diện tích này. Dự án chậm tiến độ, Công ty dừng thực hiện dự án từ năm 2014 đến thời điểm kiểm tra được 39 tháng nhưng Công ty không có văn bản báo cáo đề nghị cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho dừng thực hiện dự án. Công ty đã vi phạm các quy định của Luật Đầu tư, vi phạm Điều 26 Nghị định số 118 và vi phạm quy định về tiến độ thực hiện dự án, trách nhiệm của nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư đã được UBND tỉnh cấp. Công ty chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định. Điều này thể hiện Công ty đã vi phạm quy định về chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư tại Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30-9-2015

của Chính phủ quy định về giám sát và đánh giá đầu tư, trong đó quy định trách nhiệm của nhà đầu tư trong giám sát và đánh giá chương trình, dự án đầu tư.

[7] Sở K đã báo cáo UBND tỉnh về thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư như sau: Thực hiện thủ tục liên lạc với nhà đầu tư và người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Nghị định số 118, Sở K đã ban hành Thông báo số 74 về kết quả kiểm tra dự án gửi đến nhà đầu tư và đề nghị người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Sở K làm việc vào ngày 19-4-2018 để báo cáo giải trình làm rõ các nội dung liên quan đến dự án.

[8] Sau khi nhận được Báo cáo số 142, ngày 19-4-2018, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1342/VP-KTN về việc kết quả kiểm tra dự án trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 19-4-2018, Công ty đã đến làm việc trực tiếp với Sở K về kết quả kiểm tra tiến độ thực hiện, đánh giá dự án. Tại buổi làm việc Công ty báo cáo: Diện tích dự án hoàn thành thủ tục thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 305,8 ha; trồng được 147,26 ha. Kế hoạch trong năm 2018, Công ty sẽ hoàn thành trồng lại toàn bộ diện tích đất đã hoàn thành thủ tục thuê đất 305,8 ha. Do khó khăn, biến động về nhân sự nên dự án triển khai chậm tiến độ đã được quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, đến nay chưa hoàn thành trồng rừng toàn bộ theo quy mô đã được phê duyệt. Công ty kiến nghị cơ quan chức năng xem xét cho Công ty được tiếp tục thực hiện dự án. Nhưng Công ty không cung cấp tài liệu chứng minh năng lực tài chính, biện pháp tổ chức thực hiện dự án, như về con người, kế hoạch triển khai thực hiện tiếp theo.

[9] Theo khoản 1 Điều 46 Luật Đầu tư năm 2014 quy định về việc giãn tiến độ dự án: Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất, cơ quan đăng ký đầu tư có ý kiến bằng văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư. Đối chiếu vào vụ việc này, thấy rằng: Công ty có quyền đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi xin giãn tiến độ. Tuy nhiên, chính Công ty cũng khẳng định đến thời điểm Sở K thực hiện quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và đến khi xét xử thì Công ty không có văn bản đề xuất giãn tiến độ dự án. Mặt khác, việc đề xuất giãn tiến độ dự án của nhà đầu tư đó chỉ là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét có đồng ý cho giãn tiến độ hay không. Trong trường hợp nhà đầu tư đã không đủ khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đã đăng ký thì dự án cũng không đủ điều kiện để được giãn tiến độ.

[10] Ngoài ra, ngày 20-4-2018, Sở K đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác nhận tình trạng của Chi nhánh Công ty. Kết quả kiểm tra thấy: Địa chỉ đăng ký của Chi nhánh Công ty tại đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn không có biển hiệu, Chi nhánh Công ty không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ năm 2012 đến ngày kiểm tra.

[11] Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định Công ty không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư. Dự án đầu tư của Công ty thuộc trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư năm 2014. Do vậy, Sở K đã tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty theo hướng dẫn cụ thể tại Điều 41 của Nghị định số 118 là hoàn toàn đúng thủ tục.

[12] Các căn cứ mà Sở K thể hiện tại Quyết định số 61 đều là các căn cứ pháp lý đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm ban hành Quyết định số 61 và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[13] Về hình thức của Quyết định số 61 thấy rằng được ban hành đúng thể thức văn bản, đầy đủ nội dung, thực hiện đúng biểu mẫu II.8 kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18-11-2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

[14] Như vậy, Sở K ban hành Quyết định số 61 hoàn toàn có căn cứ pháp lý, đúng với các quy định của pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[15] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3, Điều 38, Điều 41, Điều 46, điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ các Điều 26, Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 41 của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18-11-2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ các Điều 9, Điều 12, Điều 14, Điều 19, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03-10-2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu khởi kiện: Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ về yêu cầu hủy Quyết định số: 61/QĐ-SKHĐT ngày 09-5-2018 của Sở K tỉnh Lạng Sơn ban hành về việc chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của dự án đầu tư Trồng rừng sản xuất tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vì không có căn cứ pháp luật.

2. Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 19-3-2020, Công ty cổ phần Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001267 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Công ty cổ phần Đ đã nộp đủ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
-
- Lưu: VT, Tổ HCTP, Tòa HC, HS vụ án..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa